"Lịch sử là một cuộc đấu tranh lâu dài,
trong đó con người sử dụng lý tính
để hiểu môi trường của mình và sống với nó."

-EDWARD CARR-

CẨM NANG TƯ DUY LỊCH SỬ



Mang tư duy phản biện vào tâm điểm của nghiên cứu lịch sử

HISTORICAL THINKING

Bringing critical thinking explicitly into the heart of historical study

MEG GORZYCKI - LINDA ELDER - RICHARD PAUL

HOÀNG NGUYỄN ĐĂNG SƠN - *Chuyển ngữ*
BÙI VĂN NAM SƠN - *Hiệu đính*

I

ĐÃ BÁN HƠN 1 TRIỆU CUỐN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cẩm nang
TƯ DUY LỊCH SỬ

Mang tư duy phản biện
vào tâm điểm của nghiên cứu lịch sử

HISTORICAL THINKING
Bringing critical thinking explicitly
into the heart of historical study

MEG GORZYCKI - LINDA ELDER - RICHARD PAUL

HOÀNG NGUYỄN ĐĂNG SƠN - *Chuyển ngữ*
BÙI VĂN NAM SƠN - *Hiệu đính*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm bản thảo:
HOÀNG THỊ HƯỜNG

Biên tập : **HOÀNG THỊ HƯỜNG**
Sửa bản in : **HOÀNG HÀ**
Trình bày : **HOÀNG VÂN**
Bìa : **MINH HIẾU**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38225340 - 38296764 - 38256713 - 38223637 - 38247225 - 38277326
Fax: 84.8.38 222 726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 3.000 cuốn. Khổ 13,5 x 22 cm
Tại: Xí nghiệp in FAHASA
774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
XNĐKXB: 2978-2016/CXBIPH/03-205/THTPHCM cấp ngày 7/9/2016
QĐXB số: 1186/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 16/9/2016
ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 5 6 5 9 - 8
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2016

Cẩm nang TƯ DUY LỊCH SỬ

Mang tư duy phản biện
vào tâm điểm của nghiên cứu lịch sử

HISTORICAL THINKING
Bringing critical thinking explicitly
into the heart of historical study

Historical Thinking: Bringing Critical Thinking Explicitly into The Heart of Historical Study

Cẩm nang Tư duy Lịch sử: Mang tư duy phản biện vào tâm điểm của nghiên cứu lịch sử

Meg Gorzycki - Linda Elder - Richard Paul

■

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Gorzycki, Meg

Cẩm nang tư duy lịch sử: mang tư duy phản biện vào tâm điểm của nghiên cứu lịch sử / Meg Gorzycki, Linda Elder, Richard Paul; Hoàng Nguyễn Đăng Sơn dịch; Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính. - T.P. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016.

160 tr.; 22 cm

Nguyên bản: Historical thinking: bringing critical thinking explicitly into the heart of historical study.

ISBN 978-604-58-5659-8

1. Lịch sử -- Nghiên cứu. 2. Lịch sử -- Triết học. 3. Tư tưởng và tư duy. I. Elder, Linda. II. Paul, Richard. III. Hoàng Nguyễn Đăng Sơn. IV. Bùi Văn Nam Sơn. V. Ts. VI. Ts: Historical thinking: bringing critical thinking explicitly into the heart of historical study.

907.2 -- ddc 23

G675

ISBN: 978-604-58-5659-8

9786045856598

MEG GORZYCKI - LINDA ELDER
RICHARD PAUL

Cẩm nang TƯ DUY LỊCH SỬ

Mang tư duy phản biện
vào tâm điểm của nghiên cứu lịch sử

HISTORICAL THINKING
Bringing critical thinking explicitly
into the heart of historical study

HOÀNG NGUYỄN ĐĂNG SƠN - *Chuyển ngữ*
BÙI VĂN NAM SƠN - *Hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

"Lịch sử là một cuộc đấu tranh lâu dài,
trong đó con người sử dụng lý tính
để hiểu môi trường của mình và sống với nó".

\- EDWARD CARR, *Lịch sử là gì?*

Mục lục

Lời Giới thiệu 9

Dẫn nhập 11

PHẦN I. Hiểu Tư duy Lịch sử

Tại sao cần Tư duy Lịch sử? 13

Một Lịch sử nào đó về Lịch sử 19

Các Vấn đề đối với Lịch sử 32

Vai trò của sự Công bằng và Cảm quan Đạo đức trong Tư duy Lịch sử 41

Tư duy Phản biện và Thuyết Xét lại Lịch sử 52

PHẦN II. Các Nền tảng của Tư duy Phản biện mang tính Bản chất đối với Tư duy Lịch sử

Phân tích Lịch sử bằng các Yếu tố của Tư tưởng 58

Tư duy Có thể được Định nghĩa bằng Tám Yếu tố Cấu thành 58

Những Yếu tố và những Vấn đề của Tư tưởng 60

Những Yếu tố của Tư duy Lịch sử 61

Logic của Lịch sử 62

Những Tư tưởng phụ thêm về các Yếu tố của Lập luận Lịch sử 68

Phân tích các Chuyện kể Lịch sử Bằng cách Sử dụng các Yếu tố của Tư tưởng 70

Các Chuẩn Trí tuệ Phổ quát 78

9 Chuẩn Trí tuệ khơi ra những Câu hỏi then chốt
cho các Sử gia 79

Đánh giá một Lập luận của Sử gia 83

Những Đặc trưng Trí tuệ Cốt yếu đối với Tư duy Lịch sử 85

**PHẦN III. Nuôi dưỡng Tư duy Lịch sử:
Những Hàm ý cho việc Dạy và Học**

Các Hồ sơ Cấp độ cho bộ môn Lịch sử 99

Phân tích và Đánh giá Nghiên cứu Lịch sử 106

Phân tích Logic của một bài Báo, bài Luận
hay một Chương Sách 109

Bảng Liệt kê Lập luận Lịch sử 112

Các chiến lược giảng dạy nuôi dưỡng tư duy lịch sử 115

Chiến lược giảng dạy 1:
Ba Sách giáo khoa và một Cuộc chiến 115

Chiến lược giảng dạy 2:
Phát hiện Tư liệu có Nguồn Thông tin Sơ cấp 130

Chiến lược giảng dạy 3:
Làm bài luận và Khung tiêu chí 139

Chiến lược giảng dạy 4:
Xét lại Hàng ngày 148

Chiến lược giảng dạy 5:
Bảng Đồ họa 151

Lời Giới thiệu

Hãy "học cách học"...

"*Apprendre à apprendre*" ("học cách học") là một khẩu hiệu nổi tiếng trong tiếng Pháp và không dễ… dịch, vì động từ "apprendre" trong tiếng Pháp dường như có cả hai nghĩa trong tiếng Anh: "to teach" và "to learn"! Không có sự tách bạch giữa "dạy" và "học", vì vị trí của chúng đôi khi có thể thay thế cho nhau, hay nói ngắn, giữa chúng có một sự "vận động". Sự vận động ấy chính là phương pháp.

Từ khi René Descartes viết quyển *"Các quy tắc hướng dẫn tư duy" (Règles pour la direction de l'esprit)* năm 1628 và *"Luận văn về Phương pháp" (Discours de la Méthode)* năm 1637, khoa học và tư duy khoa học thật sự bước vào thời hiện đại, tức, ta không còn có thể suy nghĩ và làm việc như thể không có… Descartes được nữa! Gần bốn thế kỷ đã trôi qua với biết bao sự cải tiến và tinh vi hóa về phương pháp trên mọi lĩnh vực, nhưng mục tiêu của nó không thay đổi, đúng như Kant đã nói: "Ta không thể học triết học, mà chỉ có thể học cách triết lý" hay như lời của Albert Einstein: "Giá trị của một nền giáo dục (…) không phải là dạy và học được nhiều sự kiện mà là đào luyện cho tinh thần biết tư duy…".

"*The Foundation for Critical Thinking*" (Quỹ Tư duy Phản biện) là một tổ chức học thuật, cung cấp nhiều "cẩm nang" về tư duy khoa học được biên soạn chặt chẽ, chắt lọc, ngắn gọn và thiết thực, đúc kết nhiều thành tựu về phương pháp trên "mẫu số chung" là khuyến khích tư duy phân tích và phản biện, cùng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học tập và nghiên cứu một cách có thực chất, có chiều sâu và dễ dàng áp dụng vào cuộc sống.

Bộ sách CẨM NANG TƯ DUY này dành cho mọi độc giả, từ học sinh, sinh viên đến các giảng viên, các nhà nghiên cứu, doanh nhân, người đã đi làm cũng như quý phụ huynh… muốn nâng cao năng lực tư duy của mình. Học sinh, sinh viên có thể đọc cẩm nang như tài liệu tham khảo để học tốt các bộ môn; quý phụ huynh có thể sử dụng cẩm nang để vừa nâng cao năng lực tư duy của mình vừa giúp con em mình phát triển các kỹ năng tư duy cần thiết để học tốt; các giảng viên, nhà nghiên cứu có thể sử dụng cẩm nang để xây dựng tốt các chủ đề của mình; người đã đi làm, doanh nhân… có thể áp dụng các kỹ năng, ý tưởng của cẩm nang vào công việc và cuộc sống.

Rất hoan nghênh và biết ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã dịch và xuất bản bộ sách quý này đến bạn đọc Việt Nam.

BÙI VĂN NAM SƠN

Dẫn nhập

Ai cũng nghĩ về quá khứ, song rất ít người tư duy một cách có phê phán cho việc phải nghĩ như thế nào về quá khứ. Hầu hết chúng ta không nhận ra rằng những câu chuyện ta kể về quá khứ đều là những minh họa cho tư duy lịch sử. Hơn nữa, những câu chuyện ấy thường được chắp vá bằng những sự xuyên tạc do chính ta tạo ra. Quan niệm của ta về quá khứ phần lớn bị định kiến bởi những ý thức hệ của các văn hóa và các nhóm đã và đang tác động đến ta. Ta nhìn quá khứ thông qua những lăng kính được ta tạo ra trong tâm trí mình. Ta muốn nhìn quá khứ theo một cách chắc chắn, và ta đã làm vậy. Ta được dạy phải nhìn quá khứ theo một cách nhất định, nên ta đã nhìn nó theo hướng đó. Hiếm khi nào ta đặt câu hỏi về các chuẩn mực văn hóa, các phong tục, niềm tin, những điều cấm kỵ và các giá trị đang tác động đến cách ta quan niệm về lịch sử.

Nếu chúng ta muốn tạo ra các xã hội công bằng, biết phê phán, phản biện - trong đó tất thảy mọi người, mọi dân tộc, mọi nền văn hóa biết đề cao giá trị của tư duy phản biện, công bằng - ta sẽ cần tư duy một cách có phê phán về lịch sử. Ta sẽ cần nhìn quá khứ theo những cách ít định kiến hơn. Ta sẽ cần sử dụng sự hiểu biết của mình về quá khứ để giúp ta đưa ra những quyết định tốt hơn trong hiện tại và tương lai. Đây chính là những lý do mà cẩm nang này ra đời.

Cẩm nang này mở đầu bằng việc tập trung vào những hiểu biết lý thuyết về lịch sử. Sau đó các cơ sở nền tảng của tư duy phản biện sẽ được đưa ra và nối kết với một khái niệm về tư duy lịch sử công bằng.

Cẩm nang này chủ yếu dành cho các giáo viên. Song nó cũng hữu ích đối với những ai quan tâm đến một nghiên cứu nghiêm túc về lịch sử. Bởi lẽ, cẩm nang trình bày lịch sử như một phương cách tư duy chứ không như một bản danh sách các niên đại, nhân vật và nơi chốn rời rạc, không gắn kết. Chúng tôi khuyên nên sử dụng cẩm nang này chung với cẩm nang sinh viên *Understanding Critical Thinking as the Key to Historical Thinking (Hiểu Tư duy Phản biện như Chìa khóa bước vào Tư duy Lịch sử).* Vì cả hai cuốn sách này đều dựa trên ý tưởng rằng lịch sử, giống như mọi chủ đề khác, phải được hiểu *dựa vào sự suy luận được bao hàm bên trong nó*. Nói khác đi, hai cuốn cẩm nang này bắt đầu với tiền đề rằng mọi sử gia phải đặt ra các *câu hỏi* lịch sử, xác lập các *mục đích* lịch sử, thu thập *thông tin* lịch sử, đưa ra các *suy luận* lịch sử, tiến hành với các *giả định* lịch sử, phát triển các *khái niệm* và các lý thuyết lịch sử, lập luận từ các *góc nhìn* lịch sử và tư duy bằng các *hàm ý* lịch sử.

Như với các cẩm nang thuộc loại này, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu các ý niệm được chúng tôi quan tâm mà thôi. Chúng tôi chỉ đưa ra một số minh họa trong vô vàn ví dụ đã và có thể được triển khai. Mọi ý tưởng của chúng tôi đều có thể được triển khai và đưa vào các ngữ cảnh sâu hơn, rộng hơn. Song, *cẩm nang này sẽ đưa ra một xuất phát điểm* cho việc hiểu mối quan hệ minh nhiên giữa tư duy phản biện và tư duy lịch sử. Quan trọng nhất là phân tích của chúng tôi hướng đến việc khai mở câu hỏi “bản chất của tư duy lịch sử là gì?”.

PHẦN I. Hiểu Tư duy Lịch sử

Tại sao cần Tư duy Lịch sử?

Lịch sử mở đầu khi con người bắt đầu tư duy về khoảng thời gian đã qua mà không cần dựa vào các diễn trình tự nhiên - chu kỳ các mùa, tuổi thọ đời người - nhưng dựa vào một chuỗi các sự kiện cụ thể trong đó con người tự mình tham gia và có thể tác động đến chúng một cách có ý thức… Lịch sử là một đấu tranh lâu dài, trong đó con người sử dụng lý tính để hiểu môi trường của mình và sống với nó.

Edward Carr, 1961[1]

Giáo dục về bản chất là dạy và học cách giải quyết các vấn đề và xử lý các hoàn cảnh và các khó khăn vốn tự chúng không thể có giải pháp nào. Trong khi toán học và khoa học tập trung vào những vấn đề và hoàn cảnh gắn với việc sống trong một thế giới vật lý và với các công nghệ do ta tạo ra, thì các bộ môn nghệ thuật khai phóng và các khoa học nhân văn lại quan tâm đến những vấn đề và hoàn cảnh con người có liên quan đến ý nghĩa của sự hiện hữu, bản sắc và các mối quan hệ con người. Lịch sử giúp ta hiểu thế nào là một con người và cách những người khác ứng phó những thách thức trong cuộc sống xã hội và chính trị ra sao. Lịch sử cung cấp cho ta những hiểu biết sâu về việc các xã hội đã phát triển đến trình độ hiện tại như thế nào và tại sao, các định chế đã và đang khuôn định cuộc sống và thế giới quan của ta như thế nào, và các cá nhân và các nhóm đã và đang tương tác với

1. Carr, E. (1961), *What is History?* New York, NY: Random House, tr. 178.

nhau ra sao trong việc định hình lịch sử. Trong kho lưu trữ của quá khứ, có nhiều hiểu biết về kinh nghiệm con người.

Lịch sử có giá trị vì nhiều lý do. Cuốn sách *Lịch sử - Khung Khoa học Xã hội cho Trường công California* (The History - Social Science Framework for California Public School) đã cho độc giả biết rằng những người hiểu lịch sử sẽ có hiểu biết về lịch sử, tộc người, văn hóa, địa lý và chính trị - xã hội; sẽ có một cảm quan về việc thế nào là một công dân và thế nào là tham gia hiệu quả vào một nền dân chủ[1]. Các sử gia cho ta biết rằng lịch sử giúp giải thích hiện tại; họ cũng cho ta biết rằng nghiên cứu lịch sử sẽ biến ta thành những con người tốt đẹp hơn bằng cách khuyến khích ta trở thành những công dân tốt, biết chăm lo cho cộng đồng[2]. Sử gia Bernard Bailyn lưu ý rằng lịch sử hướng ta đến hiện tại và mang lại một cảm quan về đâu là chân lý về thực tại ta đang sống[3]. Một số sử gia khác nói rằng lịch sử hoàn thiện tính cách của ta khi nó dạy ta biết đánh giá chậm lại, giúp ta tiếp cận đúng được tính đáng tin của các nguồn tư liệu và tính chân thực của bằng chứng[4]. Lịch sử có thể dạy ta biết cẩn thận đánh giá các tư kiến và cẩn trọng khi kể các câu chuyện, vì những người trong những câu chuyện ta kể đó có thể bị tổn thương, còn chân lý thì không phải lúc nào cũng dễ tìm ra được[5]. Một nghiên cứu cẩn thận về lịch sử sẽ kiềm chế quan niệm

1. History-Social Science Curriculum Framework and Criteria committee. (2005). *History-social science curriculum framework for Califorina public schools*. Sacramento, CA: California Department of Education.
2. Barton, K. và Levsick, L.S. (2004). *Teaching history for the common good*. Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates Publishers.
3. Latham, E.C. (1994). *Bernard Bailyn on the teaching and writing of history: Responses to a series of questions*. Hanover, NH: Montgomery Endowment Dartmouth College.
4. Stearns, P. (1998). Why study history? American Historical Association. Trích từ http://www. historians.org/pubs/free/WhyStudyHistory.htm.

5 Wineburg. S.S (2001). *Historical thinking and other unnatural acts*. Philadelphia, PA: Temple University Press.



Hình 1: Đài tưởng niệm chiến tranh Việt Nam tại New China Town ở Houston, Texas. Những hình ảnh kiểu này đang khoác vẻ lãng mạn cho cuộc chiến tranh Việt Nam và không thể hiện được những thực tế vô đạo đức của cuộc chiến (như việc đốt phá làng mạc và thả các hóa chất độc hại xuống người dân).



Hình 2: Bức tranh về Chiến tranh Việt Nam (tả thực): Một căn cứ của Việt Cộng bị phá hủy.

chưa chín chắn cho rằng hoạt động của con người nên được khoác thêm màu sắc tình cảm hay lãng mạn *(xem hình 1 và 2)*, chứ không nên đưa ra một quan niệm mở rộng lòng cảm thông về con người bằng cách nâng cao tính hợp lý[1]. Một số sử gia lập luận rằng chức năng của lịch sử là khuyến khích một sự hiểu sâu sắc hơn cả về quá khứ và những mối quan hệ qua lại giữa quá khứ và hiện tại[2]. Trên đây chỉ là một số trong nhiều cách các sử gia tư duy về lịch sử.

Có vẻ như người ta luôn kể những câu chuyện về dòng dõi của mình và các di sản của quá khứ để định nghĩa bản thân. Song, xét như một bộ môn xã hội, lịch sử đã và đang tiến hóa và đã tạo ra nhiều tranh cãi trên suốt chặng đường.

1. Carr, 1961.
2. Nash, G., Crabtree, C., & Dunn, R. (1997). *History on trial: Culture wars and the teaching of the past*. New York, NY: Vintage Books.

Các sử gia giỏi đều cẩn thận khi phán đoán con người và các sự kiện của quá khứ sao cho phù hợp với các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức chứ không chạy theo các phong tục xã hội tùy tiện, các lợi ích chính trị đảng phái hay các cấm kỵ văn hóa.

Lịch sử như ta hiểu ngày nay là con đẻ của các sử gia cổ điển, gồm Herodotus, Thucydides, Livy và Tacitus, những người đã ghi chép các sự kiện của thế giới Hi Lạp và La Mã cổ đại theo những cách riêng, khác với những bản mô tả khác, vì họ không gán nguyên nhân cho các vị thần hay số mệnh, mà có khuynh hướng xem các sự kiện như những vấn đề thuộc về tính cách và lựa chọn của con người *(xem hình 3)*[1]. Thực tế của việc mô tả lịch sử như ý chí Thượng đế là điểm chung trong các truyền thống cổ đại, trung đại và phục hưng, cũng như việc ghi chép lại quá khứ theo những cách có ý đồ nhằm phỉnh nịnh một cá nhân cụ thể hay để tán dương một nền văn minh cụ thể nào đó[2].

Tư duy lịch sử[3] cải thiện việc con người hiểu về quá khứ vì nó giúp họ nhận ra rằng các chuyện kể lịch sử được dựng nên từ các nguồn có sẵn (biến thiên về độ tin cậy và tính giá trị hiệu lực), rằng các chuyện kể lịch sử là những lý giải về quá khứ được viết từ các góc nhìn của một tác giả lịch sử

1. Hamerow, T.S. (1987). *Reflections on history and historians*. Madison, WI: University of Wisconsin Press, tr. 76.
2. Iggers, G.G. & Wang, E. Q. (2008). *A global history of modern historiography*. Harlow, UK: Pearson Eduction Limited.
3. Ở đây có ít nhất hai cách dùng thuật ngữ "tư duy lịch sử". Một cách chỉ đơn giản qui chiếu đến tư duy về quá khứ, mà hết thảy mọi người thường làm. Cách thứ hai chỉ đến tư duy đã được đào tạo về lịch sử và vì thế là tư duy lịch sử theo nghĩa cao hơn. Cách thứ hai này dẫn đến việc phải tuân thủ các chuẩn trí tuệ (xem mục "Các chuẩn Trí tuệ Phổ quát"). Trong cẩm nang này, khi dùng thuật ngữ "tư duy lịch sử", chúng tôi thường có ý nói đến cách thứ hai. Trong bất kỳ trường hợp nào, ngữ cảnh sẽ làm rõ cách nào đang được dùng.

đặc thù, và rằng các chuyện kể lịch sử thường thiếu thông tin do thiếu bằng chứng hay do định kiến từ phía sử gia. Tư duy lịch sử theo nghĩa mạnh[1] nỗ lực đưa ra một cách hiểu về quá khứ, một cách hiểu xuyên suốt, dựa trên bằng chứng, tôn trọng các góc nhìn hợp lý, chân thật về động cơ và các hệ luận của cách hành xử của con người và lưu tâm đến những biến số đang hoạt động trong các sự kiện lịch sử. Nó nhận ra rằng những mối quan hệ nguyên nhân - kết quả không phải lúc nào cũng trực tiếp và rõ ràng, các động cơ không phải



Hình 3: Tranh bích họa của Frederick Dielman về Lịch sử - được treo trong dinh thự Jefferson ở Washington, D.C. - khắc họa sự ưu trội của Lịch sử (đứng ngay trung tâm) so với những phương án thay thế của nó (Thần thoại đứng bên phải và Truyền thống đứng bên trái). Trong khi Thần thoại hướng đến những bí ẩn khó nhìn thấu được của thế giới, thì Truyền thống lại thết đãi tuổi trẻ bằng văn hóa dân gian. Lịch sử cầm bút và bảng ghi chép, tựa vào hai cột trụ khắc tên của các sử gia đã ghi chép lại quá khứ, chứ không bỏ mặc nó cho sự mê tín và tư biện. Các sử gia ấy là Herodotus, Thucydides, Livy, Tacitus, Motley, Guizot và Bancroft. Bức bích họa này là một sự nhắc nhớ rằng Lịch sử đứng trên Truyền thống, Thần thoại và Truyền thuyết.

1. Tư duy lịch sử theo nghĩa mạnh được dựa trên tư duy phản biện mang tính đạo đức hay công bằng. Tư duy lịch sử theo nghĩa yếu là tư duy lịch sử vô đạo đức - tức tư duy lịch sử được đào tạo để bóp méo thông tin cho vừa khít với nghị trình tư lợi hay phục vụ cho một nhóm nào đó. Để hiểu rõ hơn về nghĩa mạnh và nghĩa yếu của tư duy lịch sử, xin xem "tư duy lịch sử theo nghĩa mạnh" và "tư duy lịch sử theo nghĩa yếu" trong *A Glossary of Critical Thinking Terms and Concepts* (Thuật ngữ và Khái niệm của Tư duy Phản biện) của Linda Elder và Richard Paul (2013), Tomales: Foundation for Critical Thinking Press.

lúc nào cũng trong sáng, và bằng chứng không phải lúc nào cũng đáng tin. Các sử gia giỏi đều cẩn thận khi phán đoán con người và các sự kiện của quá khứ sao cho phù hợp với các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức chứ không chạy theo các phong tục xã hội tùy tiện, các lợi ích chính trị đảng phái hay các cấm kỵ văn hóa *(xem hình 4, 5, 6)*.

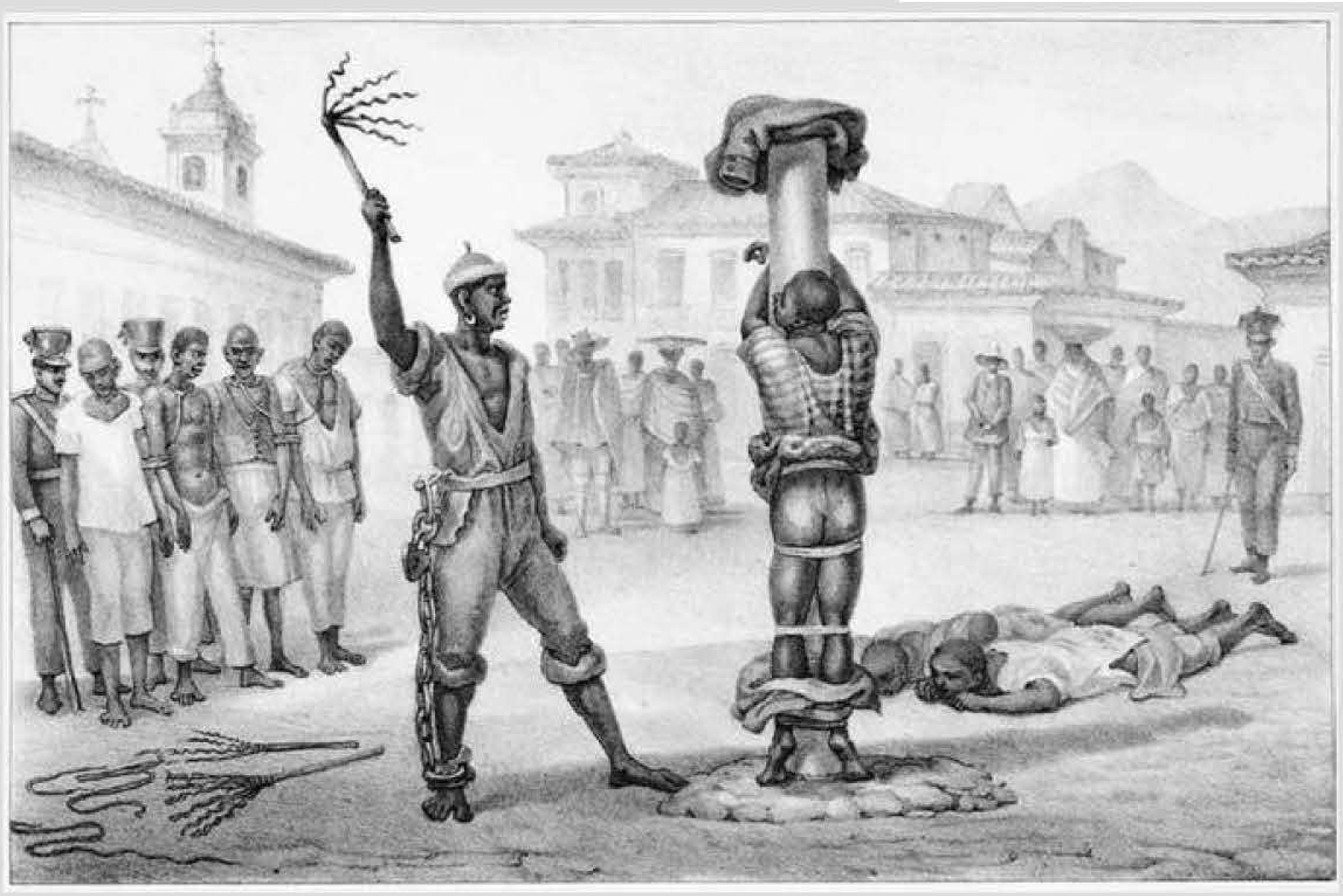
Những hình ảnh bên dưới sẽ khuấy động trí tưởng tượng của độc giả và nhắc ta nhớ rằng tất thảy mọi người đều xứng đáng phải có các quyền con người, kể cả khi các phong tục xã hội phủ nhận những quyền ấy nơi họ. Các sử gia nhạy cảm về đạo đức đã khám phá các thực hành như thế này khi họ nghiên cứu lịch sử và đưa ra các lý giải về chúng.



Hình 4: *Buôn bán nô lệ ở Đông Âu thời Trung đại.* Tranh của Sergey Vasilyevich Ivanov (1864 - 1910).



Hình 5: Một nô lệ người Ba Tư ở Vương quốc Khanate of Khiva thế kỷ XIX.



Hình 6: *L'execution de la Punition du Fouet* (Hành hình bằng roi). Người nô lệ đang bị quất roi liên tục trước công chúng ở Rio de Janeiro, Brazil. Theo Jean Baptiste Debret, Voyage Pittoresque et Historique au Brésil (1834 - 1839).

Một Lịch sử nào đó về Lịch sử

Xuyên suốt hầu hết lịch sử thành văn, các chuyện kể lịch sử đã bị thống trị bởi niềm tin rằng lịch sử con người không gì khác hơn là sự hiển lộ dần dần của Thượng đế về kế hoạch siêu phàm của Ngài.

Trong khi lịch sử thường quan tâm đến nghiên cứu về quá khứ như được lưu giữ trong các tài liệu thành văn, thì sử ký (historiography) lại quan tâm đến các phương pháp dùng để nghiên cứu quá khứ. Sử ký tập trung vào góc nhìn của một sử gia nhất định, các phương pháp được sử gia ấy dùng để tạo nên câu chuyện kể, các quan tâm đang ngự trị trong các lý giải của sử gia ấy về quá khứ, các giá trị sử gia ấy mang vào trong sự hồi ức và tường thuật về các sự kiện, và các giả định sử gia ấy đưa ra về tầm ý nghĩa của các sự kiện và động cơ của con người.



Hình 7: Lịch sử đôi khi được xem dưới góc nhìn tôn giáo như được mô tả trong tranh *The sortie of Messolonghi* (Cuộc đột phá vòng vây của Thành Messolonghi) của Theodoros Vryzakis, 1855.

Lịch sử và sử ký đã trải qua nhiều biến đổi kể từ khi con người bắt đầu ghi chép lại những kinh nghiệm của mình và dẫn chứng các sự kiện có ý nghĩa của thời họ. Xuyên suốt hầu hết lịch sử thành văn, các chuyện kể lịch sử đã bị thống trị bởi niềm tin rằng lịch sử con người không gì khác hơn là sự hiển lộ dần dần của Thượng đế về kế hoạch siêu phàm của

Ngài *(xem hình 7 để biết kế hoạch này có thể được hình dung ra sao)*[1]. Thông qua lăng kính này, thậm chí các sử gia hiện đại phương Tây cũng có vẻ muốn đóng khung lịch sử hệt như một học giả Trung đại - trong đó vũ trụ hiện hữu trong một trạng thái cố định, được phân chia cấp bậc nghiêm ngặt và trong đó hầu hết các sự kiện quan trọng đều liên quan đến sự thăng, trầm của các đế chế và các nền văn minh; xét cho cùng, người ta tin rằng bản tính toàn vẹn của quyền lực nhà vua hay quyền lực nhà nước đã mang lại trật tự cho thế giới và đã ổn định nó cho công trình của Thượng đế[2]. Chẳng hạn, các quan niệm truyền thống về lịch sử nước Mỹ như quan niệm của George Bancroft (1800 - 1891) đã truyền tải ý niệm rằng nước Mỹ hiện ra một cách nổi bật trong kế hoạch của Thượng đế dành cho nhân loại và rằng mọi sự kiện, gồm cả sự nô lệ và chiến tranh, đều là thiên hựu[3] [sự tiên liệu và an bài của Thượng đế]. Trong những sự trình bày truyền thống về quá khứ, tư duy nhị nguyên là điều thường thấy: các nhà Thanh giáo đấu tranh chống lại "những kẻ ngoại đạo"; văn minh Âu châu không thừa nhận "kẻ dã man" ở bán cầu Tây; nền dân chủ chiến đấu chống lại sự chuyên chế.

Khi các sử gia bắt đầu đồng hóa các chuẩn khoa học của các nhà khoa học tự nhiên vào cuối những năm 1800, ít nhất một số thành tố của tư duy phản biện đã xuất hiện như mang tính bản chất đối với công trình của sử gia. Những thay đổi quan trọng trong các văn bản lịch sử nước Mỹ đã xuất hiện khoảng năm 1830 - 1890.

1. Butterfield, H. (1955). *Man on his past.* Cambridge, UK: Cambridge University Press. Và Löwith, K. (1957). *Meaning in history: The theological implications of the philosophy of history*. University of Chicago Press.
2. Spiegel, G. M. (1975). Political utility in medieval historiography: a sketch. *History and theory*, 14(3), 314-325. Và Breisach, E. (2007). *Historiography: Ancient, medieval, and modern*. University of Chicago Press.
3. Ross, D. (1984). Historical consciousness in nineteenth-century America. *The American Historical Review*, 89(4), 909-928.

Mỗi chuyện kể, như *Abridged History of the United States* (Lịch sử nước Mỹ tinh giản) (1843) của Emma Willard, đều mô tả sự phát triển của một đất nước như một tập hợp các sự kiện tích lũy theo chiều mở rộng và sự phát triển của các cơ sở hạ tầng, tất cả đều nảy sinh từ "những nhà tiên phong và những nhà lãnh đạo quả cảm". Những văn bản thời sau, như *The United Stated of America* (Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ) (1896) của Edward Channing lại mô tả kinh nghiệm quốc gia phức hợp hơn, thường kêu gọi tập trung vào nhiều góc nhìn có tính đến những vấn đề kinh tế, xã hội, tôn giáo và đạo đức đa dạng[(1)]. Trong suốt những ngày đầu của nền cộng hòa, một số người đã sợ rằng tập trung quá nhiều quyền lực sẽ tiêu diệt nền dân chủ; những người khác lại sợ rằng quá nhiều tự do sẽ làm tan rã trật tự và sự ổn định. Các phương thuốc để duy trì một lối sống "dân chủ", ổn định, có trật tự đã dẫn đến việc khắc sâu vào người Mỹ trẻ lòng tôn kính dành cho "luật lệ và tự do", lòng trung thành cho ý niệm rằng nước Mỹ là một quốc gia trong mọi quốc gia đã phá vỡ sự cân bằng hoàn hảo giữa hai bên.

Lịch sử được định hình sâu sắc bởi thuyết duy nghiệm Đức cuối thế kỷ XIX, một học thuyết đã xác định giới học giả về lịch sử như những người tường thuật các sự kiện đã được chứng thực bằng các phương tiện có thể sờ mó được và được thấy là đáng tin và xác thực. Các sinh viên trong các đại học Đức vào cuối những năm 1800 đã chứng kiến một môi trường khuyến khích nghiên cứu, bàn thảo và thực nghiệm mở - một sự tách rời triệt để với nền sư phạm Mỹ

1. Novick, P. (1988). *That noble dream: The "objectivity question" and the American historical profession* (quyển 13). Cambridge University Press. Và Elson, R.M. (1959). American schoolbooks and "culture" in the nineteenth century. *The Mississippi Valley Historical Review*, 46(3), 411-434.

vốn vẫn cố thủ trong "sự phát triển tính cách", sự mô phạm và lối học thuộc lòng[1].

Tư duy một cách khoa học (bất kỳ khi nào có thể) về lịch sử là trung tâm đối với nhiệm vụ giải mã của sử gia cho tính đích thực và nghĩa của các tài liệu. Trong khi các sử gia được mong đợi phải khách quan, họ còn được mong đợi sẽ tạo ra các giả thiết về quá khứ, về các động cơ, các nguyên nhân và các nghĩa của mọi sự việc bằng cách phân tích cẩn thận các



Hình 8: *Death of General Wolfe* (Cái chết của Tướng Wolfe) của Benjamin West, 1770.
Người phương Tây mặc y phục được mô tả trong cảnh này đã gây rất nhiều tranh cãi vào thời đó. Mặc dù sự kiện này cũng mới xảy ra thôi - tức chỉ cách thời gian ra đời bức tranh 11 năm - song chủ đề của nó đã biến nó thành một gương mẫu rất phù hợp về thể loại hội họa lịch sử, vì y phục đương thời trong cảnh đó là không thích hợp. Trong cả bức tranh, nhiều người có thế lực, gồm cả Ngài Joshua Reynolds, đã chỉ thị họa sĩ phải vẽ y phục cổ điển cho các nhân vật trong tranh. Sau khi bức tranh được hoàn tất, George III đã từ chối mua nó, vì y phục trong tranh đã làm tổn hại đến chân giá trị của sự kiện. Tuy nhiên, cuối cùng tác phẩm cũng vượt qua mọi phản bác và đã giúp mở màn cho những thực hành hội họa miêu tả lịch sử đúng đắn hơn.
Tính đúng đắn hay không đúng đắn của các tranh lịch sử sẽ tác động đến nhận thức của người xem về các sự kiện đang được miêu tả.

1. Haines, D. L. (1977). Scientific history as a teaching method: The formative years. *The Journal of Americal History*, 63(4), 892-912.

nguồn tư liệu nguyên bản và các vật tạo tác khác. Năm 1884, Hội Sử học Mỹ được thành lập để đề cao việc giảng dạy lịch sử, bảo tồn các văn bản gốc và xác lập các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra những miêu tả mang tính học thuật hơn và khách quan hơn về quá khứ[1].

Trước Thế chiến thứ II, đa số sử gia Mỹ xem quá khứ của quốc gia như một câu chuyện về sự lớn mạnh và phát triển liên tục - một câu chuyện về sự tiến bộ trong đó các xung đột là những khoảng nghỉ tạm thời trên con đường đi đến sự phát triển và thịnh vượng không thể tránh được[2]. Theo quan niệm này, việc sáng lập nền cộng hòa Mỹ được minh họa bằng một bản mô tả cổ điển về sự lãnh đạo vang danh lịch sử của Washington và một "khởi đầu mới" *(xem hình 9)* - khởi đầu cho một thiên niên kỷ đã được tiên báo là cuối cùng sẽ mang lại một nền văn minh mới mẻ và thiêng liêng[3]. Thực tế, nhiều thế hệ người Mỹ đã được nuôi dạy để nhìn nước Mỹ như một gã khổng lồ dân chủ tự sinh ra từ hư vô thành một cái gì đó bằng cách phát quang các cánh rừng, đi theo nền đạo đức Tin Lành để làm việc và tạo ra các công nghệ cách tân và khoa học thông minh hơn. Bức

Bất đồng là một hằng số trong kinh nghiệm của con người... ít nhất vẫn một số người trong bất kỳ xã hội nào đó đã đấu tranh chống lại những niềm tin đang thịnh hành, chọn cách đi theo lương tâm mình chứ không mù quáng tuân phục tư duy của nhóm.

1. American Historical Association. (2007). *A brief history of the AHA*. Trích từ http://www.historians.org/info/ahahistory.cfm.
2. Higham, J. (1962). Beyond Consensus: The Historian as Moral Critic. *The American Historical Review*, 67(3), 609-625.
3. Ross, D. (1984). Historical consciousness in nineteenth-century America. *The American Historical Review*, 89(4), 909-928.



Hình 9: Bức tranh *Washington Crossing the Delaware* (Washington vượt sông Delaware) của Emanuel Leutze, MMA-NYC, 1851.
Trong bức tranh cổ điển về sự "ra đời" nước Mỹ này, rất nhiều sự tốt đẹp, sự dũng cảm và phẩm giá được gợi ra. Các sử gia phải quyết định liệu quốc gia sống theo các ý nghĩa nằm mặc nhiên trong bức hình này hay theo các hình ảnh khác vốn mô tả nước Mỹ bằng các nét nghĩa đáng tôn vinh hơn và nếu thế thì trong chừng mực nào.

tranh này, dù lãng mạn và thoải mái đến đâu, cũng không giải thích được những cách thức nhiều người và nhiều nhóm đã bị gạt sang lề hoặc bị thủ tiêu trong những mảnh đất bị các doanh nghiệp và quan chức chính phủ thèm muốn. Nó cũng không giải thích được nhiều cách thức trong đó những con người đó đã bị phủ nhận quyền con người một cách có hệ thống. Âm điệu đạo đức của các chuyện kể lịch sử trong nhiều trường hợp đã "được lưu trữ" không phải bằng cách chiếu rọi ánh sáng lên những sự kiện và trải nghiệm có vấn đề mà bằng cách làm ngơ chúng[1].

Khi các thời đại được tô vẽ bằng những bức tranh một màu, thì các yếu tố tinh tế song quan trọng của thời đại ấy sẽ phai nhạt đi và những sự rập khuôn sẽ thắng thế.

1. Higham, 1962.

Phân tích có phê phán về lịch sử có thể được phân thành những trường phái tư tưởng riêng lẻ lúc thịnh lúc suy trong dòng chảy của giới học giả sử học Mỹ. Trường phái chính thống (còn được gọi là trường phái truyền thống hay trường phái bảo thủ) có xu hướng trình bày lịch sử như một cuộc tranh chấp giữa những kẻ sắm vai chính và những kẻ sắm vai đối thủ, trong đó những kẻ sắm vai chính (thường là quốc gia của chính tác giả) sẽ vượt qua mọi trở ngại để tiến bộ. Trong hệ hình này, sự chuyển tiếp từ đời sống trồng trọt sang đời sống đô thị còn hơn là một vấn đề của sự tiến hóa kỹ thuật và xã hội, nó là một cuộc tranh chấp giữa hai tầm nhìn về quốc gia; chẳng hạn, Jefferson hình dung nước Mỹ như một quốc gia của những người nông dân quý phái, trong khi Hamilton lại hình dung nước Mỹ như một quốc gia của các chủ ngân hàng, thương nhân và các tay tư bản công nghiệp. Sự bành trướng về hướng tây trong hệ hình này còn mang ý nghĩa nhiều hơn sự vươn mình mang tính hữu cơ của các cộng đồng, nó là một tiến trình "được thần linh ban sắc lệnh" của việc Kitô giáo hóa và thuần hóa sự hoang vu của miền Tây *(xem hình 10)*.



Hình 10: Bức tranh này chỉ ra *Manifest Destiny* (Bành trướng là Định mệnh), tức niềm tin rằng sự bành trướng của phương Tây là do thần linh ra lệnh. Năm 1872, họa sĩ John Gast đã vẽ một cảnh nổi tiếng về những người đang Tây tiến và bức tranh đã lột tả được quan niệm của người Mỹ thời ấy. Được gọi là "Tinh thần của Biên giới" và được phân phối rộng rãi, bản in khắc này mô tả những người định cư đang Tây tiến, được dẫn đường và bảo vệ bởi một nhân vật giống như thần linh và được trợ giúp bằng công nghệ (đường sắt, điện tín), đẩy người Mỹ bản địa và bò rừng bison vào cảnh tăm tối. Cũng cần lưu ý rằng thiên thần đang mang "ánh sáng" khi được nhìn từ phía Đông của bức tranh trong lúc thiên thần di chuyển về miền Tây "tăm tối".

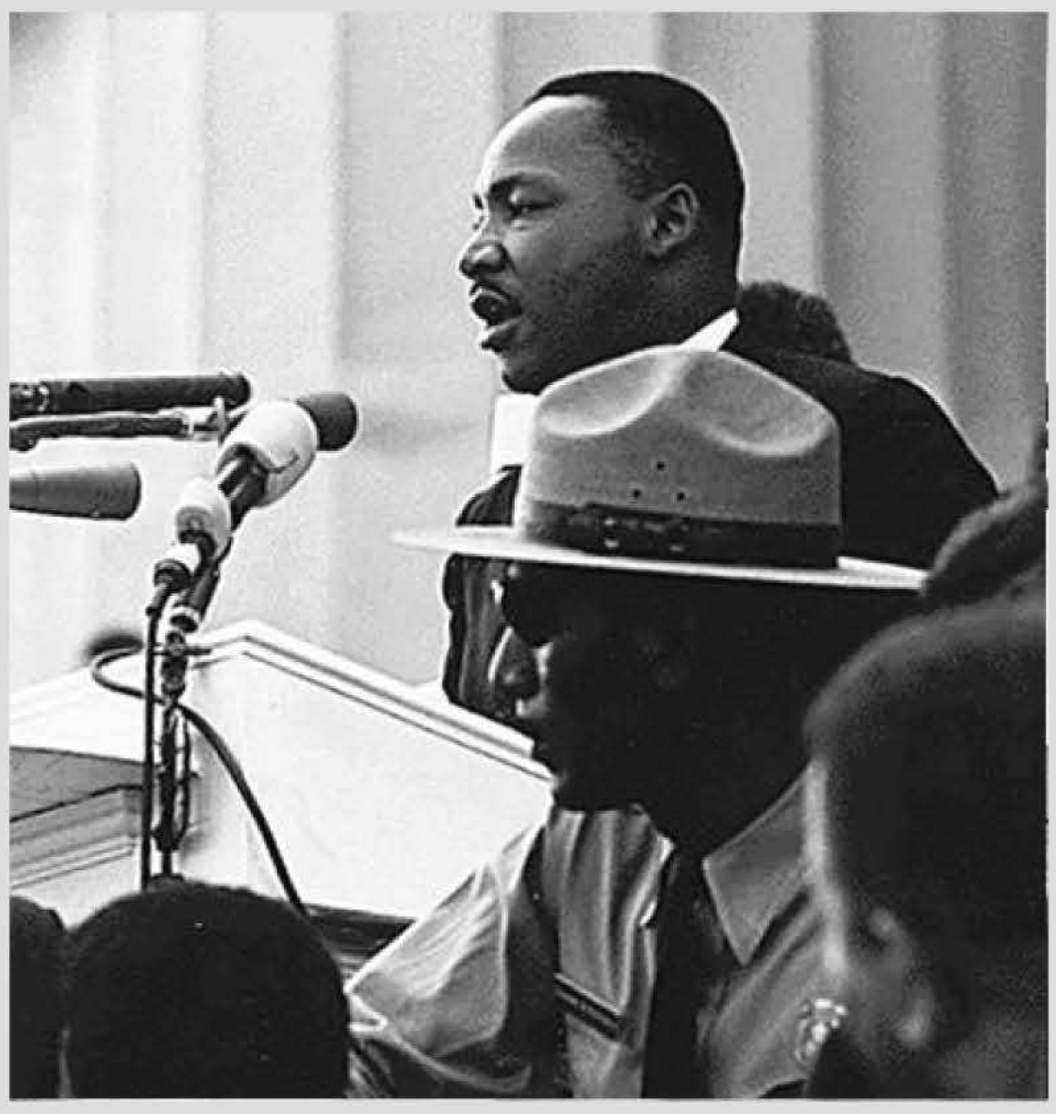
Dù không hoàn toàn thanh lọc được phái chính thống ra khỏi hàng ngũ các sử gia Mỹ, lịch sử được giới học giả đồng tâm nhất trí đã sinh ra sau Thế chiến thứ II, mang đến cho độc giả quan niệm rằng quá khứ của đất nước là một câu chuyện trong đó người ta được cho là có chung một thế giới quan, nhất là về vấn đề tư hữu và nền dân chủ chính trị - cả hai đều được xem như những đức hạnh(1). Lịch sử được giới học giả đồng tâm nhất trí có xu hướng mô tả quá khứ như một chuỗi các thời đại được đặc trưng bằng một nhóm có chọn lọc các đặc tính đột ngột xuất hiện và tiêu biến đi một cách thần kỳ trong một năm nào đó. Theo cách nhìn này, sinh viên sẽ dễ kết luận, chẳng hạn, rằng bất kỳ ai sống trong những năm 1920 đều là giang hồ, nông dân, trùm phố Wall, nhạc sĩ nhạc Jazz hay những phụ nữ trẻ ăn mặc thời trang và phóng túng. Khi các thời đại được tô vẽ bằng những tranh một màu, những yếu tố tinh tế song quan trọng của thời đại sẽ phai nhạt đi và những sự rập khuôn sẽ thắng thế. Trong khuôn khổ đồng tâm nhất trí, tính phức hợp của kinh nghiệm con người sẽ bị lấp liếm đi; thay vì phải thừa nhận, chẳng hạn, rằng có sự bất đồng và không thuần nhất ở mức độ nào đó trong mọi thời đại, sinh viên sẽ đi đến chỗ tin rằng chỉ một số thập niên (như thập niên 1960) là những thời kỳ con người đã đấu tranh và nổi dậy chống lại những niềm tin và định chế văn hóa đại chúng *(xem hình 11, 12)*. Sự thật là, ở bất kỳ thời điểm nào, sự đồng thuận đại chúng về một chủ đề đặc thù có thể là nhất thời song lại quan trọng cho việc ta hiểu về kinh nghiệm con người. Bất đồng là một hằng số trong kinh nghiệm con người; ta có thể chắc chắn rằng ít nhất vẫn có một số người

1. Unger, I. (1967). The "New Left" and American History: Some Recent Trends in United States Historiography. *The American Historical Review*, 72(4), 1237-1263.

trong bất kỳ xã hội nào đó đã tranh đấu chống lại những niềm tin đang thịnh hành, chọn cách đi theo lương tâm mình chứ không mù quáng tuân phục tư duy của nhóm.



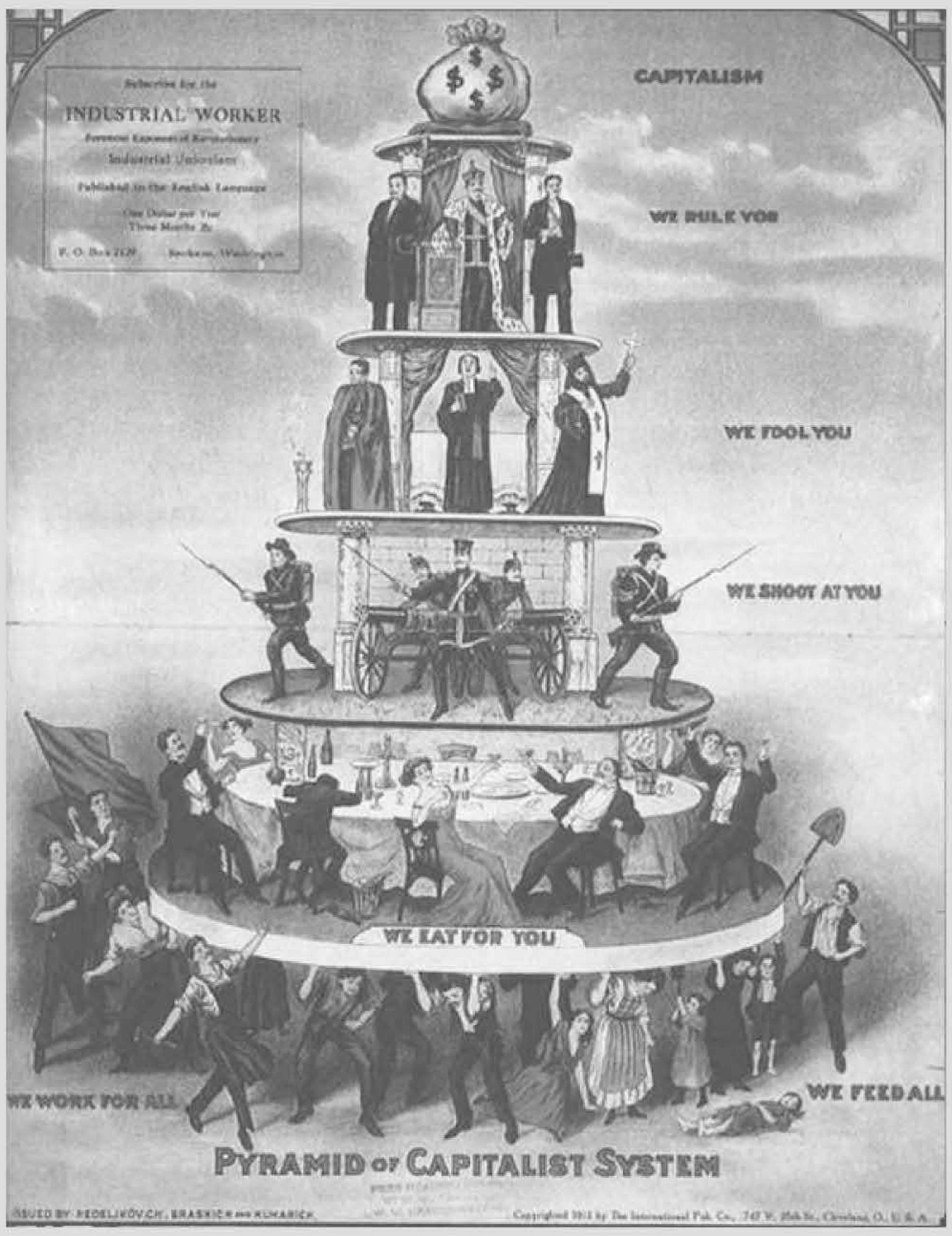
Hình 11: Nhà hoạt động tự do ngôn luận Mario Savio đứng trên bục của sảnh Sproul, Đại học California năm 1966. Thập niên 1960, 1970 được xem là một thời kỳ bất ổn và bất đồng, song những người bất đồng luôn có mặt ở mọi thời đại trong lịch sử con người, dù các nhóm bất đồng có thể là nhỏ, thường bị rập khuôn và bị đẩy ra bên lề.



Hình 12: Những cuộc đấu tranh mà Martin Luther King là biểu tượng đã vượt ra khỏi thời gian khi truyền thông làm cho chúng trở nên kịch tính; và quả thực là chúng vẫn còn đang tiếp diễn.

Các sử gia cánh Tả mới của thập niên 1960, 1970 không thuần nhất trong các phê phán của họ đối với lịch sử chính thống hay lịch sử được đồng tâm nhất trí, song họ quả có nhất trí rằng bất kỳ việc kể lại quá khứ nào làm ngơ không đề cập đến sự chênh lệch giữa các giai cấp và các nhóm xã hội thì đều không phải là một bản mô tả trọn vẹn; các sử gia ấy phần lớn hết sức mong muốn làm nhẹ đi những sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, xã hội thời mình[1].

1. Unger, I. (1967). The "New Left" and American History: Some Recent Trends in United States Historiography. *The American Historical Review*, 72(4), 1237-1263.



Hình 13: Bức tranh này biểu trưng cho một sự phê phán chủ nghĩa tư bản (Nxb. Industrial Worker, 1911).

Trường phái xét lại do những nhà cánh Tả dẫn đầu đã liên kết với truyền thống Cấp tiến để ủng hộ cho người nghèo và giai cấp công nhân; trong đó có các nhà Marxist. Nhìn chung, các nhà xét lại có xu hướng xem nước Mỹ như một thực thể đế quốc chủ nghĩa không có khả năng hay không sẵn lòng phân phối của cải một cách đồng đều giữa các dân tộc của chính nó *(xem hình 13)* và tin rằng sự sinh tồn của nó đòi hỏi phải liên tục giành lấy các thị trường và các nguồn nguyên liệu mới(1). Các nhà xét lại cho rằng nước Mỹ vẫn duy trì bá quyền của nó trên các quốc gia khác và vẫn nắm quyền kiểm soát dân chúng của chính nó, bằng cách thao túng công luận và truyền bá tuyên truyền(2).

Trường phái Hậu-Xét lại nỗ lực tổng hợp quan niệm chính thống với quan niệm xét lại. Có lẽ điều này được minh họa rõ nhất trong các mô tả thời hậu Chiến tranh Lạnh về chính cuộc Chiến tranh Lạnh. Việc tiếp cận được các tài liệu đã được phân loại lúc trước ở cả Mỹ và Liên xô

1. Crapol, E. (1987). Some reflections on the historiography of the cold war. *The History Teacher*, 20(2), 251-262.
2. Crapol, E. (1987). Some reflections on the historiography of the cold war. *The History Teacher*, 20(2), 251-262.

cũ đã mời gọi các sử gia đánh giá lại những kết luận của họ về quá khứ và tư duy lại những giả định của họ về sự đối đầu giữa "thế giới tự do" và "khối Xô Viết"[1][2].

Xuyên suốt lịch sử, các sử gia đã sử dụng một số khái niệm cơ bản để dẫn đạo tư duy của mình về các sự kiện quá khứ. Các sử gia đã không và vẫn không nhất thiết nhất trí với nhau về các khái niệm này. Và nhiều khái niệm trong số đó đã thay đổi qua thời gian. Chẳng hạn, như chúng tôi đã nói ở trên, ý niệm về một bản thiết kế vĩ đại trong lịch sử con người thường được dùng như một khái niệm dẫn đạo trong việc xây dựng các chuyện kể lịch sử. Các chuyện kể này nâng cao quan niệm rằng có mức độ nào đó của thuyết tất định nằm mặc nhiên trong hành vi chính trị, kinh tế và xã hội của con người. Trong khi khái niệm này có lẽ không được nêu ra trong các chuyện kể lịch sử đương đại, nó vẫn là một yếu tố gây tranh cãi, khi một số cộng đồng trên khắp thế giới vẫn duy trì niềm tin rằng câu chuyện của con người tuân theo một kế hoạch thần linh. Khái niệm nữa cũng bị thách thức là khái niệm rằng lịch sử là kết quả của những hành động vĩ đại của những con người vĩ đại. Bằng cách đào sâu sự hiểu của ta về tính phức hợp của quá khứ, các sử gia còn nhận ra rằng lịch sử là kết quả của nỗ lực tập thể và hoạt động văn hóa.

Ý niệm về tính nhân quả trong lịch sử đã và đang là một khái niệm then chốt cho nhiều sử gia. Theo Edward Carr (*Lịch sử là gì?*, 1961), trong suốt thế kỷ XVIII, XIX và đầu thế kỷ XX,

> *các sử gia và các triết gia lịch sử bận rộn dấn thân vào một nỗ lực muốn tổ chức kinh nghiệm quá khứ của nhân loại*

1. Crokatt, R. (1995). The origins of the cold war and the problems of synthesis: A review of recent work. *Contemporary European History*, 43(3), 383-392.
2. Walker, S. J. (1995). The origins of the cold war in United States history book. *The Journal of American History*, 81(4), 1652-1661.

bằng cách khám phá ra các nguyên nhân của các sự kiện lịch sử và các qui luật chi phối chúng. Đôi khi, các nguyên nhân và các qui luật được nghĩ bằng các thuật ngữ cơ giới, đôi khi bằng các thuật ngữ sinh học, đôi khi bằng siêu hình học, đôi khi bằng kinh tế và đôi khi bằng tâm lý học. Song, học thuyết được thừa nhận là học thuyết cho rằng lịch sử cốt yếu ở việc sắp xếp các sự kiện của quá khứ theo một chuỗi thứ tự của nguyên nhân và kết quả... Ngày nay... ta không còn nói về "các qui luật" lịch sử nữa; và thậm chí chữ "nguyên nhân" cũng đã lỗi thời... Một số người vì thế đã không nói về "nguyên nhân" trong lịch sử, mà nói về "sự giải thích", "sự lý giải", "logic của tình huống" hay "logic nội tại của các sự kiện". (tr. 114)

Sự thật rằng có nhiều trường phái tư tưởng nghiên cứu về cách khuôn định lịch sử và cách lý giải các sự kiện đang đánh giá thấp tầm quan trọng của tư duy phản biện trong lịch sử. Ngoài những quan tâm thông thường về việc định vị các nguồn tin đáng tin và dựng lại các bảng niên đại, sử gia biết tư duy phản biện sẽ hiểu các góc nhìn của các trường phái tư tưởng lịch sử khác nhau cũng như nguồn gốc, sức mạnh và các giới hạn của họ. Dù tư duy phản biện hiện ra nổi bật như một kết quả học vấn trong nhiều khuôn khổ của nhà nước và chuẩn mực cho lịch sử[1], thì trong

Sự thật rằng có nhiều trường phái tư tưởng nghiên cứu về cách khuôn định lịch sử và cách lý giải các sự kiện đang đánh giá thấp tầm quan trọng của tư duy phản biện trong lịch sử.

1. History-Social Sciences Curriculum and Framework Committee (1996). *History-social sciences framework for California public schools.* Sacramento, CA: California Department of Education. Massachusetts Board of Education. (2003). *History and social science curriculum framework.* Boston, ☞

Các Chuẩn Lịch sử Quốc gia[1], và trong Hội đồng Quốc gia Nghiên cứu Xã hội[2], khái niệm này đưa ra những thách thức quan trọng cho các nhà giáo dục và các cộng đồng đang ủng hộ họ.



Hình 14: Bức tường Berlin sụp đổ năm 1989. Bức hình này chụp lại sự chiến thắng của nhiều dân tộc khác nhau vốn cho đến lúc đó đã bị áp bức hay quan niệm của họ đã bị đàn áp, ở Đông Đức.

MA: Massachusetts Department of Education. Michigan Council for Social Studies. (2010). *Michigan curriculum framework*. Lansing, MI: Michigan Department of Education. (1994).

1. National Center for History in the Schools. (1996). *National standards for history.* Trích từ http://nchs.ucla.edu/standards/thinking5-12html.
2. National Council for the Social Studies. (1994). *Expectations for excellence: Curriculum standards for social studies*. Silver Springs, MD: National Council for the Social Studies.

Các Vấn đề đối với Lịch sử

Ai cũng nghĩ về lịch sử. Tất thảy chúng ta đều có một lịch sử cá nhân và lịch sử gia đình; ta sống trong các xã hội đang biến ký ức về những sự kiện nhất định trong quá khứ thành nghi lễ. Song, những phương cách ta tư duy về lịch sử thường chịu ảnh hưởng rất mạnh từ những phương cách khác. Những phương cách ta tư duy về lịch sử chịu tác động bởi những giả định, những khái niệm và những góc nhìn lấy cái Tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm. Mặc dù các trường học phải chống lại những rào cản ấy đối với sự phát triển của tư tưởng lịch sử, song hiếm khi nào chúng làm được điều đó. Thực tế, bất chấp sự thật rằng các sinh viên cần phải "nghiên cứu lịch sử", song họ thường không được dạy cách tư duy như một nhà sử học. Học "lịch sử" thường có nghĩa là ghi nhớ tên, ngày tháng và các sự kiện chứ không phải học cách tư duy một cách học thuật về quá khứ hay về các chuyện kể lịch sử.

> **Các sử gia thường phải lý giải các sự kiện từ quá khứ, kể cả khi thiếu những thông tin phù hợp cho sự lý giải ấy.**

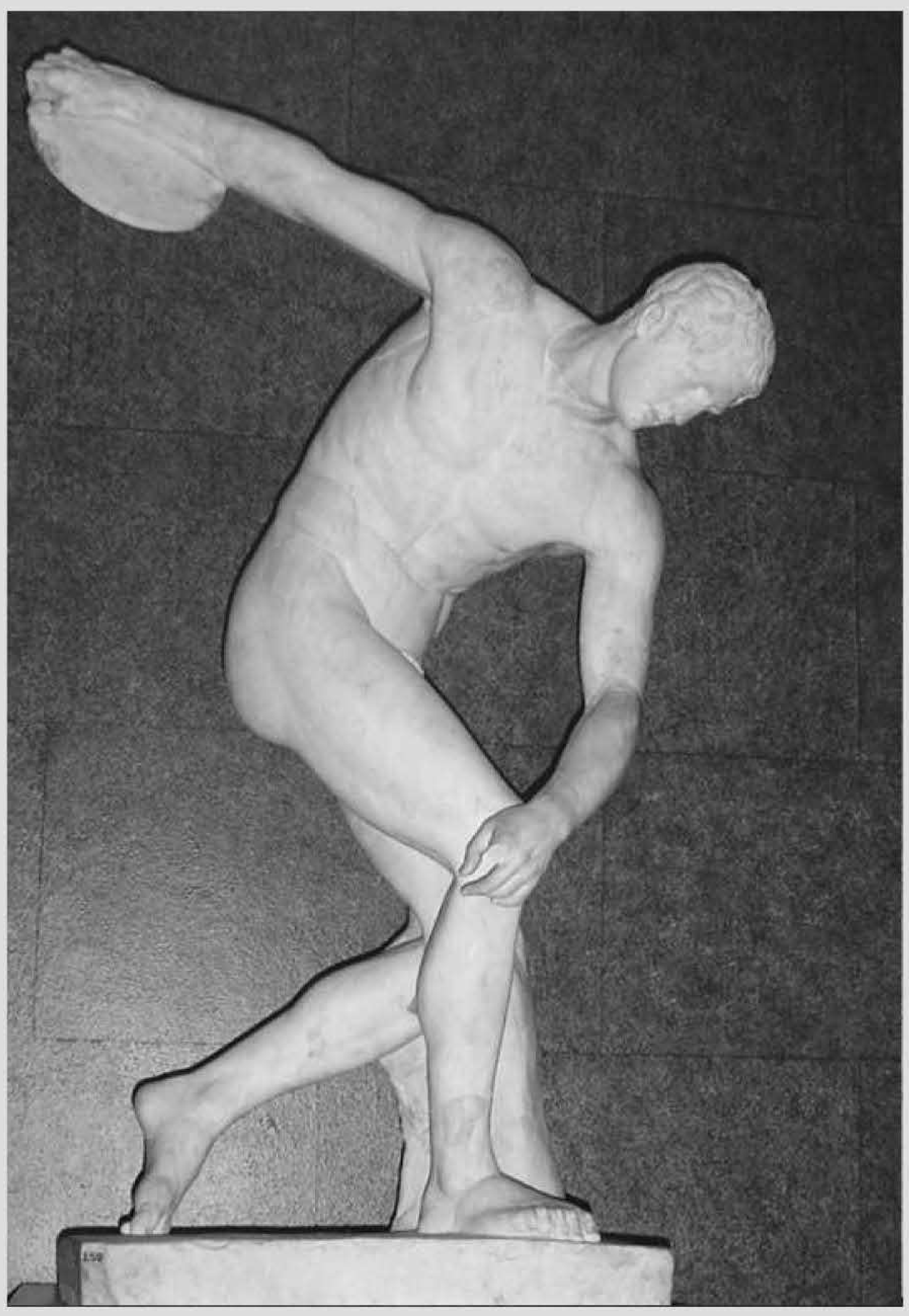
Lịch sử không phải là sợi dây nối thẳng quá khứ với hiện tại và cũng không phải một bộ môn khoa học. Nhưng, các sử gia phải xử lý một số lớn và đa dạng các câu hỏi khoa học. Các sử gia cũng phải tìm cách đưa ra các quyết định then chốt để duy trì tính nguyên vẹn của một chuyện kể. Họ phải xác định tính đáng tin cậy của các nguồn tin, đưa ra các suy luận dựa trên bằng chứng, lý giải thông tin và lời chứng, trao sự ưu tiên cho bằng chứng và các mô tả, đánh giá các khẳng định và đặt ra các câu hỏi thích hợp. Họ phải nhìn ra được những mối quan hệ giữa những biến số để

giải thích mối tương quan hay quan hệ nhân quả. Họ phải đánh giá sự thích hợp của bằng chứng và các khẳng định, nhận ra các hàm ý của các kết luận và tư kiến, đánh giá vai trò của các bối cảnh xã hội và địa lý, đưa ra các nhận thức sâu về các động cơ và lý giải ý nghĩa của các sự kiện, ý niệm, cá nhân, định chế, niềm tin và kinh nghiệm. Và họ phải giải thích đâu là giá trị mà nhận thức lịch sử và góc nhìn lịch sử của họ mang lại cho các xung đột và cách giải quyết vấn đề ở thời hiện tại.

Vì sử gia "tái tạo" quá khứ bằng cách ráp nối bằng chứng đang có và lý giải nó, logic của lịch sử dựa phần lớn vào sức mạnh suy luận. Về mặt vật lý, ta không thể quay ngược trở lại quá khứ. Nên, ta hiểu các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ bằng sự hình dung. Ta nỗ lực tái tạo một hình dung hợp lý về những gì đã thực sự diễn ra. Vì không có được cơ hội tận mắt chứng kiến hầu hết các sự kiện lịch sử và cũng không có đặc quyền biết được những động cơ ẩn, tinh tế của các tác nhân con người, sử gia phải dệt nên một tấm thảm trình ra một bức tranh về quá khứ đủ vững chắc để đứng vững trước các kiểm nghiệm của sự hoài nghi hợp lý do bằng chứng mang lại. Song, "những sự thật" tự chúng thường chỉ là ảo tưởng. Các sử gia thường phải lý giải các sự kiện từ quá khứ, kể cả khi thiếu những thông tin phù hợp cho sự lý giải ấy không bao giờ có thể phục hồi. Và họ phải thừa nhận rằng thông tin có sẵn cho họ (như được các sự kiện đưa ra) rất có khả năng đã bị thêu dệt và bị bóp méo để phù hợp với một quan niệm nhất định về thế giới. Chẳng hạn, theo Carr (1961),

> *"Chúng ta biết nhiều về thế giới Hi Lạp ở thế kỷ V trước Công nguyên đối với một công dân Athens, song lại hầu như không biết gì về việc người Sparta, người Corinthia,*

hay người Thebes trông như thế nào - đó là chưa nói đến người Ba Tư hay người nô lệ, hay các cư dân khác không phải công dân Athens. Bức tranh của ta đã bị chọn lọc trước và bị qui định trước cho ta bởi sự ngẫu nhiên song không nhiều bằng bởi những người đã có ý thức hoặc vô ý thức bị thấm nhuần một quan niệm đặc thù... Bàn tay chết của những thế hệ đã tiêu biến của những sử gia, những người sao chép, những người chép sử, vẫn định đoạt đến tận khả thể của việc viện đến khuôn mẫu của quá khứ".[1]



Hình 15: Lực sĩ ném đĩa: Bản sao của người La Mã cho một bức tượng nguyên mẫu bằng đồng ở thế kỷ V TCN.



Hình 16: Tượng Hoàng đế La Mã Augustus.

Những bức hình này khắc họa cách người ta thường nhìn người La Mã. Song, những bức hình này cũng đưa ra một quan niệm rất hẹp và hạn chế về văn hóa La Mã cũng như những thực tại vốn nằm mặc nhiên trong Đế chế La

1. Carr, 1961, tr. 12 - 13.

Mã. Một niềm tin thịnh hành ở thế kỷ XIX giữa các sử gia là lịch sử đòi hỏi phải thu thập một lượng tối đa các sự kiện không thể bác bỏ. Định hướng này về lịch sử vẫn thường được truyền dạy cho các học sinh. Theo Carr, niềm tin này đã dẫn đến một

> *"khối lượng khổng lồ và ngày càng gia tăng các chuyện kể dựa theo sự thật khô như ngói của các chuyên khảo tỉ mỉ, của những người sẽ trở thành sử gia vốn ngày càng biết nhiều về càng ít thứ, bị ngập chìm không dấu vết vào một đại dương mênh mông của các sự kiện... Điều sai ở đây là, niềm tin xem một sự tích lũy không mệt mỏi và không hồi kết của các sự kiện khô khan là nền tảng của lịch sử, tức niềm tin rằng sự kiện sẽ tự nói lên chính nó và rằng khi ấy sẽ có rất ít sử gia nghĩ là cần thiết - và đến hôm nay một số sử gia vẫn nghĩ là không cần thiết - phải tự hỏi mình: Lịch sử là gì?"*[(1)].

Carr e ngại không những việc các sử gia đôi khi chỉ chú trọng đến việc thu thập dữ liệu và trình bày "các sự kiện" mà còn cả việc họ thường mắc sai lầm trong việc tìm kiếm những cách thức xác định để nhìn quá khứ. Ông nói, "bất kỳ quan niệm tĩnh tại nào về lịch sử muốn được ghi chép lại từ một góc nhìn cố định bởi một nhà quan sát "ghế bành" chỉ ngồi yên một chỗ thì đều sai"[(2)]. Carr thấy được tầm quan trọng của việc mang góc nhìn càng rộng càng tốt vào quá trình lý giải.

Điều then chốt là phải nhận ra rằng chúng ta hiểu lịch sử trong sự nối kết với cách ta nhìn thế giới ngày nay, và cách ta nhìn tương lai. Carr nói: "... hiện tại là một điểm vô cùng nhỏ đang chuyển động trên một đường thẳng liên tục

---

1. Carr, 1961, tr. 14 - 15.
2. Carr, 1961, tr. 12.

gồm quá khứ và tương lai. Vì thế, chính viễn tượng tương lai thậm chí còn hơn cả thực tại hiện tại trong việc định hình quan niệm của sử gia về quá khứ…" Carr nhận ra rằng ta càng nhìn ngược về quá khứ xa bao nhiêu thì ta càng có nhiều khả năng bấy nhiêu để phán đoán các vấn đề và sự kiện. Khi viết về thế kỷ XX, ông nói:

> *"Ta không biết phải nghĩ gì về thế kỷ XIX bởi lý do đơn giản là lịch sử của thế kỷ XX vẫn đang trong quá trình thành hình. Sử gia của thế kỷ XX sẽ ở trong một vị trí tốt hơn để đưa ra phán đoán. Song, liệu ta có cần phải chấp nhận phán quyết của sử gia đó không - nhất là khi nó dễ bị lật đổ bởi sử gia năm 2500?"*[1]

Vấn đề này có quan hệ với sự thật rằng các sử gia thường chịu ảnh hưởng bởi tư duy lấy xã hội làm trung tâm. Hầu hết mọi người và hầu hết sử gia không nhận ra họ đã nhập tâm một cách không phê phán, không phản biện các định kiến đang ngự trị trong xã hội hay văn hóa của họ đến mức độ nào. Tư duy lấy xã hội làm trung tâm gồm[2]:

- Xu hướng không phê phán muốn đặt văn hóa, quốc gia, tôn giáo của mình lên trên văn hóa, quốc gia, tôn giáo của tất cả người khác.
- Xu hướng không phê phán muốn chọn lấy những mô tả tích cực, tư lợi về mình và đưa ra những mô tả tiêu cực về những người suy nghĩ khác mình.
- Xu hướng không phê phán muốn nhập tâm các chuẩn mực và niềm tin của nhóm, muốn mang lấy các bản sắc của nhóm - mà không hề nhận ra một chút nào rằng những gì ta đang làm là đáng phải đặt vấn đề một cách hợp lý.

1. Carr, 1961, tr. 13.
2. Carr, 1961, tr. 12.

- Xu hướng muốn tuân phục các qui định của nhóm (trong đó có nhiều qui định tùy tiện hay mang tính cưỡng chế).
- Không tư duy vượt ra khỏi các định kiến truyền thống của văn hóa mình.
- Không học tập và nhập tâm các nhận thức sâu sắc của các văn hóa khác (để qua đó cải thiện chiều sâu và chiều rộng của tư duy mình).
- Không phân biệt đạo đức học phổ quát với các luật lệ và cấm kỵ văn hóa mang tính tương đối.
- Không nhìn tư duy lấy xã hội làm trung tâm như một trở ngại lớn cho sự phát triển trí tuệ.

Vì thế, khi nghiên cứu lịch sử, điều cốt yếu là phải ý thức rõ vai trò mà tư duy lấy xã hội làm trung tâm có thể thực hiện trong tư duy của bất kỳ sử gia nào.

Tóm lại, tư duy về lịch sử thường có vấn đề, vì:

- Nhiều nhà giáo dục, sinh viên và các bậc cha mẹ không có kinh nghiệm xem lịch sử như một phương cách tư duy có phê phán về thân phận con người và các lựa chọn con người phải đối mặt với tư cách là người tiêu dùng, công dân và hàng xóm của các nước khác trên toàn thế giới.
- Các giảng viên thường không giúp sinh viên hiểu được rằng các chuyện kể lịch sử là đến từ các lựa chọn của người biên tập lịch sử; và các lựa chọn ấy cũng bị chi phối bởi các định kiến cá nhân.
- Các cộng đồng thường muốn đưa ra các bài học lịch sử để khắc sâu một quan niệm mang tính phe phái về xã hội và khuyến khích "lòng trung thành" của cá nhân đối với nhóm (như dân tộc, nhà nước), chứ không khuyến khích tư duy phản biện, tư duy phê phán.

- Các sách giáo khoa lịch sử thường bị thiên lệch và thường xuyên bỏ qua các thông tin cốt yếu giúp hiểu nhiều góc nhìn khác nhau có liên quan đến các vấn đề lịch sử.
- Cấu trúc của các bài giảng thường xuyên ngăn cản việc khảo sát sâu về cách các sử gia tài ba sử dụng bằng chứng để kiến tạo một bức tranh đáng tin cậy về quá khứ.
- Các nhà giáo dục thường thiếu niềm tin vào năng lực tư duy phức hợp của sinh viên, và thường không đưa ra sự đào luyện cần thiết để tạo điều kiện cho các hoạt động thúc đẩy và gia tăng tư duy phức hợp.
- Nhiều người trong xã hội xem lịch sử như một câu chuyện dân gian đơn giản về quá khứ (hay như những niên đại, thời gian và sự kiện), vì thế xem lịch sử không quan trọng bằng các môn toán học, khoa học, công nghệ vi tính hay các bộ môn có liên quan đến sự thành công nghề nghiệp.
- Người ta (gồm cả các sử gia) thường xuyên tư duy theo cách lấy xã hội làm trung tâm về lịch sử.

Như đã lưu ý ở trên, các sách giáo khoa lịch sử thường chứa đựng nguồn thông tin rộng nhất và các bài tập trong các khóa học lịch sử đều ở cấp độ sơ cấp và trung cấp mà thôi. Vì thế, nội dung của các sách ấy chỉ thuộc về một sự quan tâm đặc biệt và tự xem mình là tâm điểm của cái mà một số học giả và chính trị gia đã gọi là một cuộc chiến văn hóa và tôn giáo với linh hồn của bản sắc Mỹ[1]. Một "cuộc chiến văn hóa" về bản chất là một sự phản kháng những gì đã được xã hội tin tưởng và cho là giá trị *(xem hình 17);* đó là một sự xung đột về những gì phải được xem là luật,

1. Carr, 1961, tr. 13.

Dù hầu hết các nhà giáo dục hẳn sẽ nói rằng tư duy phản biện có tầm quan trọng đối với việc giảng dạy lịch sử, song nhiều người hẳn cũng không muốn tư duy phản biện dẫn sinh viên đến chỗ kết luận rằng dân tộc "của họ" không phải lúc nào cũng tốt đẹp…

những gì tạo nên nền giáo dục đại chúng, những gì sẽ được khoan dung trên các phương tiện truyền thông, những mục tiêu nào sẽ lèo lái các chính sách trong nước và ngoài nước và những góc nhìn nào sẽ trở thành những kí ức vang danh trong lịch sử của một xã hội và về "các anh hùng" và "những kẻ hung ác"[1]. Viễn kiến của một xã hội thường xuyên được trình bày trong các chuyện kể lịch sử của nó (như trong các sách lịch sử). Các viễn kiến thường được hợp lý hóa bằng cách trình bày các phong trào, các chính sách, các cuộc chiến và các hoạt động thương mại phổ biến như những giá trị cốt lõi, kể cả khi chúng gây ra đau khổ cho những người và sinh vật vô tội.

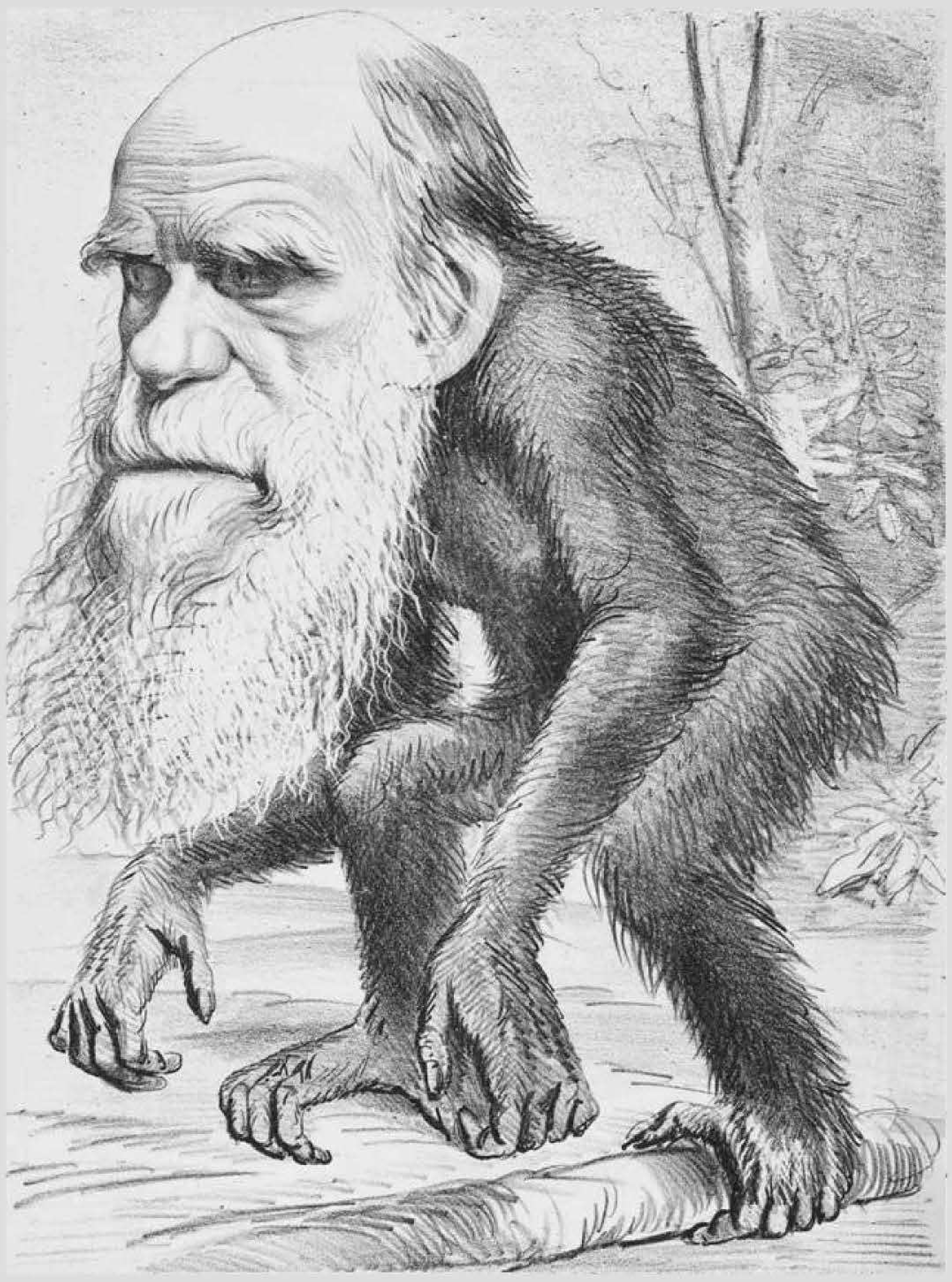
Dù hầu hết các nhà giáo dục hẳn sẽ nói rằng tư duy phản biện có tầm quan trọng đối với việc giảng dạy lịch sử, song nhiều người hẳn cũng không muốn tư duy phản biện dẫn sinh viên đến chỗ kết luận rằng dân tộc "của họ" không phải lúc nào cũng tốt đẹp, hay rằng "các anh hùng" và các nhà lãnh đạo của họ đã thực hiện những hành vi theo những cách đáng khinh[2]. Hơn nữa, một số giảng viên thấy việc

1. Löwith, K. (1949). *Meaning in history*. Chicago, IL: University of Chicago.
2. Để đọc thêm về lịch sử từ một góc nhìn của các giai cấp bị áp bức ở Mỹ, xin xem Zinn, Howard, *A Peoples' History of the United States* (Lịch sử dân tộc Mỹ), 1980; 2006. New York, Nxb. HarperCollins. Đây là sách buộc phải đọc trong các khóa học lịch sử ở Mỹ.

giảng dạy tư duy phản biện là rất khó khăn vì họ thiếu thời gian, thiếu đào tạo và thiếu động cơ để giảng dạy.

Tư duy lịch sử không thể được dạy bằng những lối tiếp cận hời hợt về lịch sử. Đó là lý do tại sao việc các giảng viên phải đặt các khái niệm và nguyên tắc của tư duy phản biện vào tâm điểm của việc dạy và học lịch sử phải là điều căn bản cốt lõi.

Hình 17: Bức biếm họa năm 1871 xuất hiện sau ấn bản tác phẩm *The Descent of Man* (Nguồn gốc con người) là điển hình cho việc người ta thể hiện Darwin mang lấy cơ thể loài khỉ để nhận diện ông trong văn hóa đại chúng như tác giả dẫn đạo cho thuyết tiến hóa. Khi Darwin xuất bản thuyết tiến hóa của mình, đã có một cuộc tranh cãi khá lớn giữa những người ủng hộ thuyết tiến hóa của Darwin và những người chống đối (việc này đã tạo ra một loại "chiến tranh văn hóa"). Những người và nhóm chống đối chủ yếu vẫn tư duy trong khuôn khổ định hướng tôn giáo, hệt như các nhà tiến hóa luận ngày nay.



Vai trò của sự Công bằng và Cảm quan Đạo đức trong Tư duy Lịch sử

Tác phẩm *Essay on the Manners and Spirit of Nations* (Khảo luận về Phong tục và Tinh thần của các Dân tộc) của Voltaire năm 1759 là một trong những công trình lịch sử đầu tiên trong lịch sử hiện đại đã xem lịch sử như một bộ môn quan tâm đến các động cơ và ý chí của con người hơn là việc chép lại các niên đại được thể hiện ra như một vấn đề thuộc về vận mệnh[1]. Quan niệm này thời ấy là rất cấp tiến, khi mà nhiều học giả vẫn xem diễn trình của các sự kiện của con người như ý chí của Thượng đế - một điều đã được đóng khung trong các thuật ngữ thần học như một công cụ đo lường sự huyền bí. Bước chuyển rất quan trọng này về góc nhìn đã đặt nền tảng cho lịch sử mà các sử gia dòng chủ lưu ngày nay nhìn nhận.

Nếu lịch sử cần phải tránh việc trở thành một sự sùng bái các sự kiện hay một chuỗi các chuyện kể được dàn cảnh để giáo dục người nghe về các tập quán và phong tục của xã hội, thì nó phải chấp nhận thách thức của tư duy phê phán, phản biện... và phải hạn chế không đưa ra các phán đoán phi lý và các thế giới quan nhị nguyên.

Khi định hướng quan tâm đến các động cơ và ý chí của các cá nhân, các quốc gia, các định chế và các xã hội, các sử gia đã nhận lấy một bổn phận đạo đức mới mẻ cho sự công bằng khách quan và phóng khoáng. Trong các mô tả lịch sử thời đầu, các tác giả có xu hướng bào chữa cho rất nhiều sự độc ác,

1. Rosenthal, J. (1955). Voltaire's Philosohpy of History. *Journal of the History of Ideas*, 16(2), 151-178. Và Bentley, M. (1998). *Modern historiography: An introduction*. Routledge.

bất tài, thói hư tật xấu và sự yếu kém của con người bằng cách đổ lỗi các bi kịch ấy là do gót chân của các vị thần gây nên. Trong lối tiếp cận đó, hầu như ta không cần khảo sát những tính phức hợp nằm trong các nguyên nhân và kết quả, vì tất cả đã được xem như ý chí của thần linh. Nhiệm vụ chứng minh và giải thích những tính phức hợp ấy đòi hỏi sử gia phải xem xét yếu tố con người - những lực tâm lý đang lèo lái hành vi, những đức tính tốt đẹp và thói hư tật xấu của những người đàn ông, phụ nữ có những hành động tạo ra tác động rộng lớn và kéo dài, bối cảnh trong đó các lựa chọn được đưa ra và chịu tác động của công luận, những hàm ý của công nghệ, những ranh giới ngày càng mở rộng của tri thức, v.v…

Khi mang lấy trách nhiệm phải đưa ra các mô tả lịch sử chính xác, sử gia nhận ra sự cần thiết phải công bằng khi phân tích và đánh giá các vấn đề hoặc nguy cơ sẽ đưa ra một bức tranh không chính xác hay bị bóp méo về quá khứ. Đây là một sứ vụ nghiêm túc vì sự mô tả các động cơ của con người có sức mạnh tác động đến cách thức con người bị phán xét và tác động đến những nguyên nhân mà người ta có khuynh hướng ủng hộ.

Còn một kích thước đạo đức nữa đối với công việc của sử gia, kích thước này có liên quan đến việc vun bồi lòng cảm thông của độc giả. Sử gia Jacques Barzun đã xem lịch sử như một bản hướng dẫn để hiểu những người hàng xóm của ta, chứ không phải là một tiến trình tích lũy các sự thật về các sự kiện hay các tư liệu. Ông viết:

Điều lịch sử dạy ta không phải là ngày tháng xuất hiện Học thuyết Monroe[1] - ngày tháng ấy chỉ là thứ ngẫu nhiên -

1. *Học thuyết Monroe* là một chính sách của Mỹ được Tổng thống James Monroe trình bày vào ngày 2 tháng 12 năm 1823 trước Quốc hội. Theo đó, những nỗ lực trong tương lai của các nước châu Âu để lập thuộc địa hay can thiệp vào nội bộ của các nước ở Bắc hay Nam Mỹ sẽ bị xem là những hành động xâm lược, và như vậy đòi hỏi sự can thiệp của Mỹ. (BT)

mà dạy ta biết cách một tư liệu như thế có thể xuất hiện như thế nào, tại sao Hải quân Anh lại cần thiết cho hiệu lực của học thuyết, nghĩa của nó đã thay đổi ra sao và những liên quan nào về sự sống và cái chết vẫn có thể còn chưa được nhắc đến. Đứa trẻ bên luống khoai tây ở Maine hay Iowa có lẽ không biết rằng cậu đang hiện thân cho Học thuyết Monroe, nhưng bất kỳ người Nam Mỹ nào cũng bị thuyết phục tin rằng mỗi người Bắc Mỹ đều hiện thân cho nó. Điều đó cũng đủ để tác động lên ít nhất hai cuộc sống, vì người Nam Mỹ nào cũng đều biết, với một người T thì người đó sẽ cảm nhận gì về Học thuyết Monroe [1][(1)].

Lịch sử có thể giúp người ta hiểu được các tư tưởng và tình cảm của người khác, giúp nhìn thế giới và hoạt động của con người từ các góc nhìn của người khác. Lịch sử cũng có thể giúp người ta biết cảm thông với nhau. Khi khảo sát về các động cơ, ý nghĩa và các hàm ý của những thứ như một tài liệu, một bài nói chuyện, một điều luật, một cuộc chiến, một hiệp ước, một bản tuyên ngôn, một phát minh hay một phong trào, người ta có thể hiểu rõ hơn những láng giềng của mình và cải thiện chất lượng phán đoán của mình tại nơi có liên quan đến các tương lai và lợi ích qua lại của họ. Không có lòng cảm thông, sự theo đuổi những phán đoán đúng và tốt sẽ bị thỏa hiệp, vì những góc nhìn liên quan có khả năng sẽ bị bện chặt vào nhau, bị bóp méo hay bị làm ngơ khi đưa ra một mô tả lịch sử.

Là một sử gia có đạo đức không phải là việc dễ, vì nó đòi hỏi ta phải hình dung thế giới bằng những con mắt của đàn ông và phụ nữ đã bị gán nhãn là lưu manh, côn đồ, phản quốc và xấu xa.

1. Barzun, J. (1945/1980). *Teacher in America*. Indianapolis, IN: Liberty Press, tr. 154.

Nếu lịch sử cần phải tránh việc trở thành một sự sùng bái các sự kiện hay một chuỗi các chuyện kể được dàn cảnh để giáo dục người nghe về các tập quán và phong tục của xã hội, thì nó phải chấp nhận thách thức của tư duy phê phán, phản biện. Nó phải thừa nhận các chứng cứ thường lảng tránh cho các khẳng định của sử gia. Nó phải hạn chế không đưa ra các phán đoán phi lý và các thế giới quan nhị nguyên. Mặc dù sử gia phụ thuộc vào các sự kiện để xây dựng một chuyện kể, và dù các mô tả có thể gợi lên một số ưu tiên xã hội nhất định, sử gia vẫn hầu như là một nhạc trưởng đang phối âm cho một ký ức về quá khứ vốn giàu cách lý giải. Và những lý giải ấy bắt đầu bằng sự chọn lọc của riêng sử gia cho các chất liệu được họ thấy là có liên quan. Quá khứ không phải là một câu chuyện nguyên khối bị bỏ lại đằng sau các sự kiện có trước mà là một sự hồi tưởng về những sự kiện quá khứ đã được dựng nên từ kí ức của những người ghi chép lại những quan sát của họ và những người đã trao truyền lại những truyền thống truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bởi lẽ, có nhiều, rất nhiều người làm chứng, nên có lẽ sự đồng thuận khó mà có được. Và mỗi mô tả trước đều không nhất thiết là vững chắc như mô tả sau. Chẳng hạn, mỗi mô tả không nhất thiết dựa vào những khái niệm và những nguyên tắc đạo đức, vì những người chép

Hình 18: Đây là hình một trong những chú chó được Pavlov (1849 - 1936) dùng để thí nghiệm. Ống lấy và chứa nước miếng được phẫu thuật cấy thẳng vào mõm chú chó. Pavlov "nổi tiếng" nhờ các thí nghiệm trên chó để nghiên cứu trong chừng mực nào rằng chó tiết nước miếng khi có liên kết với một âm thanh hay một kích thích. Một số sử gia đã đặt câu hỏi về những hàm ý đạo đức của những thí nghiệm lên động vật kiểu này.



Các sử gia quan tâm đến đạo đức không được lẫn lộn đạo đức học với các ưu tiên xã hội; vì thế họ không phán đoán con người và các văn hóa dựa trên các ưu tiên văn hóa. Những hình ảnh dưới đây mô tả các phong tục xã hội vốn rõ ràng không liên quan đến đạo đức - như cách ăn mặc, kiểu tóc và xăm mình được ưa chuộng.



Hình 19: Một tay chơi đàn ống (của thổ dân Úc) ở thành phố Arnhem, 1981; cuộc trình diễn của người dân bản địa.



Hình 20: *Amerikanska folk* (Dân tộc Mỹ), trích từ *Nordisk familjebok* (Sách gia đình Bắc Âu) (1904).

"sử" khi bộc lộ nó ra lại thường khá không khách quan và trên thực tế chỉ chép lại góc nhìn riêng của mình mà thôi.

Sử gia liên tục xác định các nguồn nào sẽ hiển hiện nổi bật trong bản ghi chép và các nguồn nào thì không; sử gia phải đưa ra hàng trăm quyết định khi tạo ra chuyện kể vì mỗi sự lựa chọn câu từ phải truyền tải chính xác điều họ muốn nói. Sử gia phải cẩn trọng không vấy bẩn thái độ của người đọc bằng định kiến và những lời bóng gió có vẻ hợp lý. Trong khi sản phẩm đã hoàn tất của sử gia có thể chứa những tư biện hợp lý dựa trên bằng chứng, song sử gia cũng

biết rằng không có gì là một sản phẩm hoàn tất cả, bởi lẽ bằng chứng mới có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào.

Sử gia có đạo đức tự biết chính mình. Họ ý thức rõ các giá trị, niềm tin, giả định và góc nhìn của mình; họ hiểu thuyết duy tâm, thuyết duy thực hay thuyết hoài nghi có thể tác động như thế nào đến chất lượng tư duy của họ. Các sử gia có đạo đức sẽ nỗ lực một cách có ý thức dò tìm cơn chấn động nhỏ nhất của sự thành kiến trong tư tưởng của mình.

Các sử gia có đạo đức sẽ cống hiến cho việc khám phá và tường thuật một cách đáng tin về quá khứ; họ xem xét dãy góc nhìn rộng nhất và đề cập đến dãy lợi ích lớn nhất đang lâm nguy trong các sự kiện. Những suy xét ấy là mang tính nền tảng vì đạo đức học quan tâm đến các nguyên tắc của cái thiện và công bằng vốn là những thứ về bản tính sẽ nói ra chất lượng của mối quan hệ giữa ta với người khác[1]. Sử gia không một quan niệm "cận thị" về quá khứ vốn chỉ đưa

Hai hình ảnh dưới đây phản ánh hai kiểu thực tại đáng sợ mà các sử gia đang khai mở.



Hình 21: (trên) Trẻ em đường phố ngủ trên đường Mulberry. Hình của Jacob Riis, New York, Mỹ (1890).

Hình 22: (dưới) Xác của một số trong hàng trăm người dân làng bị giết bởi lính Mỹ trong cuộc thảm sát Làng Mỹ Lai trong chiến tranh Việt Nam.



1. Gorman, J. (2004). Historians and their duties. *History and Theory*, 43(4), 103-117.

ra một số lợi ích nhất định trong khi lại bỏ qua những lợi ích khác, vì họ hiểu các hành động con người không xuất hiện từ chân không, và các kết quả của chúng cũng không âm thầm chứa đựng một lát cắt thời gian và nơi chốn hạn hẹp.

Sử gia thường xuyên bắt gặp tài liệu bằng chứng cho sự phi nhân tính của con người đối với con người, gồm cả những hình ảnh miêu tả sự khổ đau và tàn nhẫn khủng khiếp. Bức hình ở trên bên trái, *Trẻ em đường phố ngủ trên đường Mulberry*, 1890, miêu tả sự cùng khổ của hàng triệu người trong bối cảnh đô thị trong Kỷ nguyên Vàng của Mỹ, còn hình phía dưới bên phải chụp lại xác của hàng chục người dân làng Việt Nam bị lính Mỹ giết hại trong cuộc thảm sát làng Mỹ Lai trong chiến tranh Việt Nam. Các sử gia chịu trách nhiệm đảm bảo rằng mọi mô tả về tính vô nhân đạo của con người phải được khoác lên bằng cách nào đó khuấy động những phản ứng đạo đức thích hợp cho các sự kiện ấy. Nghĩa là, sử gia phải không sợ gây sốc công chúng hay cộng đồng chuyên gia khi phơi bày các hình ảnh trái với các quan niệm chính thống về sự kiện đang nói đến. Điều này không làm chúng bớt đi vẻ khách quan mà khiến cho các mô tả của họ giá trị, ý nghĩa hơn.

Nghịch lý của việc trở thành sử gia có đạo đức là trong khi họ quan tâm đến việc hoạt động của con người đã và đang tác động như thế nào đến dãy những bên liên quan rộng nhất, thì họ phải hạn chế đưa ra phán đoán và gán các giải pháp cho các vấn đề lịch sử và/ hoặc vấn đề đương đại dựa theo các qui tắc và cấm kỵ xã hội. Sử gia có đạo đức sẽ tối đa hóa tác động của mình lên cộng đồng bằng cách trình bày chân thực các sự kiện và giải thích lý do tại sao chúng xảy ra, điều gì đã dẫn đến các lựa chọn nhất định ấy, điều gì đã dẫn một số người đi theo và một số khác không theo,

điều gì ta đã biết về các diễn trình hành động thay thế vào lúc ấy và hành động đó đã tạo ra các hệ quả gì.

Làm một sử gia có đạo đức không phải là việc dễ, vì nó đòi hỏi ta phải hình dung thế giới bằng những con mắt của đàn ông và phụ nữ đã bị gán nhãn là lưu manh, côn đồ, phản quốc và xấu xa *(xem hình 23 - 26)*. Nó đòi hỏi rằng ta phải thăm dò những cống hiến của một đối thủ triết học và phải khảo sát những ý kiến của những người có vẻ đang nuôi dưỡng những ý đồ xấu đối với người khác. Nó cũng có nghĩa là ta có thể sẽ

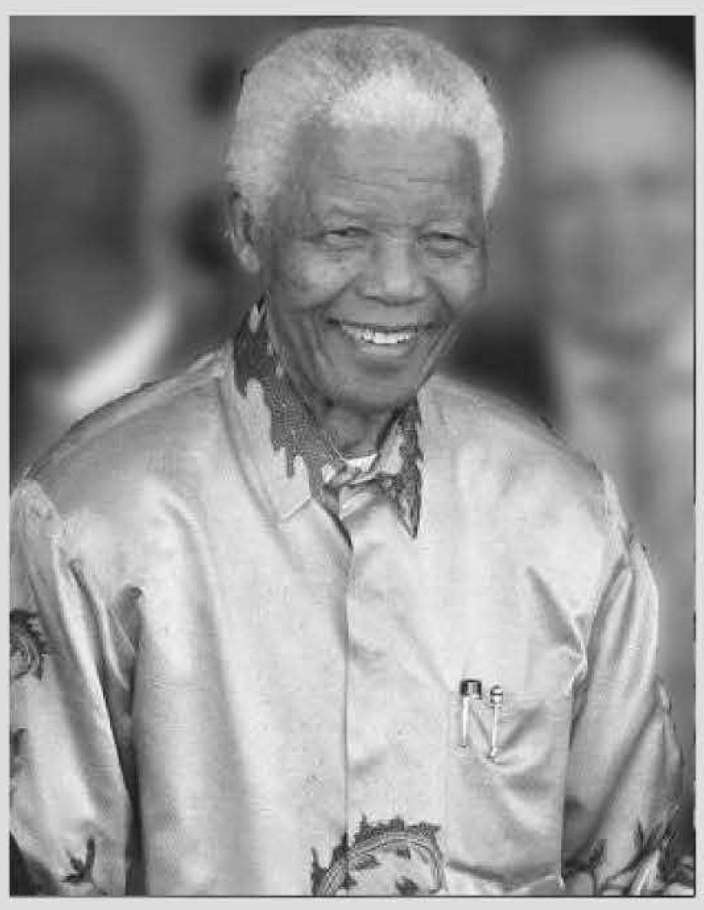
Nelson Mandela từng bị Chính quyền Nam Phi xem là một kẻ sống ngoài vòng pháp luật. Ông đã bị tù 27 năm vì các hoạt động "lật đổ" và "khủng bố". Sau cùng, khi được phóng thích ngay cuộc sụp đổ của nạn phân biệt chủng tộc, ông đã trở thành Tổng thống Nam Phi. Ngày nay, ông được xem là biểu tượng cho tự do trên toàn thế giới.



Hình 23: Nelson Madela vào khoảng năm 1937.



Hình 24: Phòng giam của Nelson Madela ở Đảo Robben.



Hình 25: Nelson Madela năm 2008.



Hình 26: Nelson Madela trên một con tem kỷ niệm 1988 của Liên Xô.

phải khơi ra những bóng ma của những người không ai biết đến và trình ra tiếng nói của người nghèo, người dễ bị tổn thương, người bị tù đày và người đã bị lãng quên.

Tóm lại, sử gia có đạo đức phải:

1. Trình bày những điều khẳng định và những tường thuật về quá khứ có qui chiếu đến ngữ cảnh gốc của chúng, kêu gọi sự quan tâm đến những đặc tính thường rất tinh tế về thời gian và nơi chốn để gia tăng cảm nhận của độc giả về chi tiết và tính đúng cũng như đến nguyên nhân và kết quả.
2. Thông báo cho độc giả về nhiều góc nhìn đa dạng về vấn đề và những lý giải thay thế về các sự kiện, nghĩa và ý nghĩa của chúng.
3. Tránh những hứa hẹn đưa ra những câu trả lời và những giải pháp dễ dãi hay rõ ràng cho các vấn đề phức hợp của con người; giúp độc giả đánh giá đúng sự thật rằng một số vấn đề là hàm hồ và có lẽ không thể giải quyết được ngay lúc này.
4. Hạn chế không lên tiếng dạy đời cũng như không nhấn mạnh các sự thật và sự kiện theo một thế giới quan đặc thù nào.
5. Thừa nhận rằng những thế lưỡng nan về đạo đức có mặt khắp nơi trong kinh nghiệm của con người, và rằng sử gia có tiềm năng giúp người khác làm rõ và tạo ra bối cảnh cho những vấn đề đó bằng cách trình bày các sự thật khách quan và nêu ra các câu hỏi về những khiếm khuyết hiện có trong thông tin.
6. Phải minh bạch về mục đích viết sử của mình.
7. Sử dụng các nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp một cách chính xác, không bóp méo hay trình bày sai.

Do bởi việc kéo dài những hệ luận của mình, mỗi thế hệ đều là chứng nhân cho những hành vi của cha ông mình và những hàm ý họ đã dự đoán trước, đã không dự đoán được, đã làm ngơ hay đã xóa nhòa đi.

Sử gia có đạo đức luôn tâm niệm rằng con người về căn bản là một kẻ kể chuyện và là một kẻ giải quyết vấn đề. Kẻ kể chuyện và giải quyết vấn đề muốn hiểu tại sao sự việc lại xảy ra như vậy. Khi các câu trả lời không minh bạch hay hàm hồ, kẻ kể chuyện và giải quyết vấn đề thường phát minh ra các chuyện kể để giải thích điều không thể giải thích. Trong khi có thể có một số sự kiện và sự thật mang tính ẩn dụ nào đó trong các truyền thuyết và thần thoại được nêu ra trong lịch sử, sử gia biết tư duy phản biện sẽ bị buộc phải tách biệt cái đúng và cái không đúng.

Vì sử gia biết rằng các kí ức mang tính định chế có thể tác động sâu sắc đến các sự kiện trong hiện tại và truyền cảm hứng cho người ta làm điều tốt hay điều gây hại, sử gia nhấn mạnh rằng lịch sử phải phụng sự chứ không phải làm chủ chân lý *(xem hình 27)*. Dù ta vẫn hầu như không biết gì về quá khứ, điều ta biết phải được phán xét phù hợp với các chuẩn trí tuệ như sự chính xác, tính liên quan, tính logic, ý nghĩa, chiều sâu, chiều rộng và công bằng. Hơn nữa, điều ta biết về quá khứ - dựa theo cách con người đối xử với nhau và đối xử với các loài khác - phải được phán xét phù hợp với các khái niệm và các nguyên tắc đạo đức (như sự suy xét, tôn trọng, lòng trắc ẩn, lòng cảm thông, công bằng và chính trực) chứ không phải bằng các phong tục tùy tiện của thời đại[1].

1. Để hiểu thêm về đạo đức học, xin xem *The Thinker's Guide to Understanding the Foundations of Ethical Reasoning* của Richard Paul and Linda Elder (2013), Tomales: Nxb Foundation for Critical Thinking.



Hình 27: Tượng Nữ thần công lý - biểu tượng cho Công lý - trên một tòa án ở Cộng hòa Czech.
Ở bức hình này Nữ thần Công lý thiếu tấm vải bịt mắt và chiếc cân như thường thấy, mà thay vào đó bà cầm một quyển sách. Nữ thần Công lý biểu trưng cho tư tưởng công bằng đối với mọi đảng phái có liên quan. Bà nhắc ta nhớ rằng lịch sử phải phụng sự chân lý. Các sử gia có đạo đức phải xem xét và đối xử công bằng mọi góc nhìn có liên quan đối với các vấn đề tranh cãi lịch sử ngay tâm điểm công trình của họ.

Tư duy Phản biện và Thuyết Xét lại Lịch sử

Sử gia James McPherson cho rằng lịch sử luôn thường được xét lại và không có chân lý tuyệt đối, duy nhất nào về quá khứ hay cũng không có nghĩa nào cho các sự kiện quá khứ cả[1]. Lịch sử dựa vào các mô tả "tận mắt chứng kiến" vốn thường mâu thuẫn, vào các tài liệu vốn thường bị hủy hoại hay không có sẵn, và vào các góc nhìn của những người tạo ra chuyện kể. Lịch sử phải được xét lại khi có bằng chứng mới xuất hiện và khi chỉ đơn giản là những thể hiện truyền thống về quá khứ không thể vác nổi gánh nặng của sự thật được nữa.

Thuyết xét lại quan tâm đến việc tư duy lại và viết lại lịch sử với bằng chứng mới hay các góc nhìn mới. Thuyết này được tiến hành bởi các sử gia nghiệp dư cũng như bởi các chuyên gia, và hầu như lúc nào cũng thách thức sự hiểu chính thống, truyền thống hay chính thức về quá khứ. Thuyết xét lại thường xuyên mang tính tranh cãi. Cuốn sách *An Economic Interpretation of the Constitution of the United States* (Một Lý giải Kinh tế về Hiến pháp Mỹ) của Charles Beard, viết năm 1913, đã khiến những đồng nghiệp của ông ở Columbia cũng như ở khắp nơi nổi giận vì luận đề của ông khẳng định rằng các tác giả của Hiến pháp đã tạo ra một tài liệu đại diện cho những lợi ích vật chất và tiền tài của riêng họ[2]. Quan niệm cho rằng lợi ích cá nhân có một vai trò nào

1. McPherson, J. (2003). Revisionist historians. American Historical Association. Trích từ http://www.historians.org/perspectives/issues/2003/0309/0309pre1.cfm.
2. MrCorkle, P. (1984). The Historian as Intellectual: Charles Beard and the Constitution Reconsidered. *The American Journal of Legal History*, 28(4), 314-363. Và Diggins, J. P. (1981). Power and authority in American history: the case of Charles A. Beard and his critics. *The American Historical Review*, 86(4), 701-730.

Các nhà xét lại thường làm việc bằng cách xem xét chất liệu vốn thường bị làm ngơ như tiếng nói của phụ nữ, những kinh nghiệm của trẻ nhỏ, những trải nghiệm của các tộc người thiểu số, những cảm nhận của các sinh vật có cảm giác, những góc nhìn của người nghèo và người dễ bị tổn thương, và thế giới quan của người tù, của những người bị kết tội oan, v.v..

đó trong việc tạo dựng nền cộng hòa là đáng lên án (và trong nhiều hội đoàn điều này vẫn còn bị lên án), vì nó xúc phạm đến niềm tin được nâng niu rằng những người cha lập quốc có động cơ từ các quan tâm triết học và nhân ái.

Những người theo thuyết xét lại hành động với nhiều động cơ khác nhau và công việc của họ có thể tốt cũng có thể không tốt. Một câu hỏi mà nhà tư duy phản biện phải đặt ra là "Đâu là mục đích của việc xét lại?". Những người bài Do Thái đã tuyên bố rằng Nạn tàn sát người Do Thái chưa từng xảy ra bao giờ; những người Mỹ phái tân bảo thủ đã đổ lỗi Chiến tranh Lạnh ngay khi đang cầu cạnh điện Kremlin ở Moscow; những người da trắng ủng hộ thuyết người da trắng ưu việt (supremacist) đổ lỗi cho người Mỹ gốc Phi về việc họ đáng bị tấn công, bị hành hình không cần xét xử và bị phá hoại tài sản. Sự xét lại lịch sử đã tiến hành với mục đích xác nhận hay biện minh cho một người hay một nhóm người sau khi đã bị kết tội sai và những khẳng định hợp lý bề ngoài ấy dường như chỉ có giá trị trên bề mặt, còn cuộc kiểm tra thật sự cho những giá trị của nó lại nằm ngay trong chừng mực bằng chứng được mang ra có đúng hay có thể biện minh được không. Hình thức xét lại thuần túy nhất là việc truy tìm chân lý (hay truy

tìm sự lý giải hợp lý nhất) giữa mớ hỗn độn và đổ nát của những giả định, tư kiến, lợi ích chính trị, sự bóp méo, những thiếu sót và dối trá; mục tiêu chính của nó là mang ra một mô tả công bằng hơn và đúng hơn về quá khứ, bất kể điều đó có khiến giới cầm quyền bực bội hay điều đó xúc phạm đến những định chế "được tin tưởng" nhất của họ.

Về lâu dài, bằng chứng thường thôi thúc các sử gia xét lại những kết luận của họ vì những kết quả lâu dài của các hành động của ta không thể hiện ra hết cho đến khi đã trải qua một hay nhiều thế hệ. Chẳng hạn, các nhà phát minh ra đầu máy xe lửa và những người đương thời của họ không biết rằng 80 năm sau khi chuyến xe lửa đầu tiên được khởi hành, nó đã dẫn đến việc châu Âu chia cắt châu Phi - và rằng điều này hẳn sẽ tiếp thêm nhiên liệu cho cuộc chiến tranh thế giới và sự bất ổn dân sự trong thế kỷ XX. Song, đó lại chính là điều đã xảy ra. Các nhà vật lý đã chỉ ra cách tách một nguyên tử chỉ có thể nghĩ về điều có thể sẽ xảy ra nếu phóng xạ hạt nhân được phát tán trên diện rộng mà thôi. Còn lại thì chính những kẻ đã thử nghiệm bom hạt nhân và quan trọng hơn, chính những người đã bị giết hại và bị tổn thương bởi phóng xạ hạt nhân ở Hiroshima, Nagasaki (Nhật Bản) và Chernobyl (Ukraina) mới làm rõ những hậu quả ẩn dấu của độc tính hạt nhân. Do bởi việc kéo dài những hệ luận của mình, mỗi thế hệ đều là chứng nhân cho những hành vi của cha ông mình và những kết quả mà họ đã đoán trước, đã hiểu sai, đã thông báo hay đã bị xóa khỏi báo cáo.

Những nhà xét lại tiếp sinh lực cho cuộc tranh cãi bằng cách đặt ra những câu hỏi khó về những giả định nằm mặc nhiên trong các chuyện kể truyền thống về quá khứ, về điều

đã thúc đẩy con người và về việc con người bị tác động như thế nào bởi những quyết định của các cá nhân quyền lực và bởi các định chế họ lãnh đạo. Các nhà xét lại thường làm việc bằng cách xem xét chất liệu vốn thường bị làm ngơ như tiếng nói của phụ nữ, những kinh nghiệm của trẻ nhỏ, những trải nghiệm của các tộc người thiểu số, những cảm nhận của các sinh vật có cảm giác *(xem hình 18)*, những góc nhìn của người nghèo và người dễ bị tổn thương, và thế giới quan của người tù, của những người bị kết tội oan, v.v...

Điều quan trọng đối với sinh viên là phải trở thành những nhà xét lại về lịch sử theo nghĩa mạnh, tức phải sử dụng khái niệm của tư duy phản biện công bằng để định hướng cho các phiên bản xét lại về lịch sử.

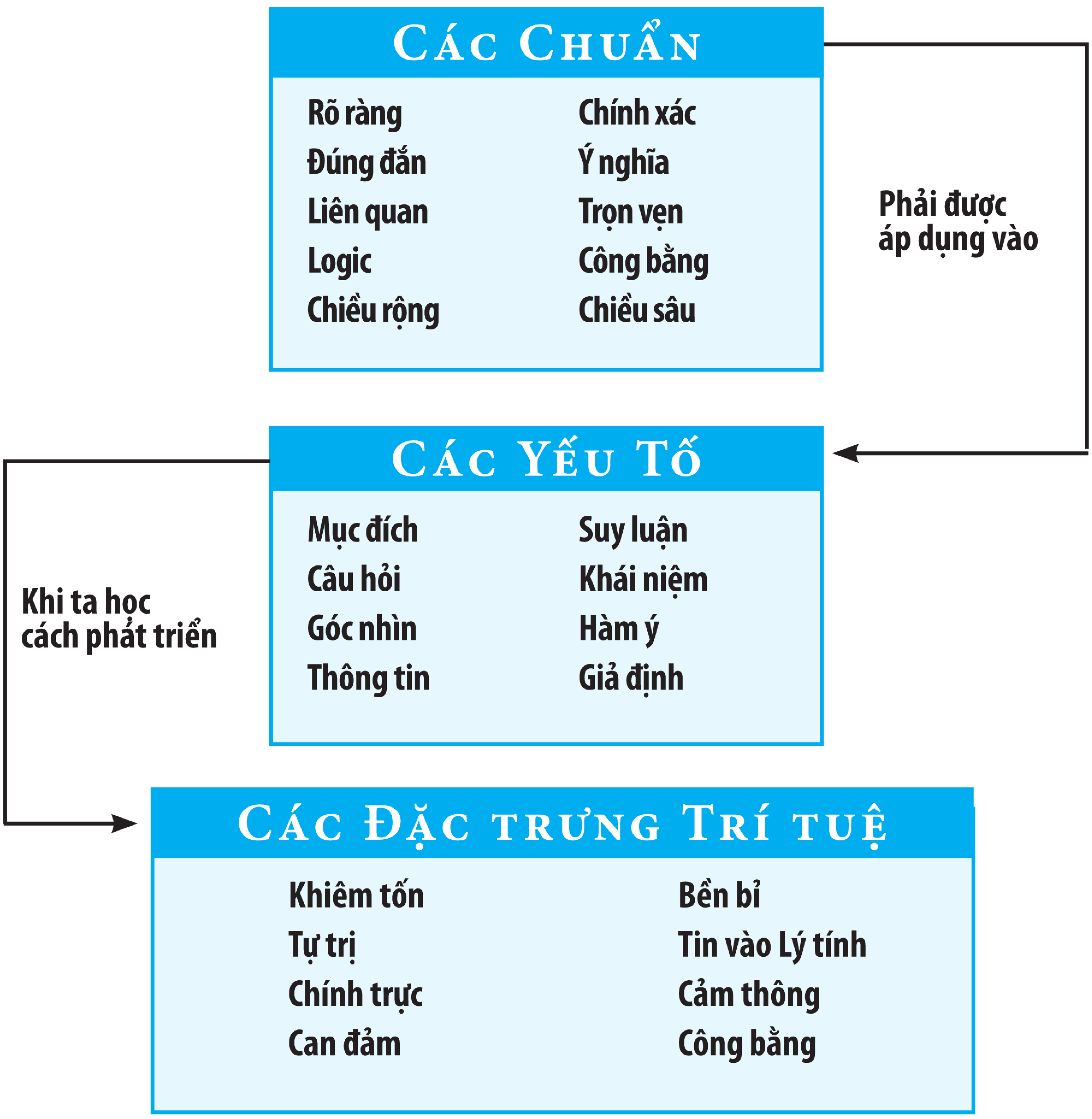
Ngoài tư duy lịch sử, thuyết xét lại lịch sử phải sử dụng các công cụ của tư duy phản biện. Các phiên bản xét lại về lịch sử không nhất thiết là những phiên bản tốt hơn. Song, điều quan trọng đối với sinh viên là phải trở thành những nhà xét lại về lịch sử theo nghĩa mạnh, tức phải sử dụng khái niệm của tư duy phản biện công bằng để định hướng cho các phiên bản xét lại về lịch sử. Khi làm vậy, sinh viên sẽ có nhiều khả năng hơn trong việc nhìn các sự kiện từ quá khứ và nhìn chúng một cách chân thực; họ sẽ có nhiều khả năng hơn để đánh giá hành vi từ một góc nhìn đạo đức và xác định những hành vi nào của những người cầm quyền đã vi phạm các quyền cơ bản của con người; họ sẽ có nhiều khả năng hơn để khám phá những giả định của những người đã đưa ra những quyết định quan trọng và đánh giá những giả định ấy về tính có thể biện minh của chúng; họ sẽ có nhiều

khả năng hơn để tìm ra các mục đích, câu hỏi và góc nhìn của những người đang sống trong những hoàn cảnh khó khăn; họ sẽ có nhiều khả năng hơn để theo đuổi đến cùng những hàm ý logic của các sự kiện lịch sử; họ sẽ có nhiều khả năng hơn để khám phá những chiến lược mà người ta đã dùng để thực hiện các nghị trình của họ (như ảnh hưởng chính trị, sự thao túng, sự cộng tác, hay sự giao thiệp) và để nhìn thấy cách những hành vi ấy hòa hợp hay không hòa hợp với những giá trị mà những người đó đã công khai đề ra (như tôn trọng các tiến trình dân chủ, quan tâm đến trái đất hay tôn trọng người nghèo).

PHẦN II. Các Nền tảng của Tư duy Phản biện mang tính Bản chất đối với Tư duy Lịch sử

Điều quan trọng là phải hiểu những kích thước bản chất của tư duy phản biện và cách chúng giao cắt với tư duy lịch sử. Trong mục này, chúng tôi sẽ giới thiệu những kích thước này và một số sự nối kết của chúng với suy luận lịch sử. Ta có thể bắt đầu với bảng tổng quan sau:

Các sử gia có cảm quan mạnh mẽ thường xuyên áp dụng các *chuẩn trí tuệ* vào các *yếu tố của tư tưởng* khi họ tìm cách phát triển các *đặc trưng trí tuệ*.



Phân tích Lịch sử bằng các Yếu tố của Tư tưởng

Để lý luận tốt về lịch sử hay các chủ đề xuất hiện trong các nghiên cứu lịch sử, điều thiết yếu là phải phân tích tư tưởng lịch sử bằng cách tập trung vào các yếu tố của lập luận được bao hàm trong đó. Nhưng, trước hết hãy xem xét lập luận sau:

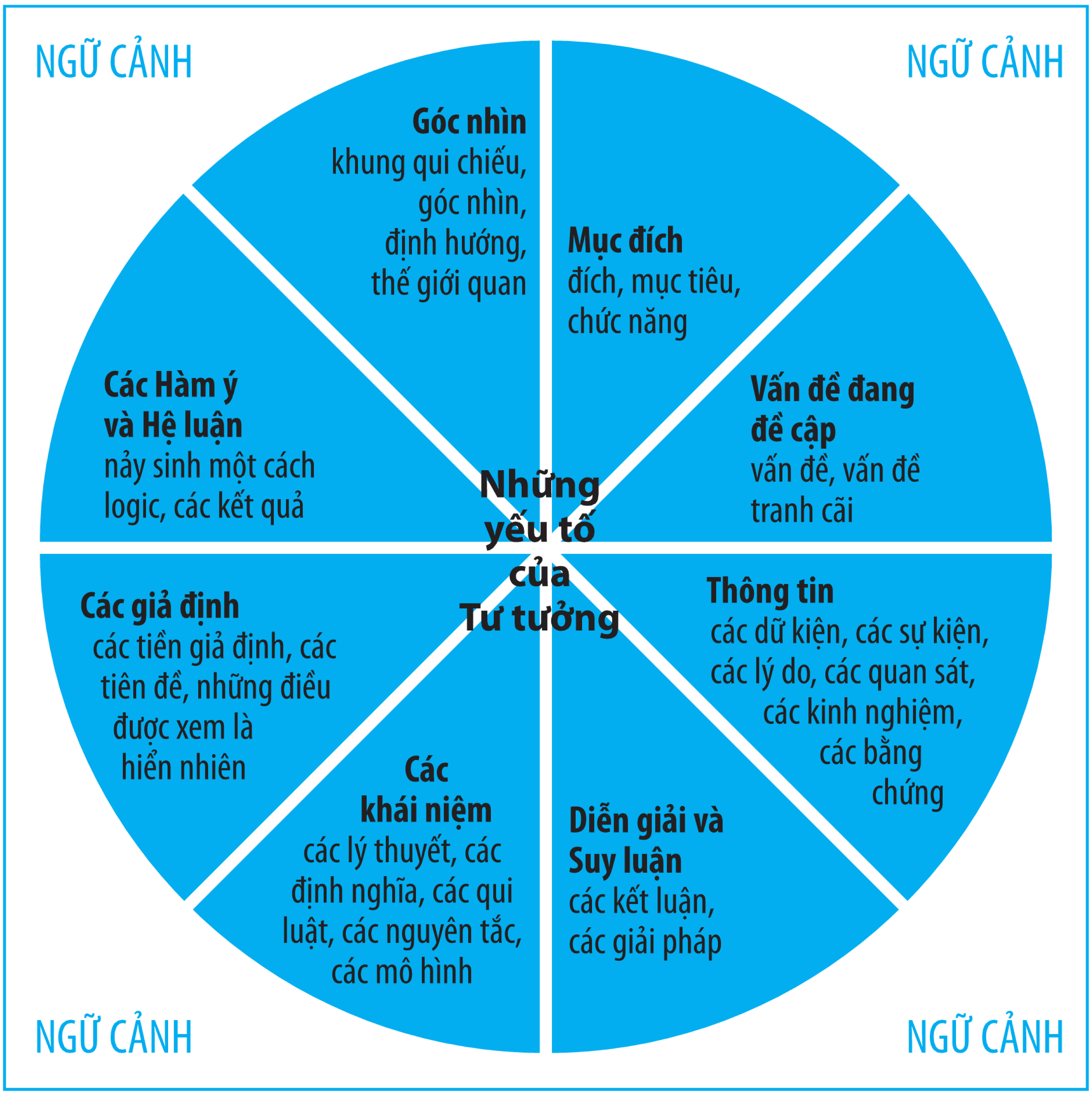
> Con người ai cũng tư duy; đó là bản tính tự nhiên của ta. Nhưng hầu hết tư duy của ta, nếu bị bỏ mặc, sẽ bị thiên lệch, bị bóp méo, thiên vị, không đủ thông tin hay bị định kiến. Song, chất lượng cuộc sống của ta và của những gì ta tạo ra, làm ra hay dựng nên đều phụ thuộc chính xác vào chất lượng tư tưởng của ta. Nếu muốn tư duy tốt thì chí ít ta phải hiểu được những nguyên tắc cơ bản của tư tưởng, tức những cấu trúc cơ bản nhất mà từ đó mọi tư duy được hình thành. Ta phải học cách phân tích, tháo dỡ tư duy.

Tư duy Có thể được Định nghĩa bằng Tám Yếu tố Cấu thành

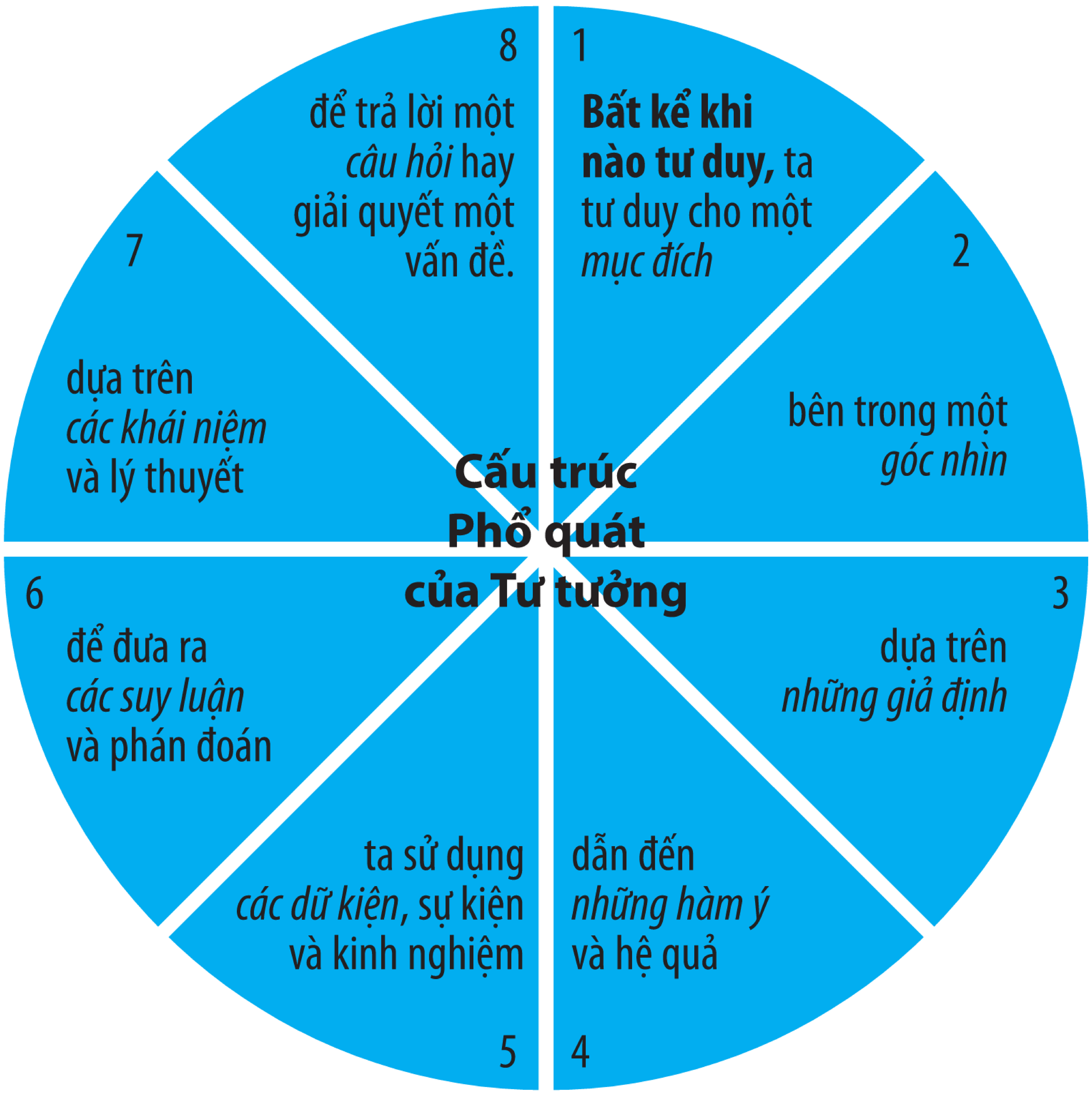
Tám cấu trúc cơ bản thường có trong mọi tư duy: Bất kể khi nào tư duy, ta tư duy vì một mục đích, bên trong một góc nhìn, dựa trên các giả định, dẫn đến các hàm ý và hệ quả. Ta sử dụng các khái niệm, các ý tưởng và các lý thuyết để diễn giải các dữ kiện, các sự kiện và các kinh nghiệm nhằm trả lời các câu hỏi, giải quyết vấn đề và xử lý các vấn đề đang tranh cãi.

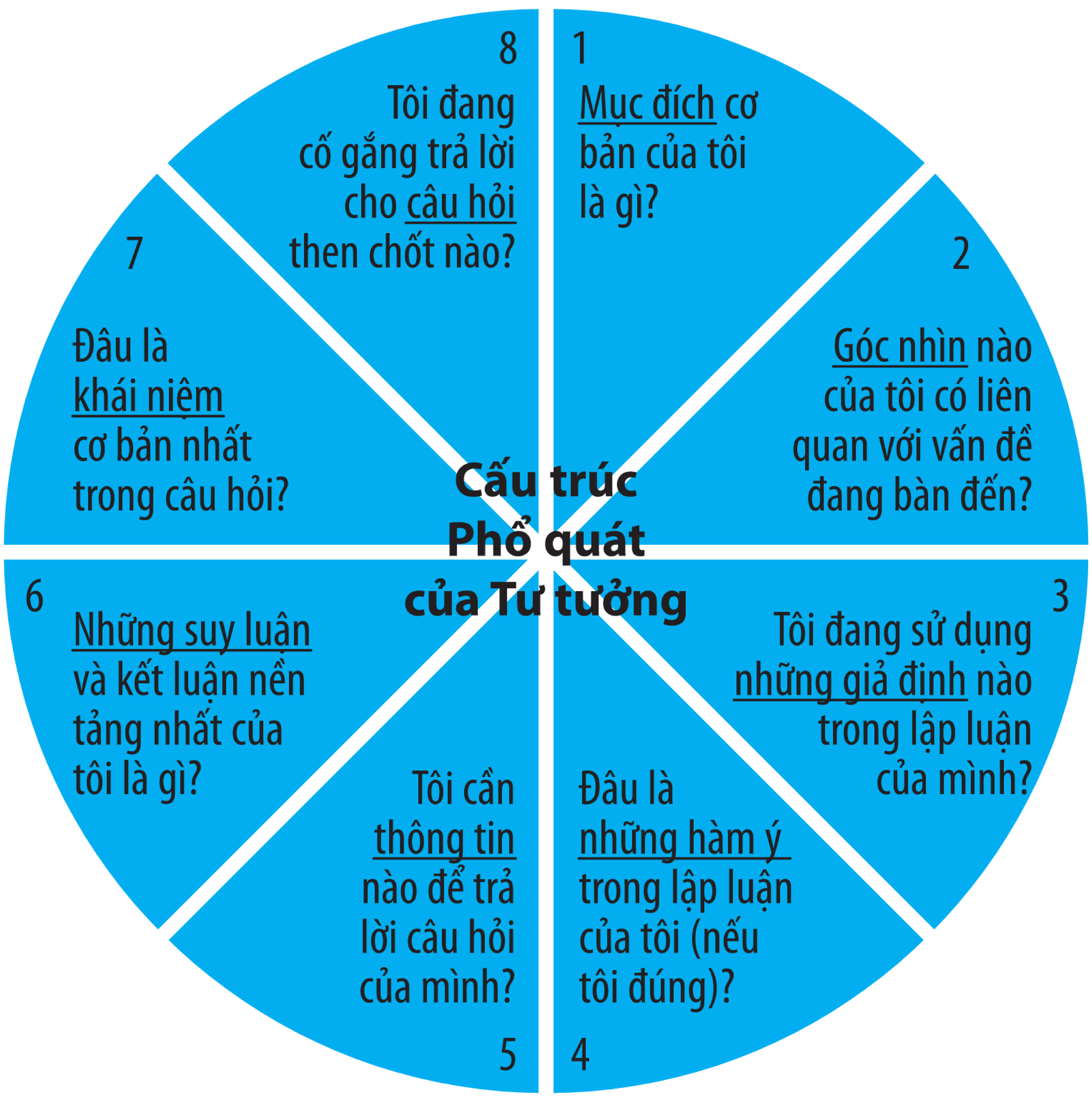
Thế thì, tư duy sẽ:

- Làm phát sinh các mục đích
- Nêu ra các câu hỏi
- Sử dụng các thông tin
- Hình thành các khái niệm
- Đưa ra các suy luận
- Đưa ra các giả định
- Làm phát sinh các hàm ý
- Chứa đựng một góc nhìn



Những Yếu tố
và những Vấn đề của Tư tưởng





Những Yếu tố của Tư duy Lịch sử

Bây giờ, chúng ta có thể đưa những yếu tố lập luận cho tư duy lịch sử vào ngữ cảnh như dưới đây:



Được sử dụng cùng sự nhạy cảm về các chuẩn trí tuệ phổ quát

Sự rõ ràng → Sự đúng đắn → Chiều sâu → Chiều rộng → Ý nghĩa
Sự chính xác ↓
Tính liên quan Công bằng

Logic của Lịch sử

Mục đích của lịch sử: Để nghiên cứu quá khứ nhằm cải thiện lối sống của ta trong hiện tại và tương lai. Khi nghiên cứu về quá khứ, các sử gia tạo ra những chuyện kể để miêu tả các sự kiện giống như thực sự đã diễn ra. Khi các chuyện kể lịch sử được các sử gia xây dựng tốt, chúng có thể được dùng để cải thiện cuộc sống con người.

Một nghiên cứu mang tính học thuật về lịch sử có thể giúp ta hiểu rõ hơn những tính phức hợp trong vấn đề đang nói đến và giá trị của việc nhìn những vấn đề ấy từ nhiều góc nhìn đa dạng. Nó có thể giúp ta hiểu rằng thay đổi cho sự tốt đẹp chỉ đến được sau một chặng đường dài. Nhưng nó cũng giúp ta thấy rằng con người sẽ không tự nhiên tiến bộ thành những nhà tư tưởng.

Những câu hỏi then chốt của sử gia: Điều gì đã xảy ra trong suốt một giai đoạn nhất định nào đó? Điều gì đã khiến những sự kiện diễn biến theo hướng này? Đâu là những hoàn cảnh và tác động đã gây ra những sự kiện đó? Liệu có thể khám phá ra những khuôn mẫu về các sự kiện quá khứ không? Ta có cần tư duy lại cách ta nhìn về quá khứ trong ánh sáng của một số thông tin mới? Ta có xem các suy luận hay các diễn giải gây hiểu sai như những sự kiện lịch sử không? Khi ta nghiên cứu, có thông tin nào mất đi mà không thể phục hồi không? Đâu là diễn giải có ý nghĩa nhất cho các dữ kiện và thông tin? Diễn giải về "kinh nghiệm sống" của những con người quá khứ đóng vai trò gì trong việc hiểu lịch sử, và làm thế nào sử gia đạt đến được những phát biểu chính đáng về kinh nghiệm sống ấy? Có thể đạt được những diễn giải chính đáng về những người đã khuất bóng từ lâu rồi, những tâm thế và hành động của họ không?

Ta có thể tin tưởng ra sao vào những phát biểu của ta về quá khứ, về những đặc điểm của các định chế, cấu trúc và con người trong quá khứ, và về những mối quan hệ có thể giải thích được giữa những điều đó? Làm thế nào đưa được những sự kiện của một thời đại lịch sử nào đó vào một bối cảnh có ý nghĩa? Những nghĩa và ý đồ nào của con người nằm bên dưới một chuỗi sự kiện lịch sử được mang lại?

Những khái niệm then chốt đã và vẫn được sử gia sử dụng trong tư duy của họ: Các sử gia trong những chuyên môn khác nhau và có những góc nhìn khác nhau sẽ sử dụng những khái niệm khác nhau và thường xung đột nhau trong tư duy của họ. Dưới đây là một số khái niệm then chốt đã và vẫn được các sử gia sử dụng trong quá khứ.

1. *Quan hệ nhân quả* trong lịch sử, tức tập trung vào các nguyên nhân của các sự kiện lịch sử.
2. Ý niệm cho rằng các sự kiện quá khứ được miêu tả dưới hình thức một chuyện kể.
3. Phạm vi trong đó có một *bản thiết kế lớn* trong lịch sử con người. Nói khác đi, lịch sử con người đi theo một tiến trình tất định luận trong chừng mực và phạm vi nào (điều này hầu như đã lỗi thời).
4. *Vai trò của sự can thiệp của thần linh* trong lịch sử (hầu như đã lỗi thời).
5. *Vai trò của cá nhân* trong việc qui định lịch sử.
6. *Vai trò của văn hóa* trong việc qui định lịch sử.
7. *Vai trò của toàn bộ loài người* trong việc qui định lịch sử.
8. Vai trò của *ý thức giai cấp* trong lịch sử.
9. Vai trò của *quan hệ nhân quả xã hội* trong lịch sử.
10. *Vai trò của những người quan trọng và có quyền lực* trong lịch sử.

11. *Vai trò của phụ nữ* trong lịch sử.
12. *Vai trò của các nhóm tộc người* trong lịch sử.
13. *Ý nghĩa* của các sự kiện lịch sử.
14. *Vai trò của các hoàn cảnh vật chất* trong các hoạt động của con người.
15. *Vai trò của kinh tế* trong lịch sử con người.
16. *Vai trò của tư duy lấy xã hội làm trung tâm* trong lịch sử con người.
17. *Vai trò của tâm lý học con người* trong lịch sử con người.
18. *Vai trò của tôn giáo* trong lịch sử con người.
19. *Các khuôn mẫu lớn, mang tính bao trùm* trong lịch sử.
20. *Tìm kiếm các qui luật chung* trong lịch sử.
21. *Tính khách quan lịch sử và những diễn giải của sử gia xét như gánh nặng giá trị tất yếu*.
22. *Quan hệ nhân quả lịch sử* (tô đậm tính khách quan, chân lý và sự tương hợp với các sự kiện) vs *chuyện kể lịch sử* (tô đậm tính chủ quan và các diễn giải đa dạng).

Còn có những khái niệm khác được các sử gia tập trung gồm: bàn tay vô hình của thị trường, chiến tranh tiêu hao, thiệt hại chiến tranh, xét xử công bằng, chiến tranh chính đáng, cân bằng quyền lực, các quyền bất khả chuyển nhượng, nền dân chủ đại diện, tiền lương công bằng, phẩm giá con người, mậu dịch công bằng và cách mạng.

Những kiểu thông tin được sử gia sử dụng: Nhìn chung, các sử gia thường tập trung vào việc thu thập, tổ chức và trình bày thông tin về các sự kiện quá khứ dưới hình thức chuyện kể. Ngoài các nguồn khác, thông tin có thể đến từ các bài viết, sách, báo, tạp chí, sách giấy cuộn, biểu trưng, nhật ký, các cuộc trò chuyện riêng tư giữa các quan chức, thư từ, hiệp ước, biên bản trong các bản lưu

chính thức, các thông báo mang tính định chế, tranh ảnh, các phỏng vấn thu âm và ghi hình, lời nói trực tiếp, nguồn internet và video. Thông tin có thể nằm dưới dạng hoặc các sự kiện có thể kiểm chứng hoặc các sự kiện mang tính khả năng. Thường thì thông tin duy nhất có sẵn cho các sử gia là thông tin đã được lọc qua những diễn giải của người khác rồi. Chẳng hạn, Socrates không để lại bất kỳ công trình có ghi chép nào về những gì mà ta thường gọi là phương pháp Socrates. Ta chỉ biết được tư duy của Socartes thông qua các ghi chép, và vì thế là qua các diễn giải, của người khác mà thôi (hầu hết đều đến với ta qua các trước tác của hai học trò ông là Plato và Xenophone).

Những suy luận hay diễn giải then chốt của sử gia: Kiến thức lịch sử phụ thuộc vào các qui trình nghiên cứu thường nghiệm (dựa vào kinh nghiệm) và sự biện minh cho các phát biểu lịch sử phụ thuộc vào việc đưa ra chứng cứ thuyết phục để hỗ trợ hoặc làm mất hiệu lực những phát biểu ấy, trong khi vẫn bao chứa mọi thông tin quan trọng có liên quan. Sử gia phải tham gia vào việc thẩm tra thiện ý những chứng cứ khi tạo ra các lý thuyết của mình về quá khứ. Song, không nên hiểu là điều này hàm ý rằng luôn luôn có một diễn giải độc nhất về các diễn biến và sự kiện lịch sử. Các diễn giải lịch sử thường được giải thích không đầy đủ bởi các sự kiện. Các diễn giải về quá khứ sẽ biến đổi tùy theo câu hỏi lịch sử riêng được đặt ra về cùng một lượng chứng cứ. Nói ngắn, các chuyện kể lịch sử có một thành tố diễn giải thiết yếu, và thường chứa đựng sự tái thiết lại phần lớn quá khứ.

Một số hàm ý quan trọng của tư duy lịch sử: Nếu sử gia làm tốt công việc triển khai và trình bày lập luận lịch sử, và nếu người ta nghiêm túc xem xét công việc của sử gia, những hàm ý dưới đây có thể sẽ trở thành hiện thực:

1. Người ta sẽ có nhiều xu hướng hơn trong việc xem xét nghiêm túc lịch sử khi họ ngày càng hiểu được giá trị của mối liên quan của nó với cuộc sống của họ.
2. Người ta sẽ ngày càng có xu hướng muốn học hỏi từ quá khứ hơn.
3. Người ta sẽ đi đến chỗ nhận ra rằng mọi diễn giải và chuyện kể về quá khứ đều không có cùng chất lượng như nhau, vì thế họ sẽ tư duy một cách phê phán và phản biện về những diễn giải và chuyện kể ấy trước khi chấp nhận.
4. Người ta sẽ ngày càng có xu hướng xem mình như những nhà tư duy lịch sử và họ sẽ kiểm soát tốt hơn những câu chuyện họ kể về quá khứ của riêng mình.

Một số giả định quan trọng được sử gia sử dụng khi bắt đầu tư duy: Các sử gia thuộc những tuýp khác nhau sẽ khác nhau về những niềm tin họ xem là đương nhiên, phụ thuộc vào góc nhìn, quan điểm và thế giới quan của họ. Song, nhìn chung, có một số giả định thường được các sử gia sử dụng lúc đầu:

1. Nếu hiểu được quá khứ, ta sẽ có thể hiểu con người và lý do họ hành xử như thế rõ hơn.
2. Nếu nghiên cứu quá khứ, ta có thể học hỏi được những điều quan trọng về con người vốn sẽ giúp ta đưa ra những quyết định tốt hơn trong tương lai.
3. Có một kho lưu trữ thông tin và sự kiện mà về tiềm năng là lớn vô hạn cần phải được sàng lọc và diễn giải bằng các câu hỏi lịch sử rộng hơn.
4. Các sự kiện được dựng nên có thể không phải là các sự kiện có thực, hay không phải là những sự kiện có liên quan.

5. Luôn luôn có khả năng rằng các thông tin mới sẽ đến với một câu hỏi lịch sử được đặt ra, và khi điều đó xảy ra, các diễn giải lúc trước về các sự kiện lịch sử cần phải được xét lại.

Những góc nhìn của sử gia: Những góc nhìn được sử gia dùng để nhìn về quá khứ sẽ biến thiên tùy theo những khái niệm được họ dùng trong tư duy của mình - những khái niệm sẽ dẫn dắt các diễn giải của họ về các thông tin lịch sử. Song, nhìn chung, các sử gia đều nhìn về quá khứ như điều cần thiết để hiểu việc con người thực ra là ai và làm thế nào ta có thể cải thiện các xã hội con người trong hiện tại và tương lai. Xa hơn, một góc nhìn nhất định của sử gia có thể được định hình từ nhiều nhân tố tiềm năng: thời gian, văn hóa, tôn giáo, phái tính, đồng sự, lợi ích kinh tế, trạng thái cảm xúc, vai trò xã hội hay nhóm tuổi tác, v.v… Thêm vào đó, sử gia cũng có thể nhìn thế giới từ:

- Một giai đoạn thời gian (thế kỷ XVI, XVII, XVIII, XIX)
- Một nền văn hóa (phương Đông, phương Tây, Nam Mỹ, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp)
- Một tôn giáo (Phật giáo, Kitô giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo)
- Một phái tính (nam, nữ)
- Một định hướng (phóng tác, tả thực)
- Một nghề nghiệp (luật sư, giáo viên)
- Bộ môn học thuật (sinh học, hóa học, địa lý học, thiên văn học, xã hội học, triết học, nhân học, văn học, nghệ thuật, âm nhạc, múa, thơ ca, y học, điều dưỡng, thể thao, v.v..)
- Nhóm đồng sự, cộng sự riêng
- Một lợi ích kinh tế
- Một trạng thái cảm xúc
- Một nhóm tuổi tác.

Những Tư tưởng thêm về các Yếu tố của Lập luận Lịch sử

Một lối tiếp cận hợp lý vào nghiên cứu quá khứ đòi hỏi phải tập trung vào các yếu tố của tư tưởng. Chẳng hạn, có lẽ nó đòi hỏi phải xem xét các góc nhìn của nhà khảo cổ học, của nhà địa chất học, của nhà nhân học, của nhà kinh tế học, của nhà sinh học, của kỹ sư, của nhà khoa học chính trị, của nhà tâm lý học và của nhà xã hội học - tất cả đều đóng nhiều vai trò khác nhau trong việc tái tạo quá khứ.

Nghiên cứu lịch sử cũng đòi hỏi rằng các học giả phải áp dụng các yếu tố của tư tưởng theo những cách riêng rẽ cho bộ môn lịch sử. Chẳng hạn, về phương diện thông tin, nghiên cứu và tường thuật lịch sử bao hàm nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp. Thông tin này có thể đến dưới hình thức nhân tạo như những bài phát biểu, nhật ký, thư từ, các bài thơ, hiệp định, bài viết, phim, chương trình tin tức hay các thông cáo chính trị. Trong khi mọi bộ môn nhất định phải có quan tâm đến nguồn và chất lượng thông tin, sử gia phải đặc biệt cẩn trọng phân biệt nguồn thông tin sơ cấp và nguồn thứ cấp, và phải nhận ra những ý đồ của những người tổ chức các nguồn đó, cũng như tính hữu dụng và giới hạn vốn có của mỗi nguồn. Điển hình, các sử gia quan tâm đến văn tự hay lời ghi âm, và vì thế quan tâm đến nguồn gốc tác giả, độ chân thực, tính đáng tin và góc nhìn của nguồn thông tin, các qui trình biên tập có thể đã ảnh hưởng đến những tài liệu ấy và chức năng của các tài liệu đó tại chính lúc chúng được tạo ra.

Chỉ có một vài phương diện trong đó tư duy lịch sử được soi sáng nhờ nghiên cứu các yếu tố của lập luận. Bất kể khi

nào sử gia lý luận về bất kỳ sự kiện hay vấn đề lịch sử nào, họ đều đưa ra các mục đích, các câu hỏi, thu thập thông tin và tạo ra các suy luận dựa trên thông tin đó. Họ bắt đầu bằng một góc nhìn lịch sử đặc thù, dựa trên các giả định và các phương cách họ đưa vấn đề đang bàn đến vào các ngữ cảnh. Ngoài ra, lập luận lịch sử của họ còn có các hàm ý.

Vì thế, điều quan trọng đối với cả sử gia lẫn giảng viên là phải ý thức rõ ràng và tập trung một cách có ý thức về các yếu tố của tư tưởng khi lập luận bằng các vấn đề lịch sử, tạo ra các luận đề và chuyện kể lịch sử cũng như cấu trúc các nghiên cứu lịch sử.

Phân tích các Chuyện kể Lịch sử Bằng cách Sử dụng các Yếu tố của Tư tưởng

(Dành cho các Sử gia và Giảng viên Bộ môn Lịch sử)

Những Yếu tố của Tư tưởng	Đối với Sử gia	Đối với Giảng viên
Mục đích	Đâu là mục đích của chuyện kể tôi đang tạo ra? Nghiên cứu này có thể được công chúng nói chung và giới học giả nói riêng sử dụng như thế nào? Động cơ nào đằng sau nghiên cứu này? Tôi đang gắng tạo ra chuyện kể nào về quá khứ và độc giả nhắm đến là ai? Đâu là mục đích của nguồn thông tin sơ cấp hay thứ cấp mà tôi đang sử dụng?	Đâu là mục đích của bài học lịch sử này? Đâu là mục đích của văn bản lịch sử này? Mục đích ấy có chính đáng không? Đâu là mục đích của việc khảo sát thời kỳ hay sự kiện đặc thù này? Các mục tiêu học hỏi những bài học này có liên quan gì đến nội dung và các kỹ năng tư duy không? Học viên có thể được lợi gì qua việc tư duy sâu vào mục đích của lịch sử? Làm thế nào bài giảng có thể giúp học viên đánh giá đúng những mối quan hệ giữa mục tiêu của nghiên cứu lịch sử và chuyện kể ban đầu? Đâu là mục đích mà tác giả bài học này tâm niệm?

Câu hỏi	Câu hỏi, vấn đề nào là trung tâm đối với nghiên cứu này? Tôi đang đặt ra những câu hỏi nào về kinh nghiệm con người? Trong chừng mực nào tôi đang xem xét mọi tính phức hợp của các câu hỏi, các sự kiện, các nguồn thông tin và các động cơ của những người tham dự vào các sự kiện của quá khứ? Phải chăng nghiên cứu này là một bản trình bày tỉ mỉ các sự thật đã được xác lập, là một sự xét lại hay là một cái gì đó mới mẻ? Tại sao chủ đề này lại quan trọng? Bối cảnh của sự kiện hay vấn đề này là gì? Cần thiết phải khảo sát những biến số nào, chẳng hạn như địa lý, chính trị, kinh tế và các niềm tin văn hóa?	Câu hỏi, vấn đề nào là trung tâm đối với bài học này? Làm thế nào bài học này giúp học viên đặt ra những câu hỏi hay nhất khi học lịch sử? Những câu hỏi nào là có ích nhất cho giai đoạn phát triển của học viên? Bài học này có hướng đến việc cải thiện kiến thức lịch sử, văn hóa, địa lý, đạo đức, kinh tế và chính trị không? Chủ đề này sẽ mang lại gì cho cuộc sống của học viên? Liệu lối tiếp cận theo niên đại có phải là cách tốt nhất để tổ chức tìm hiểu lịch sử không? Bài học này sẽ đề cập đến những chủ đề bao quát nào?

Thông tin	Các tài liệu và nguồn thông tin nào mang tính cốt yếu nhất đối với nghiên cứu hay bài học này? Đâu là nguồn thông tin, tài liệu và chứng cứ của tôi? Nguồn này có đáng tin, chính xác và thông tin có giá trị hiệu lực không? Làm thế nào thêm các nguồn thông tin thứ cấp vào kiến thức đã có và các nguồn thông tin sơ cấp đã được làm sáng tỏ? Chủ đề này trước đây đã được viết hay phổ biến ra sao, và những chuyện kể này góp phần và thu giảm kiến thức của ta về quá khứ như thế nào? Có bất kỳ thông tin lịch sử quan trọng nào đó bị loại ra khỏi các nguồn thông tin không? Chứng cứ nào hỗ trợ cho khẳng định nào? Truyền thông đại chúng đã tác động ra sao đến cách công chúng hiểu về vấn đề hay sự kiện này?	Bài học này gia tăng sự hiểu biết của học viên về nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp, và cải thiện năng lực đánh giá tính đáng tin cậy và ý nghĩa của các nguồn đó ra sao? Những hoạt động nào sẽ giúp học viên phân biệt những khác biệt giữa các mô tả khác nhau về quá khứ và trở nên nhạy cảm với các biến số - như chiều rộng, chiều sâu và những sự thiên lệch - đang tác động đến tính giá trị hiệu lực của nguồn thông tin? Các bài học này có thể gia tăng như thế nào cho năng lực của học viên trong việc nhìn về truyền thông đại chúng vốn đang truyền đi “các sự kiện lịch sử” bằng một con mắt phê phán, phản biện và mang tính học thuật? Những hoạt động nào sẽ giúp học viên phân biệt các suy luận với thông tin trong tư duy lịch sử? Những hoạt động nào sẽ giúp học viên đánh giá được tính đáng tin cậy của các suy luận của các sử gia?

Suy luận và Kết luận	Đâu là những suy luận và kết luận chính của tôi, và tại sao một số suy luận và kết luận có thể mang nhiều ý nghĩa hơn số khác? Đâu là cách hiểu hiện nay về quá khứ và nghiên cứu mới có thể khác gì so với những nghiên cứu cũ trước đây? Đâu là sức mạnh của chứng cứ cho các suy luận và kết luận này? Liệu có thông tin nào bị bóp méo để phục vụ cho một lợi ích đặc biệt không? Những suy luận và kết luận này có thể tác động như thế nào đến cách hiểu của con người về quá khứ và hiện tại? Đâu là những suy luận và kết luận thay thế quan trọng khác có thể có, và đâu là giá trị và giới hạn của những thay thế đó? Các dữ kiện hay các chi tiết riêng rẽ của sự kiện góp phần như thế nào vào việc hiểu một cách bao quát về hoàn cảnh con người?	Bài học này sẽ giúp học viên độc lập tạo ra các suy luận và kết luận dựa trên chứng cứ như thế nào? Những hoạt động nào sẽ giúp học viên nhận diện tầm ý nghĩa và tác động tiềm năng của những kết luận của họ? Hoạt động nào có thể cải thiện năng lực của học viên trong việc đặt ra đúng câu hỏi để kiểm tra tính đúng đắn của các suy luận và kết luận của mình? Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên nối kết chứng cứ với các khẳng định và kết luận?

Khái niệm	Chủ đề, khái niệm và ý tưởng nào là trung tâm đối với các sự kiện hay các tiểu sử tôi đang bàn đến? Những khái niệm này, nếu có, thay đổi qua thời gian ra sao? Những ý tưởng nào đang dẫn dắt tư duy của con người trong suốt giai đoạn đó? Nghiên cứu này có rõ ràng về cách những khái niệm này giúp khuôn định và soi sáng kinh nghiệm con người và các sự kiện quá khứ không? Khái niệm nào là khó hiểu, dù cực kỳ quan trọng? Cách hiểu của công chúng về khái niệm này có khác với cách hiểu của giới học giả không, và đâu là cách tốt nhất để phản ứng trước thực tại đó?	Những hoạt động nào sẽ giúp học viên hiểu được bản chất và chức năng của một khái niệm? Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên nhìn ra được mối quan hệ giữa các khái niệm, các sự kiện và hoạt động riêng rẽ của con người? Làm thế nào bài học này giúp học viên hiểu được vai trò của các khái niệm trong việc xác lập và duy trì các định chế xã hội đang tác động đến chúng ta? Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên nhìn ra được những vấn đề nảy sinh nếu cứ chấp nhận một cách không phê phán, không phản biện các kết luận nhận được trong một văn hóa trong một thời kỳ lịch sử nhất định?

Giả định	Những giả định nào đã được tạo ra cho các nguồn thông tin, các sự kiện, các diễn giải trước đó, ý nghĩa của các sự kiện, các động cơ của những người tham dự vào sự kiện và các biến số đang tác động đến sự kiện? Những sự khái quát hóa nào đã được đưa ra về quá khứ và đâu là những ngoại lệ cho các khẳng định chung đó? Người ta đã giả định gì về những người thực sự trải nghiệm các sự kiện đó hay về các kết luận của những sự kiện đó? Những giả định nào đã được đưa ra cho lý do tại sao một mô tả đặc thù về quá khứ lại được người khác cho là có giá trị? Những giả định nào về các giá trị, động cơ, lựa chọn và kiến thức của con người được bao hàm trong nguồn thông tin sơ cấp và thứ cấp? Làm thế nào tôi biết	Làm thế nào bài học này có thể tạo cho học viên ý thức được những giả định của riêng họ về quá khứ và cách những giả định đó có thể cản trở hiểu biết của họ về quá khứ? Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên tìm ra các giả định được bao hàm trong các chuyện kể lịch sử và các nguồn thông tin sơ cấp? Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên đưa ra những sự biện minh cần có để ủng hộ cho các giả định về các sự kiện hay thời kỳ này? Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên nhìn ra được rằng mọi sử gia đều bắt đầu với các giả định, và các giả định ấy không phải lúc nào cũng chính đáng?

Giả định	được rằng bất kỳ giả định nào của tôi về vấn đề hay thời kỳ lịch sử này đều là chính đáng, có thể biện minh được? Tôi đang đưa ra những giả định nào về các sự kiện lịch sử này, các giả định đó có chính đáng không?	
Hàm ý và Hệ luận	Đâu là những hàm ý hay hệ luận quan trọng của các chuyện kể tôi tạo ra? Việc tôi trình bày các sự kiện lịch sử có thể ảnh hưởng như thế nào đến độc giả của tôi? Những kiến tạo lịch sử có thể tác động như thế nào đến năng lực của người khác trong việc hiểu thế giới và cảm thông với người khác? Nghiên cứu hay bài học này có thể tác động ra sao đến con người hiện tại hay tương lai? Nếu tôi tiếp cận chủ đề lịch sử này theo đúng kế hoạch của mình, thì có thể sẽ dẫn đến những hàm ý nào?	Làm thế nào bài học này có thể minh họa được mối quan hệ giữa những gì người ta tin về quá khứ với cách họ nghĩ về hiện tại? Những ví dụ nào có thể được dùng để minh họa những hệ luận quan trọng của việc trình bày quá khứ theo cách này? Làm thế nào tôi có thể giúp học viên nhìn ra được rằng có những hàm ý quan trọng trong việc học lịch sử? Làm thế nào tôi có thể thúc đẩy học viên học lịch sử để họ, và cả xã hội, có thể hưởng lợi từ đó?

Góc nhìn	Tôi đang đưa ra góc nhìn nào cho các diễn giải của mình? Những giá trị và mối quan tâm nào đang tác động đến những diễn giải của tôi? Tôi nên xem xét những góc nhìn lịch sử thay thế khác nào? Tôi nên xem xét những quan điểm nào khác với những trường phái tư tưởng đã bàn đến vấn đề lịch sử này? Tôi đang gắng tạo ra góc nhìn gì trong tâm trí độc giả của mình?	Làm thế nào bài học này có thể giúp học viên nhận diện các góc nhìn mang tính bản chất đối với việc họ hiểu về một sự kiện hay một con người trong quá khứ? Những hoạt động nào sẽ cải thiện cách hiểu của học viên về việc thu nhận hay loại trừ những góc nhìn nhất định nào đó có thể tác động như thế nào đến các mô tả về quá khứ? Góc nhìn của tôi tác động đến học viên, những người chưa được đào tạo chuyên môn, như thế nào? Làm thế nào tôi có thể giúp học viên học được rằng lịch sử luôn luôn được kể ra từ một góc nhìn nào đó và vì thế có thể sẽ khiếm khuyết trên một số phương diện?

Các Chuẩn Trí tuệ Phổ quát

Các yếu tố của tư tưởng sẽ giúp ta phân tích lập luận lịch sử, còn các chuẩn trí tuệ sẽ xử lý chất lượng tư tưởng. Khi người ta tư duy một cách lịch sử, họ thường xem xét nguồn thông tin và góc nhìn của nguồn đó, song lại không thể tư duy sâu về một vấn đề hay một chuỗi các sự kiện khi họ thiếu một góc nhìn rộng hơn. Chẳng hạn, khi một người được yêu cầu tư duy về tác động của Thế chiến thứ I thì có lẽ họ sẽ không khó khăn gì khi nói về việc cuộc chiến ấy đã hủy diệt cuộc sống, giết hại mạng sống, tàn phá nông trang, doanh nghiệp và hoang phí biết bao nhiêu tiền của, trong khi cùng lúc họ lại lãng quên tác động của cuộc chiến đến môi trường, đến các cuộc chạy đua vũ trang và chủ nghĩa thực dân. Mục đích của việc tuân thủ các chuẩn trí tuệ là để cải thiện chất lượng tư tưởng và đạt đến các ngưỡng xuất sắc riêng. Có ít nhất hàng trăm chuẩn trí tuệ trong ngôn ngữ hàng ngày[1].

Ta hãy cùng xem xét 9 chuẩn trí tuệ đã được điều chỉnh cho tư duy lịch sử dưới đây.

1. Để hiểu sâu hơn về các chuẩn trí tuệ, xin xem *Thinker's Guide to Intellectual Standards* của Linda Elder và Richard paul (2009), Dillon Beach, CA: Foundation for Critical Thinking Press.

9 Chuẩn Trí tuệ Khơi ra những Câu hỏi Then chốt cho các Sử gia

Chuẩn	Mô tả chung	Tư duy Lịch sử (Một số ví dụ)
Rõ ràng	Tính rõ ràng là nền tảng đối với mọi tư duy. Thiếu tính rõ ràng sẽ dẫn đến khả năng rằng tư duy tiếp theo về vấn đề sẽ bị lạc hướng và bị giới hạn. Tính rõ ràng đòi hỏi phải có các minh họa, giải thích và chi tiết.	Sử gia phải đi những bước nào để đảm bảo độc giả của họ hiểu được mục đích, các khẳng định và các câu hỏi nằm mặc nhiên trong một nghiên cứu hay chuyện kể? Những khái niệm nào đặc biệt cần phải được giải thích, minh họa và chi tiết hóa?
Đúng đắn	Tính đúng đắn nói đến tính xác thực của các khẳng định. Nếu khẳng định rõ ràng nhưng lại đúng với thực tế thì việc đưa các khẳng định ra kiểm tra tính đúng là rất quan trọng.	Làm thế nào ta có thể tiếp cận tính đáng tin cậy của các nguồn thông tin? Các nguồn của ta có đứng vững trước sự kiểm tra học thuật về tính đáng tin cậy và tính giá trị hiệu lực? Thông tin này về quá khứ có đúng không? Thế nào là đứng vững trước cuộc kiểm tra về tính đúng đắn của việc tường thuật?
Chính xác	Tính chính xác nói đến tính cụ thể và chi tiết. Khi có được tính chính xác, nhà tư duy sẽ đưa ra một lượng thông tin đủ để đảm bảo rằng các quan điểm của họ sẽ không bị diễn giải sai.	Đâu là những câu hỏi riêng lẻ được một sự kiện hay một khẳng định khơi ra? Những chi tiết nào sẽ giúp ta hiểu được các sự kiện, động cơ và hệ luận theo một cách toàn diện hơn? Ta đã bao hàm một lượng chi tiết thỏa đáng vào trong chuyện kể của mình chưa hay ta đang đưa vào quá nhiều chi tiết?

Liên quan	Thông tin hay các khẳng định có liên quan sẽ có một ý nghĩa trực tiếp tác động lên vấn đề; chúng có thể sẽ gia tăng thêm nhận thức sâu, cải thiện khung tư duy của ta, cải thiện sự hiểu hay trực tiếp trả lời một câu hỏi. Chẳng hạn, tính liên quan sẽ đi đôi với sức mạnh của mối quan hệ thông tin với câu hỏi hay nghiên cứu đang nói đến.	Những câu hỏi nào về quá khứ là có liên quan đến ngày nay và tại sao? Những thông tin nào có liên quan đến một nghiên cứu được mang lại và tại sao? Việc trình bày đặc thù này về quá khứ chứa đựng hay loại bỏ các thông tin liên quan? Những thông tin nào có liên quan đến sự hiểu của ta về góc nhìn của nguồn thông tin và tại sao? Sử gia có lợi ích vị kỷ nào trong việc loại trừ những thông tin liên quan không?
Chiều sâu	Tư duy sâu là phản tư về những tính phức hợp và xem xét, ở chỗ nào có liên quan, những biến số và nghĩa tinh tế hay bị che giấu. Ta có thể tư duy rõ ràng và đúng đắn, song lại thiếu chiều sâu. Tư duy lịch sử thường đòi hỏi một người phải xem xét những tính phức hợp đa dạng trong các vấn đề lịch sử.	Những nhân tố nào khiến ta khó hiểu được quá khứ? Những biến số cốt lõi nào đang tác động đến những sự kiện đặc thù này của quá khứ? Làm thế nào ta biết điều gì đã thúc đẩy người ta hành xử như thế? Ta có đủ kiến thức (với đủ nguồn thông tin) để tạo ra một bức tranh hoàn chỉnh hợp lý về quá khứ? Ta có tiến hành một nghiên cứu thiết yếu về các hệ luận ngắn hạn và dài hạn của các sự kiện quá khứ chưa?

Chiều rộng	Khảo sát những khẳng định và ý tưởng từ nhiều góc nhìn đa dạng sẽ nâng cao sự hiểu của ta và mang tính bản chất đối với tư duy lịch sử. Có chiều rộng trong tư duy nghĩa là biết đánh giá đúng các góc nhìn khác với góc nhìn của ta và coi trọng những điều có thể thúc đẩy các góc nhìn ấy.	Nghiên cứu này về quá khứ có nhận ra được tất cả những ai có liên quan hay chịu tác động bởi các sự kiện không, hay các góc nhìn và động cơ của họ có được trình bày đầy đủ chưa? Ta có xem xét các trường phái diễn giải khác nhau và những đóng góp của họ cho việc hiểu quá khứ? Ta có tính đến những quan điểm có liên quan của các bộ môn nghiên cứu xã hội khác - như kinh tế học, địa lý học, khoa học chính trị, xã hội học và tâm lý học - trong việc hiểu vấn đề này chưa?
Logic	Logic có liên quan đến việc tạo nghĩa cho điều gì đó và đảm bảo rằng lập luận đang dẫn ta đến những khẳng định của mình là có cơ sở vững chắc.	Những chuyện kể ta đang tạo ra và những kết luận ta đang đi đến có phù hợp với chứng cứ đáng tin cậy và đầy đủ không? Những phát biểu ta đưa ra về tầm quan trọng của một sự kiện có thể hiện hợp lý bản chất của sự kiện và hoàn cảnh con người không? Những diễn giải lịch sử đó có mang tính logic nhất cho chứng cứ đang có không?

Ý nghĩa	Ý nghĩa đòi hỏi nhà tư duy phải đảm bảo tư duy hướng đến vấn đề đang cần độ ưu tiên cao nhất. Tư duy lịch sử tốt sẽ tập trung vào các vấn đề có ý nghĩa chứ không phải các vấn đề vụn vặt.	Nghiên cứu có tập trung vào các vấn đề có thể tác động lớn đến chất lượng của các xã hội con người không? Chuyện kể có nói đầy đủ về tầm quan trọng của các vấn đề đang bàn đến? Sử gia có nhìn nhận hay sử dụng được các thông tin quan trọng khi đi đến những kết luận đó không?
Công bằng	Công bằng trong tư duy là tìm cách thừa nhận sự đóng góp của người khác, tôn trọng những góc nhìn đa dạng, tường thuật đúng các dữ kiện và vạch trần những giới hạn hay sự thiên lệch tiềm năng.	Trong chừng mực nào ta hiểu được những sự thiên lệch tiềm năng của các nguồn thông tin, các góc nhìn, các động cơ của ta trong nghiên cứu? Tường thuật của ta có trình bày công bằng những góc nhìn quan trọng có liên quan và những giải thích thay thế có cơ sở vững chắc khác không? Sử gia có thiên lệch khi xử lý vấn đề này không, và nếu có thì tại sao?

Một khi các học viên đã hiểu được các yếu tố của lập luận và các chuẩn trí tuệ, họ sẽ có thể bắt đầu thực hành đánh giá một lập luận của sử gia bằng cách sử dụng mẫu sau.

Đánh giá một Lập luận của Sử gia

Một khi hiểu được cách phân tích tư duy (bằng cách tập trung vào các yếu tố của tư tưởng) và hiểu được vai trò của các chuẩn trí tuệ trong việc đánh giá tư tưởng, bạn sẽ có khả năng đánh giá lập luận của bất kỳ sử gia nào.

Dưới đây là một số khía cạnh để xem xét:

1. Nhận diện **Mục đích** của sử gia: Mục đích của sử gia có được phát biểu rõ hay được hàm ý rõ ràng không? Nó có thể biện minh không?
2. Nhận diện **Câu hỏi** then chốt mà bài viết đang trả lời: Câu hỏi có được phát biểu rõ (hay được hàm ý rõ ràng) không? Nó có rõ ràng và không thiên lệch không? Việc trình bày câu hỏi có tát cạn tính phức hợp của vấn đề đang bàn đến? Câu hỏi và mục đích có liên quan trực tiếp với nhau không?
3. Nhận diện **Thông tin** quan trọng nhất mà sử gia trình bày: Tác giả có trích dẫn bằng chứng, kinh nghiệm và/hay thông tin phù hợp, cần thiết cho vấn đề không? Thông tin có đúng và có liên quan trực tiếp với câu hỏi đang bàn đến không? Tác giả có bàn đến những tính phức hợp của vấn đề chưa?
4. Nhận diện những **Khái niệm** cốt lõi nhất nằm ngay trung tâm lập luận của sử gia: Tác giả có làm rõ những ý niệm cốt lõi khi cần không? Những ý niệm ấy có được sử dụng một cách chính đáng không?
5. Nhận diện những **Giả định** của sử gia: Tác giả có tỏ ra nhạy cảm trước những gì họ đang xem là đương nhiên hay đang giả định (trong chừng mực những giả định ấy có thể bị đặt thành vấn đề một cách hợp lý)

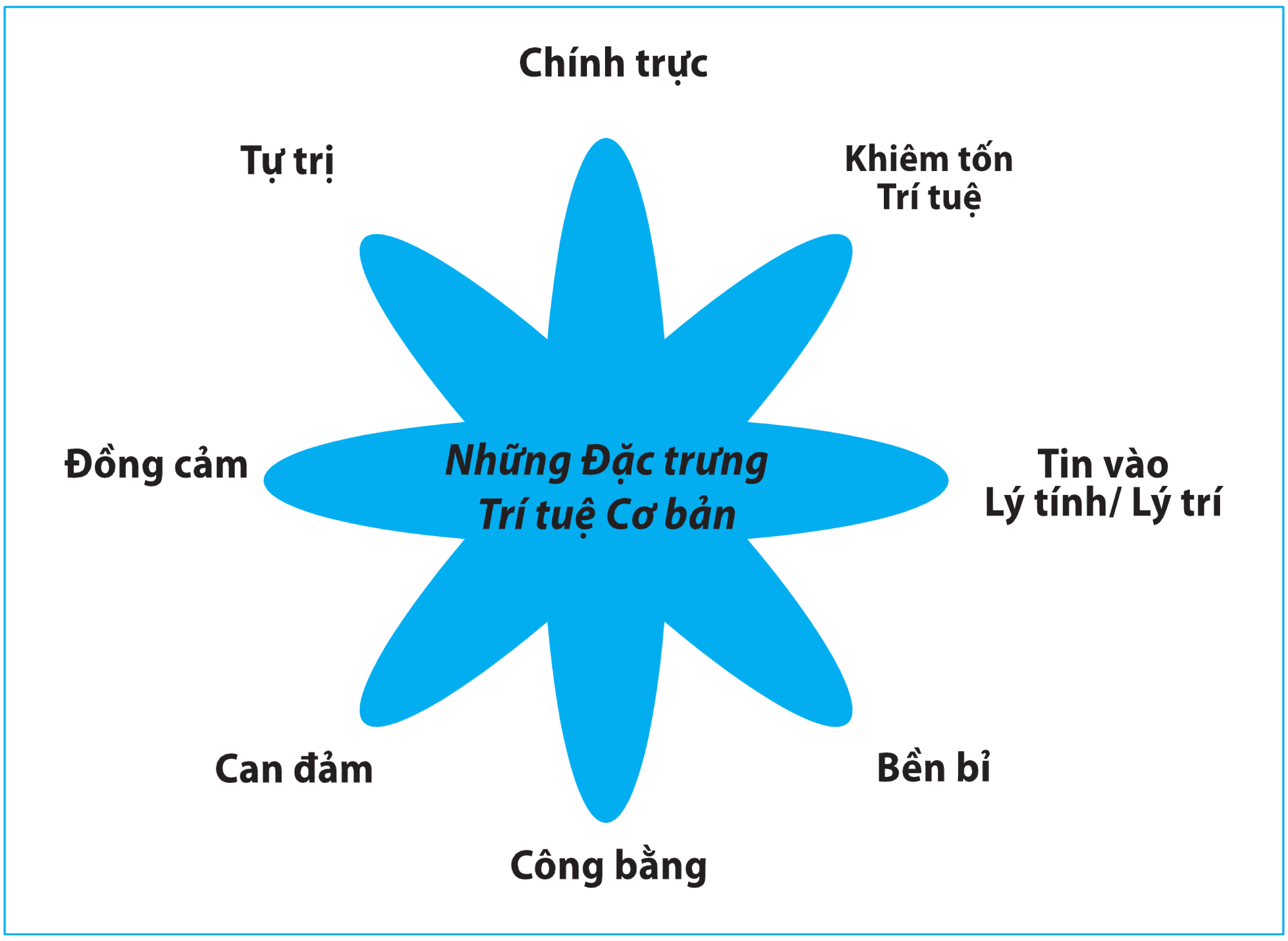
không? Hay tác giả sử dụng những giả định khả nghi mà không bàn đến những vấn đề cố hữu trong những giả định ấy?

6. Nhận diện những **Suy luận** hay những kết luận quan trọng nhất trong bài viết: Những suy luận và những kết luận do sử gia đưa ra có nảy sinh một cách rõ ràng từ những thông tin có liên quan đến vấn đề không, hay sử gia nhảy thẳng đến những kết luận chưa được biện minh? Sử gia có xem xét những kết luận thay thế khác khi vấn đề trở nên phức hợp không? Hay nói khác đi, sử gia có sử dụng một đường hướng lập luận vững chắc để đi đến những kết luận logic không hay bạn có thể nhận ra những lỗi sai ở đâu đó trong lập luận?
7. Nhận diện **Góc nhìn** của sử gia: Sử gia có rõ ràng về triết học lịch sử của riêng mình? Sử gia có tỏ ra nhạy cảm trước những góc nhìn hay hướng lập luận có liên quan khác không? Sử gia có xem xét và phản ứng trước những phản bác do những góc nhìn có liên quan khác định ra không?
8. Nhận diện những **Hàm ý**: Sử gia có tỏ ra nhạy cảm trước những hàm ý và những hệ quả của lập trường của mình không?

Lưu ý: Bạn có thể và phải đánh giá tư duy lịch sử bằng cách áp dụng các chuẩn trí tuệ vào những yếu tố của tư duy lịch sử.

Những Đặc trưng Trí tuệ Cốt yếu đối với Tư duy Lịch sử

Các đặc trưng hay đức hạnh trí tuệ chỉ đến tính cách của một người, đến lối tiếp cận chung của họ vào tư duy; chúng phản ánh các thái độ, các giá trị và niềm tin cá nhân về tư duy và chứa đựng cách nhà tư duy có kỷ luật tiếp cận công việc, các mối quan hệ và các vấn đề của mình. Tư duy phản biện được đạt đến trọn vẹn khi trí tuệ được giải phóng khỏi các quan niệm lấy cái Tôi làm trung tâm, lấy xã hội làm trung tâm, lấy tộc người làm trung tâm và các quan niệm thiển cận. Những hiện tượng nảy sinh một cách tự nhiên ấy đại diện cho những rào cản lớn cho sự phát triển các đức hạnh trí tuệ. Paul và Elder (2006)[1] đã nhận diện 8 đặc trưng trí tuệ đại diện cho những tâm thế cốt yếu đối với việc vun bồi tư duy phản biện công bằng, như sau:



1. Paul, R & Elder, L. (2006). *Critical thinking: Tools for taking charge of your learning and your life*. Upper Saddle River, NJ: Pearson Prentice Hall.

Sử gia đánh giá cao những đức hạnh hay đặc trưng này vì hai lý do riêng biệt. Một là, xét như một học giả, sử gia chịu trách nhiệm tạo ra các chuyện kể có cơ sở về quá khứ và cải tiến các phương pháp nghiên cứu lịch sử, và cả hai điều này đều cần những đức hạnh trí tuệ. Hai là, xét như một giảng viên, sử gia buộc phải tổ chức cách hiểu cho học viên về lịch sử và phải phát triển nơi học viên những kỹ năng hàn lâm cần có để nghiên cứu lịch sử, cả hai điều này cũng đòi hỏi phải thúc đẩy những đặc trưng hay đức hạnh trí tuệ.

Sử gia không thể tuyên bố mình hoàn toàn trung lập trong các chuyện kể của mình về quá khứ. Các sự kiện của những kỷ nguyên trước chứa đựng những câu chuyện thường khơi dậy sự cảm thông và đam mê. Lẽ tự nhiên là các sử gia sẽ cảm thấy nổi giận trước cảnh ngộ của người bị ghét bỏ và người bị áp bức, hoặc cảm thấy phấn khởi trước những thành tựu của khoa học và kỹ thuật; song, sử gia buộc phải tạo ra các chuyện kể công bằng, đúng đắn, hợp logic và bao quát. Sử gia phải khảo sát cách họ nhìn quá khứ, việc những giá trị và thái độ của họ tác động đến thế giới quan của họ như thế nào, thậm chí những sự thiên lệch và những lỗ hổng có thể ảnh hưởng thế nào đến chất lượng công trình của họ. Để cảnh giác trước sự ngạo mạn trí tuệ, hẹp hòi trí tuệ, đạo đức giả trí tuệ, hèn nhát trí tuệ và những vấn đề nội tại khác trong lập luận sẽ nảy sinh từ tư tưởng ngây thơ lấy cái Tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm, sử gia phải vun bồi những đặc trưng trí tuệ bên trong tâm trí của mình. Chúng ta hãy cùng xem xét một số đặc trưng hay đức hạnh trí tuệ này và cách chúng gắn kết với tư duy lịch sử:

Khiêm tốn Trí tuệ là nhận thức về sự vô tri của mình cũng như nhạy cảm trước những gì mình làm và mình

không biết. Đặc trưng này ngụ ý rằng phải có ý thức về sự thiên lệch, định kiến, những khuynh hướng tự huyễn hoặc bản thân và những giới hạn trong góc nhìn và kinh nghiệm của mình.

Khiêm tốn trí tuệ là đặc trưng mang tính bản chất đối với tư duy lịch sử chất lượng cao. Các sử gia thường không mắt thấy tai nghe được các sự kiện họ tường thuật, và vì thế họ phải thừa nhận những ranh giới của những gì họ không thể suy luận ra một cách hợp lý vì thiếu thông tin trực tiếp. Năng lực của sử gia trong việc trình bày đúng quá khứ còn bị giới hạn bởi sự thật là họ không thể hoàn toàn bước vào tâm trí của người khác để phân biệt các động cơ và thái độ đã tạo nên các quyết định và hành động của con người. Hơn nữa, lịch sử không phải là một khoa học; nó đòi hỏi phải có khá nhiều diễn giải. Sử gia có khiêm tốn trí tuệ sẽ thừa nhận rằng chứng cứ tốt hơn có thể vẫn ở phía trước, hoặc rằng bản thân người kể chuyện có thể sẽ thay đổi câu chuyện của họ.

Những câu hỏi nuôi dưỡng sự khiêm tốn trí tuệ trong nghiên cứu lịch sử và viết sử gồm:

1. Tôi thực sự biết gì về chủ đề lịch sử mình đang nghiên cứu, đang viết?
2. Trong chừng mực nào tôi sẵn lòng tư vấn các chuyên gia về chủ đề này; trong chừng mực nào tôi sẵn lòng đọc các công trình của các học giả có đầu óc khoáng đạt?
3. Tôi có sẵn lòng tìm kiếm sự phê phán, phản biện của người khác cho các trước tác lịch sử của mình không?
4. Những định kiến, thái độ và kinh nghiệm của tôi sẽ tác động đến tư duy lịch sử của tôi đến mức nào?

5. Trong chừng mực nào những niềm tin tôi đã chấp nhận một cách không phê phán, phản biện khiến tôi không nhìn thấy được những sự kiện lịch sử theo một cách không thiên lệch?
6. Tôi có rộng mở để nhìn các sự kiện lịch sử này theo một cách mới mẻ, hợp lý hơn không?
7. Tôi có ý thức được những giả định mình đưa ra cho một thời đại, sự kiện, nhóm hay nhân vật nào đó không? Tôi đã thẩm định tính xác thực của những giả định đó chưa?

Can đảm Trí tuệ là tâm thế dám tra vấn những niềm tin về điều bạn cực kỳ tin tưởng. Nó bao gồm việc đặt vấn đề về những niềm tin của văn hóa và bất kỳ tiểu văn hóa (subculture) nào mà bạn thuộc về, và một sự sẵn lòng trình bày các quan điểm của mình kể cả khi chúng không được công chúng ưa chuộng.

Con đường đi đến chân lý có thể dẫn các sử gia đến chỗ vén mở những điều không dễ chịu gì về cách hành xử về mặt quốc gia, định chế hay con người. Sử gia phải vững tin rằng một mô tả chân thật về quá khứ (khi được đưa ra một cách nghiêm túc) có thể giúp người ta đánh giá đúng những tính phức hợp nằm bên trong những vấn đề đương đại quan trọng nhất và ý nghĩa của chúng. Vì thế, can đảm trí tuệ thôi thúc sử gia đưa ra những khẳng định và đặt ra những câu hỏi có thể sẽ không được ưa chuộng, nhưng không kém phần quan trọng và liên quan. Có can đảm trí tuệ còn có nghĩa là sử gia sẵn lòng công khai thừa nhận sai lầm khi phạm phải, và hi vọng rằng những nghiên cứu được định hướng lại và những nghiên cứu mới sẽ cải thiện sự đúng đắn, sự công bằng và tính đáng tin cậy của công trình.

Những câu hỏi nuôi dưỡng lòng can đảm trí tuệ gồm:

> **Sử gia hiểu rằng các ký ức mang tính định chế thường được đưa ra làm trụ chống đỡ công khai cho các định chế và cho quốc gia có những định chế ấy (chứ không phải trình bày sự việc như trên thực tế).**

1. Tôi ý thức được những hàm ý của góc nhìn của tôi và ý nghĩa của những vấn đề tôi đang đề cập đến mức nào?
2. Trong chừng mực nào góc nhìn của tôi chống lại những góc nhìn khác, và trong chừng mực nào tôi sẵn sàng duy trì cuộc đối thoại mở?
3. Tôi sẵn lòng đi theo những niềm tin hợp lý mà người khác cho là vô lý đến mức độ nào?
4. Tôi có can đảm từ bỏ những niềm tin của mình khi có đủ chứng cứ chống lại chúng không?
5. Tôi sẵn lòng đứng lên chống lại đám đông (cho dù có bị cười nhạo) đến mức độ nào?

Cảm thông Trí tuệ là việc có ý thức về sự cần thiết phải chủ động xem xét những quan điểm khác với mình, nhất là những người bạn rất bất đồng. Đặc trưng này đòi hỏi phải tái tạo đúng đắn những điểm nhìn và lập luận của đối thủ, cũng như những lập luận từ những tiền đề, giả định và ý niệm của người khác hơn là của chính mình. Đặc trưng này cũng liên quan đến việc sẵn sàng nhớ lại những lần ta đã sai trong quá khứ, cho dù ta luôn có lòng tin chắc chắn rằng ta đúng, và có liên quan đến năng lực hình dung mình có thể bị lừa giống như lúc trước ngay trong trường hợp hiện nay.

Có thể các sử gia dễ bị cám dỗ đánh giá những quan điểm về quá khứ bằng cách sử dụng các chuẩn của thời hiện tại. Sự cảm thông trí tuệ đòi hỏi phải kiềm hãm đưa ra đánh giá về quá khứ dựa theo các phong tục, qui ước và cấm kỵ xã hội của thời hiện tại. Hơn nữa, cảm thông trí tuệ thúc giục sử gia phải trình bày công bằng quá khứ bằng cách mang lại cho độc giả một sự hiểu toàn diện về bối cảnh diễn ra các sự kiện. Sử gia hi vọng sẽ vun bồi nơi người khác lòng cảm thông trí tuệ bằng cách mời gọi họ xem xét sâu hơn sự tác động về mặt đạo đức, xã hội, chính trị, môi trường và kinh tế của hoạt động con người trong một bối cảnh nhất định. Sử gia hiểu rằng các ký ức mang tính định chế thường được đưa ra làm trụ chống đỡ công khai cho các định chế và cho quốc gia có những định chế ấy (chứ không phải trình bày sự việc như trên thực tế). Vì thế, sử gia sẽ quan tâm đến những người không được đối xử tốt bởi những lợi ích vị kỷ của những kẻ nắm quyền.

Những câu hỏi nuôi dưỡng lòng cảm thông trí tuệ gồm:

1. Trong các trước tác lịch sử của mình, tôi trình bày đúng đắn những góc nhìn mà tôi không đồng ý đến mức độ nào?
2. Tôi có thể nhìn thấy những nhận thức sâu sắc trong các quan điểm của những người tôi không đồng ý và những định kiến nơi những người tôi nhất trí không?
3. Tôi có cảm thông với những tình cảm của những người mà tôi đang viết về, dù họ có quan điểm khác tôi không?
4. Tôi hiểu được bối cảnh lịch sử của những nhân vật chủ đề trong nghiên cứu và bài viết của mình đến mức độ nào?

5. Công trình của tôi trình bày trung thành những quan tâm, giá trị, niềm tin và thái độ của những nhân vật chủ đề trong nghiên cứu và bài viết của tôi đến mức độ nào?

Tự trị Trí tuệ là tự mình tư duy trong khi vẫn tuân thủ các chuẩn của lý tính. Nghĩa là, tư duy xuyên suốt các vấn đề bằng tư tưởng có kỹ năng, có kỷ luật chứ không chấp nhận các quan điểm, ý kiến và phán đoán của người khác một cách không phê phán, không phản biện. Đặc trưng này đòi hỏi một cam kết sẽ phân tích và đánh giá các niềm tin dựa trên cơ sở của lý trí và bằng chứng, cam kết tra vấn khi thấy hợp lý phải đặt ra câu hỏi, cam kết tin tưởng khi thấy hợp lý để tin, và cam kết tuân theo khi thấy hợp lý phải tuân theo.

Sử gia có kỹ năng sẽ để tâm đến quan điểm của nhóm chuyên gia cần có để tạo ra những chuyện kể đúng đắn, công bằng và toàn diện; song họ cũng nhận ra rằng giới học giả trong bộ môn lịch sử phụ thuộc nhiều vào tư duy tự trị thường sẽ dẫn đến những nhận thức sâu sắc mới mẻ và quan trọng về quá khứ. Các sử gia buộc phải tự mình xem xét cẩn trọng các nguồn thông tin sơ cấp và chứng cứ, và phải tán thành những quan điểm và khẳng định dựa trên những giá trị và cơ sở vững chắc của bằng chứng - chứ không phải dựa trên tính phổ biến. Sử gia mù quáng tuân theo những thái độ và công luận đang thịnh hành về quá khứ sẽ có nguy cơ gia cố thêm cho những phát biểu sai lầm và những niềm tin sai hướng về các định chế, các nhóm và các cá nhân.

Những câu hỏi nuôi dưỡng sự tự trị trí tuệ trong tư duy lịch sử gồm:

1. Tôi có xu hướng mù quáng tuân theo các quan điểm lịch sử truyền thống đến mức độ nào?

2. Tôi đã nghiên cứu các nguồn thông tin sơ cấp về một vấn đề nào đó chứ không chỉ phụ thuộc vào việc đọc của người khác để tạo ra cách hiểu của mình về chủ đề đó đến mức độ nào?
3. Tôi ý thức được những diễn giải đang thịnh hành về quá khứ và những điều đã tạo nên tính phổ biến cho chúng đến mức độ nào?

Khi sử gia cân chỉnh văn bản của mình cho phù hợp với một nghị trình chính trị hay xã hội đặc thù, các chuyện kể lịch sử của họ có thể dễ dàng trở thành những bài tuyên truyền; lúc đó họ không có sự chính trực trí tuệ.

4. Tôi ý thức được những gì tạo nên sự bất đồng hợp lý trong lĩnh vực này và những gì đã thúc đẩy các đồng sự của tôi không tin vào những quan điểm bất đồng đó, đến mức độ nào?
5. Khi tư duy về một vấn đề lịch sử dựa trên góc nhìn lý trí, tôi có sẵn lòng đứng một mình mặc cho những phê phán phi lý từ các sử gia khác?

Chính trực Trí tuệ cốt yếu ở việc giữ mình tuân theo cùng các chuẩn trí tuệ mà bạn mong đợi người khác tôn trọng (không có các chuẩn nước đôi nào cả).

Sự nhất quán của tư tưởng và việc tuân thủ trung thành với các chuẩn trí tuệ là phù hợp với công trình học thuật của sử gia. Các sử gia có sự chính trực trí tuệ sẽ chân thật về các giả định và các thiên lệch của mình; họ sẽ nỗ lực đạt đến sự ý thức về những sự không nhất quán, những sai sót, và những giới hạn trong các nghiên cứu và cách hiểu của mình. Sử gia học giả sẽ biết rằng quá khứ có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau và vì thế phải tận tâm tỉ mỉ khai

phá những ý kiến đáng tin, cạnh tranh nhau để tạo nên một chuyện kể lịch sử càng hoàn thiện và càng chân thật càng tốt. Có nhiều lúc, các sử gia buộc phải viết các chuyện kể hoàn toàn phù hợp với các ý hệ của một văn hóa, dù những chuyện kể như thế không thể tuân thủ các chuẩn trí tuệ (mà thay vào đó là để nhồi sọ độc giả lòng trung thành và "sự tôn kính" vô điều kiện cho quốc gia mình). Khi sử gia cân chỉnh văn bản của mình cho phù hợp với một nghị trình chính trị hay xã hội đặc thù, các chuyện kể lịch sử của họ có thể dễ dàng trở thành những bài tuyên truyền; lúc đó họ không có sự chính trực trí tuệ.

Những câu hỏi nuôi dưỡng sự chính trực trí tuệ gồm:

1. Trong công trình của tôi có những mâu thuẫn hay những sự không nhất quán đến mức độ nào?
2. Công trình của tôi phản ánh sự nhất quán trong cách trình bày các sự kiện, chứng cứ và thông tin hỗ trợ cho các khẳng định đến mức độ nào?
3. Công trình của tôi vén mở những mâu thuẫn và những sự không nhất quán quan trọng nằm trong các mô tả lịch sử tốt ra sao, và tôi đã giải thích các mâu thuẫn và những sự không nhất quán đó hiệu quả như thế nào?
4. Trên những phương diện nào thì công trình của tôi trình bày một quan điểm có sự tích hợp cao về quá khứ trong đó những tính phức hợp của các vấn đề lịch sử đều được minh họa hiệu quả?
5. Tôi đã nỗ lực giảm thiểu sự ảnh hưởng của sự tự huyễn hoặc bản thân mình trong công trình của tôi đến mức độ nào?

Bền bỉ Trí tuệ là tâm thế hoạt động vạch đường đi cho mình xuyên qua những tính phức hợp trí tuệ bất chấp

những thất vọng, chán nản vốn có nơi công việc. Đặc trưng này bao gồm việc có ý thức về sự cần thiết phải tranh đấu với sự rối rắm và những câu hỏi không thể giải quyết trong một thời gian dài nhằm đạt được hiểu biết hay nhận thức sâu hơn.

Sử gia thường làm công việc kiến tạo các chuyện kể và các diễn giải về quá khứ đều phải sử dụng các nguồn thông tin khan hiếm. Thêm vào đó, sử gia thừa nhận rằng các nguồn thông tin thường chứa đựng các lợi ích vị kỷ khi trình bày các nguyên nhân hay kinh nghiệm của họ theo cách có lợi hay trình bày người khác theo cách không hay. Đôi khi, chứng cứ đã bị mai một theo thời gian hay bị cố ý phá hỏng, khiến sử gia phải tiếp cận sự thật từ những con đường thay thế khác. Sử gia cũng biết rằng họ có thể đọc hàng tấn sách về một chủ đề riêng lẻ mà vẫn không có được tất cả sự thật. Sử gia bền bỉ trí tuệ luôn duy trì một mối quan tâm mạnh để học hỏi thêm, bất chấp những trở ngại không thể tránh được trong việc tiếp cận thông tin. Một sử gia như thế cũng hiểu được rằng ý nghĩa và nghĩa của các sự kiện thường không xuất hiện ra cho đến khi đã trải qua nhiều thế hệ, và vì thế phải bền bỉ xét lại công trình của mình trong ánh sáng của những thông tin mới có.

Những câu hỏi nuôi dưỡng sự bền bỉ trí tuệ gồm:

1. Tôi có đủ kiên nhẫn lội qua khối thông tin dày dặc về một chủ đề nhất định không?
2. Tôi có kháng cự được cám dỗ muốn đưa ra các ý kiến và kết luận trước khi cẩn thận khảo sát hết mọi bằng chứng không?
3. Tôi đã phát triển một lối tiếp cận có hệ thống để xâm nhập và khảo sát các thông tin vốn khó lấy được và khó lĩnh hội đến mức độ nào?

4. Tôi có thể xét lại công trình của chính mình và bền bỉ tìm ra những chỗ mà các sự kiện và thông tin xa hơn vẫn có thể đưa ra một chuyện kể đúng đắn hơn hay hợp logic hơn không?
5. Tôi có sẵn lòng làm việc xuyên qua những tính phức hợp trong các vấn đề lịch sử hay tôi có xu hướng sẽ bỏ cuộc khi gặp khó khăn, thách thức?

Tin vào Lý tính/Lý trí là dựa trên niềm tin rằng về lâu dài, những lợi ích cao hơn của riêng ta và những lợi ích cao hơn của cả nhân loại sẽ có được một cách tốt nhất bằng cách trao cho lý tính quyền tự do cao nhất. Nghĩa là sử dụng các chuẩn của lý tính như những tiêu chí nền tảng qua đó phán đoán hoặc chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ mệnh đề hay lập trường nào đó. Đặc trưng này đòi hỏi niềm tin rằng, với sự khuyến khích và vun bồi đúng mức, người ta có thể học được cách tự mình tư duy, tự hình thành những điểm nhìn thuần lý, rút ra những kết luận hợp lý, tư duy một cách nhất quán và logic, thuyết phục người khác bằng lý tính và trở thành những người có lý trí, bất chấp những trở ngại thâm căn cố đế trong tính chất bẩm sinh của tinh thần con người và trong xã hội như ta đã biết (tức tư tưởng lấy cái Tôi làm trung tâm và lấy xã hội làm trung tâm).

Các sử gia có thể nhiều lúc bị cám dỗ muốn bóp méo sự thật cho đúng với ý mình. Khi chuyện này xảy ra, những sử gia như thế có lẽ sẽ hàm ý rằng người đọc không thể biết cách sử dụng phán đoán có lý tính của mình trong tư duy qua các vấn đề lịch sử. Hơn nữa, điểm nhìn trong lập luận của sử gia có lẽ đã che mờ phán đoán của họ. Điều thiết yếu đối với các sử gia là phải tin tưởng vào lý tính, trao cho lý tính quyền tự do cao nhất trong các chuyện kể và sách của mình. Các sử gia phải khuyến khích người ta tự mình lập luận về các vấn đề lịch sử, tư duy về những tính phức hợp

trong các vấn đề lịch sử và tự mình quyết định cách ý nghĩa nhất để đặc trưng hóa các sự kiện của quá khứ.

Những câu hỏi nuôi dưỡng niềm tin vào lý tính gồm:

Điều thiết yếu đối với các sử gia là phải tin tưởng vào lý tính, trao cho lý tính quyền tự do cao nhất trong các chuyện kể và sách của mình.

1. Tôi đã làm sáng tỏ đủ cho mình về lý do căn bản để theo đuổi một đường hướng tư duy và liệu tôi đã có bằng chứng thuyết phục cho các phát biểu của mình chưa?
2. Tôi có bám vào bằng chứng và các khẳng định logic khi thuyết phục người khác lập trường của mình, hay tôi bóp méo vấn đề để ủng hộ lập trường của mình?
3. Tôi có khuyến khích người khác tự mình đưa ra những kết luận lịch sử, hay tôi đang cố thúc ép người ta đồng ý với mình?
4. Trong việc bất đồng về lý tính, tôi tôn trọng các quyền của người khác đến mức độ nào?

Tinh thần Công bằng đòi hỏi phải có ý thức về sự cần thiết phải đối xử bình đẳng như nhau đối với mọi góc nhìn, mà không viện đến những tình cảm hay lợi ích cá nhân của mình, hay những tình cảm hay lợi ích cá nhân của bạn bè, cộng đồng hay quốc gia mình. Nghĩa là phải tuân thủ những chuẩn mực trí tuệ mà không viện đến lợi thế riêng của mình hay nhóm của mình.

Sử gia công bằng sẽ tôn trọng tính đa dạng của các góc nhìn hợp lý, quan tâm để mọi người góp phần vào việc kể chuyện về quá khứ, và phạm vi của các diễn giải logic. Sử gia

công bằng hiểu các góc nhìn của các trường phái tư tưởng khác nhau. Sử gia công bằng biết chăm chú vào những tiếng nói đã được trình bày tốt trong truyền thống về quá khứ, trong khi vẫn tìm kiếm những tiếng nói của những người chưa được trình bày trong chuyện kể để làm hiện ra bức tranh toàn diện nhất về quá khứ. Sử gia công bằng cũng hiểu rằng việc lựa chọn câu từ để sử dụng trong một chuyện kể có thể truyền tải các giá trị, và vì thế phải thật cẩn thận để trình bày các chuyện kể một cách khách quan.

Những câu hỏi nuôi dưỡng sự công bằng trí tuệ gồm:

1. Tôi có thành thật xem xét mọi góc nhìn có liên quan đến vấn đề lịch sử này không?
2. Tôi có thành thật về những thiên lệch của chính mình khi xử lý chuyện kể lịch sử này không?
3. Tôi có thành thật về những thiên lệch của mình về bản tính của nền văn minh con người và hoàn cảnh con người không?
4. Tôi có thành thật về những thiên lệch của mình khi nói đến các qui tắc, phong tục và cấm kỵ xã hội vốn có thể tác động đến cách tôi xử lý những vấn đề lịch sử đặc thù không?
5. Tôi đã xác định đầy đủ các triết học lịch sử của riêng mình để có thể sẵn lòng nhìn ra những nơi các niềm tin của tôi có vẻ sẽ ảnh hưởng đến nghiên cứu và việc viết sử của tôi không?

Sử gia công bằng biết chăm chú vào những tiếng nói đã được trình bày tốt trong truyền thống về quá khứ, trong khi vẫn tìm kiếm những tiếng nói của những người chưa được trình bày trong chuyện kể để làm hiện ra bức tranh toàn diện nhất về quá khứ.

6. Tôi có ý thức về cách tôi kiến tạo quá khứ có thể sẽ mang lại lợi ích hay tổn hại đến người khác đến mức độ nào?

Các khái niệm và nguyên tắc nằm mặc nhiên trong tư duy phản biện công bằng - tức các yếu tố của lập luận, các chuẩn trí tuệ và các đặc trưng trí tuệ, được hiểu trong quan hệ với nhau - sẽ giúp bạn tư duy một cách lịch sử theo nghĩa cao nhất của thuật ngữ này, nếu xem xét một cách nghiêm túc. Nói khác đi, các nhà tư duy lịch sử quan tâm đến tư duy phản biện công bằng sẽ thường xuyên áp dụng các chuẩn trí tuệ vào các yếu tố của tư tưởng khi họ tìm cách phát triển các đặc trưng trí tuệ.

PHẦN III.
Nuôi dưỡng Tư duy Lịch sử: Những Hàm ý cho việc Dạy và Học

Vì chúng tôi đã giới thiệu một số cách hiểu lý thuyết quan trọng trong lịch sử cũng như mối quan hệ giữa tư duy phản biện và lịch sử, chúng tôi sẽ chuyển sang một số hàm ý quan trọng cho việc dạy và học(1).

Các Hồ sơ Cấp độ cho Bộ môn Lịch sử

Các hồ sơ cấp độ này phải được đưa ra cho các học viên ngay lúc bắt đầu học kỳ trong suốt giai đoạn giới thiệu bộ môn, để học viên biết chính xác họ được mong đợi điều gì(2). Mọi hoạt động và thảo luận trong lớp lịch sử phải dẫn đến việc học viên trở nên thành thạo hơn về tư duy lịch sử, và vì thế đến gần hơn bao giờ hết với hồ sơ "cấp độ A" trong công việc của mình. Khi các giảng viên minh nhiên khuyến khích tư duy lịch sử trong bộ môn lịch sử, thông qua việc hiểu và áp dụng thường xuyên các yếu tố của tư tưởng và các chuẩn trí tuệ, học viên sẽ trở nên thành thạo hơn về tư duy lịch sử. Và họ sẽ phát triển những công cụ trí tuệ rõ ràng vốn sẽ giúp họ lập luận tốt hơn trong các lớp học khác cũng như trong những lĩnh vực tư tưởng khác.

---

1. Để biết thêm về những chiến lược giảng dạy tư duy phản biện nói chung, xin xem *The Thinker's Guide to How to improve Student Learning* của Richard Paul và Linda Elder, 2010, Dillon Beach, CA: Foundation for Critical Thinking Press.
2. Các hồ sơ cấp độ này cũng có trong *The Student Guide to Historical Thinking* Linda Elder, Meg Gorzycki và Richard Paul, 2011, Tomales, CA: Foundation for Critical Thinking Press.

Mỗi cấp độ đại diện cho điều gì?

Cấp A

(*Bản chất của công trình cấp A: xuất sắc toàn diện, không có điểm yếu lớn nào*). Một công trình cấp A ngụ ý đến sự xuất sắc trong tư duy lịch sử và sự thể hiện xuất sắc trong khóa học lịch sử. Nó cũng ngụ ý đến sự phát triển một dãy kiến thức lịch sử đã sở đắc được bằng tư duy phản biện. Vào cuối khóa học, công trình cấp A, xét toàn bộ, là rõ ràng, chính xác và lập luận tốt. Trong công trình cấp A, các thuật ngữ lịch sử và những sự phân biệt được sử dụng một cách hiệu quả. Công trình sẽ thể hiện một tinh thần bắt đầu biết chịu trách nhiệm cho những ý tưởng, giả định, suy luận và các qui trình trí tuệ của riêng mình. Học viên cấp A thường phân tích rõ ràng và chính xác các vấn đề lịch sử, thường nhận diện chính xác các thông tin lịch sử, thường phân biệt được những gì có liên quan với những gì không liên quan, và thường nhận ra những giả định lịch sử then chốt đáng phải đặt vấn đề. Học viên thường làm sáng tỏ các khái niệm lịch sử then chốt, thường sử dụng ngôn ngữ phù hợp với cách sử dụng có kiến thức, và thường nhận ra các góc nhìn cạnh tranh có liên quan trong lịch sử. Học viên sẽ có khuynh hướng chung là lập luận cẩn thận từ các tiền đề đã được phát biểu rõ ràng, cũng như có cảm quan nhạy cảm đối với những hàm ý và hệ luận lịch sử quan trọng. Học viên cấp A cũng cho thấy có một sự hiểu đúng đắn về sử ký và các trường phái tư tưởng lịch sử đa dạng. Học viên cấp A nhất quán và thành thạo trong việc nối kết các nguyên nhân với các kết quả bằng cách sử dụng đúng chứng cứ và bình luận có liên quan. Học viên này sẽ dễ dàng tìm ra những biến số thuộc về bối cảnh đã tác động đến những sự kiện quá khứ và dễ dàng nhận ra các xu hướng, khuôn mẫu và các ngoại lệ

trong kinh nghiệm con người. Công trình cấp A thể hiện lập luận và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách xuất sắc. Công trình của học viên cấp A sẽ nhất quán với sự xuất sắc trí tuệ ở cấp độ cao.

Cấp B

(*Bản chất của công trình cấp B là việc nó thể hiện nhiều điểm mạnh hơn điểm yếu và việc trình bày nhất quán hơn ở trình độ cao hơn công trình cấp C. Tuy nhiên, nó vẫn có một số điểm yếu riêng, dù không phải là những điểm yếu lớn*). Cấp B ngụ ý đến tư duy lịch sử và sự trình bày có cơ sở vững chắc trong khóa học lịch sử. Nó cũng ngụ ý đến sự phát triển một dãy kiến thức lịch sử đã sở đắc được bằng tư duy phản biện, dù dãy này không cao bằng dãy kiến thức ở công trình cấp A. Vào cuối khóa học, công trình cấp B, xét toàn bộ, là rõ ràng, chính xác và lập luận tốt, dù có đôi chỗ vẫn còn lập luận yếu. Xét toàn bộ, các thuật ngữ và các phân biệt lịch sử được sử dụng hiệu quả. Công trình cho thấy một tinh thần bắt đầu chịu trách nhiệm cho những ý tưởng, giả định, suy luận và các qui trình trí tuệ của riêng mình. Học viên cấp B thường phân tích rõ ràng và chính xác các vấn đề lịch sử, thường nhận diện chính xác các thông tin lịch sử, thường phân biệt được những gì có liên quan với những gì không liên quan, và thường nhận ra những giả định lịch sử then chốt đáng phải đặt vấn đề. Học viên thường làm sáng tỏ các khái niệm lịch sử then chốt, thường sử dụng ngôn ngữ phù hợp với cách sử dụng có kiến thức. Học viên thường xuyên nhận ra các góc nhìn cạnh tranh có liên quan trong lịch sử và có khuynh hướng chung là lập luận cẩn thận từ các tiền đề đã được phát biểu rõ ràng, cũng như có cảm quan nhạy cảm đối với những hàm ý và hệ luận lịch sử quan trọng. Học viên cấp B hiểu về sử ký nhưng có đôi lúc không nhất quán

trong khả năng nhận diện các góc nhìn của các trường phái tư tưởng lịch sử đa dạng. Dù vậy, học viên cũng nắm chắc được vai trò của bối cảnh trong việc phân tích lịch sử, đôi lúc họ sẽ bỏ sót những mối quan hệ nhân quả, các xu hướng, khuôn mẫu và các ngoại lệ trong kinh nghiệm con người. Công trình cấp B thể hiện lập luận và kỹ năng giải quyết vấn đề ở mức độ tốt.

Cấp C

(*Bản chất của công trình cấp C là việc nó thể hiện kỹ năng ở mức độ nhiều hơn mức tối thiểu, song lại rất không nhất quán, và có nhiều điểm yếu cũng như điểm mạnh*). Cấp độ C ngụ ý đến tư duy lịch sử và sự trình bày bị pha trộn trong khóa học lịch sử. Nó cũng ngụ ý đến sự phát triển nào đó về kiến thức lịch sử sở đắc được bằng tư duy phản biện. Vào cuối khóa học, công trình cấp C thể hiện có một số kỹ năng tư duy lịch sử. Dù một số bài tập lịch sử được làm tốt, song số khác lại không tốt, hay cùng lắm là ở mức trung bình. Có nhiều lỗ hổng trong lập luận lịch sử. Dù các thuật ngữ và các phân biệt lịch sử đôi chỗ được sử dụng hiệu quả, song vẫn có một số nơi không được sử dụng hiệu quả. Chỉ duy nhất một chỗ mà công trình cấp C cho thấy một tinh thần bắt đầu chịu trách nhiệm cho những ý tưởng, giả định, suy luận và các qui trình trí tuệ của riêng mình. Chỉ thỉnh thoảng công trình cấp C mới cho thấy có kỷ luật và sự rõ ràng trí tuệ. Học viên cấp C chỉ thỉnh thoảng mới phân tích rõ ràng và chính xác các vấn đề lịch sử, thường nhận diện chính xác các thông tin lịch sử, phân biệt được những gì có liên quan với những gì không liên quan, và nhận ra những giả định lịch sử then chốt đáng phải đặt vấn đề. Học viên chỉ đôi chỗ làm sáng tỏ các khái niệm lịch sử then chốt hoặc sử dụng ngôn ngữ

phù hợp với cách sử dụng có kiến thức. Học viên chỉ thỉnh thoảng mới nhận ra các góc nhìn cạnh tranh có liên quan trong lịch sử, mới lập luận cẩn thận từ các tiền đề đã được phát biểu rõ ràng, hoặc nhận ra được những hàm ý và hệ luận lịch sử quan trọng. Đôi lúc, học viên cấp C có vẻ chỉ làm cho xong bài tập được giao, chỉ đưa ra hình thức chứ không nắm được tinh thần của tư duy lịch sử. Học viên cấp C có thể nhận ra các yếu tố của sử ký nhưng không biết cách áp dụng và khó tìm ra các trường phái tư tưởng lịch sử được bao hàm trong các chuyện kể. Học viên này có thể thấy được các quan hệ nhân quả hiện rõ bên ngoài, song lại không nắm được những mối quan hệ tinh tế cũng như chuyển khái niệm này từ nghiên cứu thời đại này sang thời đại khác. Các khuôn mẫu, xu hướng và các ngoại lệ không thực sự hiển hiện trong cách đọc của học viên cấp C và vì thế lịch sử vẫn được khái niệm hóa như một bảng niên đại các sự kiện. Xét toàn bộ, công trình cấp C thể hiện lập luận và kỹ năng giải quyết vấn đề chỉ ở mức độ khiêm tốn không nhất quán và đôi lúc còn yếu.

Cấp D

(*Bản chất của công trình cấp D là việc nó thể hiện sự hiểu và kỹ năng lịch sử ở mức độ tối thiểu*). Cấp độ D ngụ ý đến tư duy lịch sử và sự trình bày nghèo nàn trong khóa học lịch sử. Xét toàn bộ, học viên gắng học cho xong môn lịch sử bằng cách nhớ thuộc lòng, gắng đạt được kiến thức bằng cách nhớ chứ không bằng cách lĩnh hội và hiểu. Xét tổng thể, học viên không phát triển được các kỹ năng tư duy và kiến thức cần thiết để hiểu lịch sử. Hầu hết các bài tập được giao đều được làm không tốt. Có rất ít chứng cứ cho thấy học viên biết lập luận một cách phê phán qua các bài tập đó. Thường thì, học viên có vẻ chỉ làm cho xong bài tập, làm

một cách hình thức cho có chứ không nắm được tinh thần của nó. Công trình cấp C hiếm khi nào cho thấy có nỗ lực chịu trách nhiệm cho những ý tưởng, giả định, suy luận và các qui trình trí tuệ của riêng mình. Nhìn chung, tư duy cấp D thiếu kỷ luật và sự rõ ràng trí tuệ. Trong công trình cấp D, học viên hiếm khi phân tích rõ ràng và chính xác các vấn đề lịch sử, hầu như không bao giờ nhận diện chính xác các thông tin lịch sử, hiếm khi nào phân biệt được những gì có liên quan với những gì không liên quan, và cũng hiếm khi nhận ra những giả định lịch sử then chốt đáng phải đặt vấn đề. Học viên hầu như không bao giờ làm rõ các khái niệm lịch sử then chốt và thường xuyên không sử dụng ngôn ngữ phù hợp với cách sử dụng có kiến thức, cũng như hiếm khi nhận ra các góc nhìn cạnh tranh có liên quan trong lịch sử, hầu như không bao giờ lập luận cẩn thận từ các tiền đề đã được phát biểu rõ ràng, hoặc nhận ra được những hàm ý và hệ luận lịch sử quan trọng. Học viên cấp D không hiểu được khái niệm về sử ký hay các trường phái tư tưởng lịch sử. Học viên này có khuynh hướng xem các sự kiện như những phần bị cô lập vốn không có nghĩa gì trong hiện tại và không cần phân tích vì có vẻ như các sự kiện "tự nói ra hết rồi". Công trình cấp D không cho thấy có lập luận lịch sử và kỹ năng giải quyết vấn đề tốt mà thường xuyên thể hiện ở mức độ kém.

Cấp F

(*Bản chất của công trình cấp F là việc học viên thể hiện một khuôn mẫu tư duy thiếu kỹ năng và/hoặc không thực hiện được bài tập cần thiết của khóa học*). Học viên gắng học cho xong môn lịch sử bằng cách nhớ thuộc lòng, gắng đạt được kiến thức bằng cách nhớ chứ không bằng cách

lĩnh hội và hiểu. Học viên không phát triển được các kỹ năng tư duy và kiến thức cần thiết để hiểu nội dung khóa học. Học viên cấp F không thể tạo ra các bảng niên đại một cách đúng đắn, hay nhận điện đúng được các tài liệu và nhân vật then chốt có liên quan đến các vấn đề lịch sử. Sau đây là một số đặc trưng tiêu biểu trong công trình của học viên cấp F: Học viên không hiểu được bản chất cơ bản của việc tư duy lịch sử nghĩa là gì, và trong mọi trường hợp đều không thể hiện được các kỹ năng và năng lực tư duy cần thiết cho khóa học lịch sử. Vào cuối khóa học, công trình của học viên sẽ mơ hồ, không chính xác và thiếu lập luận giống hệt như chưa học. Hầu như không có bằng chứng nào cho thấy học viên thật sự học hay chịu trách nhiệm cho tư duy của mình. Nhiều bài tập được giao có vẻ chỉ được làm cho có - học viên chỉ làm cho xong chứ không thực sự cố gắng tư duy để làm bài. Kết quả là, học viên không phân tích rõ ràng được các vấn đề lịch sử, không nhận biết đúng các thông tin lịch sử, không phân biệt đúng những gì có liên quan với những gì không liên quan, và cũng không nhận ra những giả định lịch sử then chốt đáng phải đặt vấn đề. Học viên không làm rõ được các khái niệm lịch sử then chốt, không nhận ra các góc nhìn cạnh tranh có liên quan trong lịch sử, không lập luận cẩn thận từ các tiền đề đã được phát biểu rõ ràng, hoặc nhận ra được những hàm ý và hệ luận lịch sử quan trọng. Học viên cấp F không hiểu được sử ký và có khuynh hướng tin rằng trong khi lịch sử được diễn giải, thì các diễn giải đều chính đáng nhờ quyền tự do ngôn luận của cá nhân và bất chấp việc chúng có cơ sở trong tư duy phản biện hay không. Công trình cấp F không cho thấy có lập luận lịch sử và kỹ năng giải quyết vấn đề nổi bật nào cả.

Phân tích và Đánh giá Nghiên cứu Lịch sử

Học viên và giảng viên có thể sử dụng mẫu này để đánh giá chất lượng của bất kỳ dự án hay bài viết nghiên cứu nào. Học viên có thể dùng nó để đánh giá nghiên cứu của sử gia cũng như của chính mình. Giảng viên có thể sử dụng mẫu này để đánh giá nghiên cứu của bất kỳ sử gia nào, của chính họ hay của học viên.

1. Mọi nghiên cứu đều có một **MỤC ĐÍCH** và mục tiêu cơ bản.
    - Các mục đích và mục tiêu nghiên cứu phải được phát biểu rõ ràng.
    - Các mục đích phải được phân biệt một cách rõ ràng.
    - Mọi phần mục nghiên cứu phải phù hợp với mục đích.
    - Mọi mục đích nghiên cứu phải thực tế và có ý nghĩa.

2. Mọi nghiên cứu đều đề cập đến một **CÂU HỎI**, vấn đề nền tảng.
    - Câu hỏi cơ bản đang bàn đến phải được phát biểu một cách rõ ràng và chính xác.
    - Những câu hỏi liên quan phải được phát biểu và phân biệt.

- Mọi phần mục nghiên cứu phải phù hợp với câu hỏi trung tâm.
- Mọi câu hỏi nghiên cứu phải thực tế và có ý nghĩa.
- Mọi câu hỏi nghiên cứu phải xác định rõ ràng những nhiệm vụ trí tuệ mà nếu hoàn tất sẽ trả lời được cho các câu hỏi.

3. Mọi nghiên cứu đều xác định các dữ kiện, **THÔNG TIN** và bằng chứng phù hợp với câu hỏi và mục đích cơ bản của nó.
   - Mọi thông tin được sử dụng phải rõ ràng, chính xác và phù hợp với câu hỏi cơ bản đang được đặt ra.
   - Thông tin thu thập được phải đầy đủ để trả lời câu hỏi đang được đặt ra.
   - Thông tin trái với những kết luận chính của nghiên cứu phải được giải thích.

4. Mọi nghiên cứu đều chứa đựng các **SUY LUẬN** hay lý giải để từ đó rút ra được những kết luận.
   - Mọi kết luận phải rõ ràng, chính xác và phù hợp với câu hỏi then chốt đang được đặt ra.
   - Các kết luận được rút ra không được vượt ra khỏi những gì các dữ kiện mang lại.
   - Các kết luận phải nhất quán và giải quyết được những sự không thống nhất trong dữ kiện.
   - Các kết luận phải giải thích việc những câu hỏi then chốt đã được trả lời như thế nào.

5. Mọi nghiên cứu đều được tiến hành từ một **GÓC NHÌN** hay khung quy chiếu nào đó.
    - Mọi góc nhìn trong nghiên cứu phải được nhận diện.
    - Những phản bác từ các góc nhìn khác phải được nhận diện và trình bày một cách công bằng.

6. Mọi nghiên cứu đều dựa trên các **GIẢ ĐỊNH**.
    - Phải xác định và đánh giá rõ ràng các giả định chính trong nghiên cứu.
    - Phải giải thích việc các giả định ấy định hình góc nhìn nghiên cứu như thế nào.

7. Mọi nghiên cứu đều được trình bày và được định hình thông qua các **KHÁI NIỆM** và ý niệm.
    - Phải đánh giá rõ ràng các khái niệm then chốt trong nghiên cứu.
    - Phải đánh giá ý nghĩa của các khái niệm then chốt trong nghiên cứu.

8. Mọi nghiên cứu đều dẫn đến điều gì đó (tức có những **HÀM Ý** và các hệ luận).
    - Phải vạch ra những hàm ý và hệ luận nảy sinh từ nghiên cứu.
    - Phải tìm kiếm các hàm ý tiêu cực cũng như tích cực.
    - Phải xem xét mọi hàm ý và hệ luận có ý nghĩa.

Phân tích Logic của một Bài Báo, Bài Luận hay một Chương Sách

Một cách quan trọng để hiểu một bài luận, bài báo hay chương sách là thông qua sự phân tích các bộ phận trong lập luận của tác giả. Một khi làm được điều này, bạn có thể đánh giá lập luận của tác giả bằng các chuẩn trí tuệ (xem trang 78 - 82). Dưới đây là một mẫu:

1. **Mục đích** chính của bài báo này là ________________ (Ở đây bạn đang cố gắng phát biểu, càng đúng càng tốt, ý đồ của sử gia khi viết bài báo này. Tác giả đang cố gắng thực hiện điều gì?)
2. **Câu hỏi** cốt lõi mà sử gia đang đề cập là ______________ (Bạn phải nhận diện câu hỏi cốt lõi trong tâm trí của tác giả khi viết bài này. Đâu là vấn đề then chốt được tác giả bàn đến trong bài?)
3. **Thông tin** quan trọng nhất trong bài là ______________ (Bạn phải nhận diện những thông tin cốt lõi mà tác giả đã sử dụng hay tiền giả định trong bài báo để chống đỡ cho những lập luận chính của mình. Ở đây bạn đang tìm các sự kiện, kinh nghiệm và/ hoặc các dữ kiện mà tác giả đang sử dụng để chống đỡ cho những kết luận của mình.)
4. **Những suy luận** chính trong bài báo là ______________ (Bạn phải nhận diện những kết luận quan trọng nhất mà tác giả đã tìm ra và trình bày trong bài báo.)
5. **(Những) khái niệm** then chốt mà ta cần hiểu trong bài báo là ____________________ Qua những khái niệm này, tác giả muốn nói ____________________ (Hãy nhận diện những khái niệm ấy và tự hỏi: Đâu là những

khái niệm quan trọng nhất mà bạn phải biết để hiểu hướng lập luận của tác giả? Rồi sau đó hãy làm rõ điều tác giả muốn nói qua những khái niệm ấy). Xin xem trang 63 - 64 để biết những khái niệm then chốt thường được sử gia sử dụng trong lập luận của họ.

6. **(Những) giả định** chính nằm bên dưới tư duy của tác giả là ________________ (Hãy tự hỏi mình: Tác giả đang xem điều gì là đương nhiên [trong khi lẽ ra cần phải tra vấn nó]? Những giả định là những sự khái quát hóa mà tác giả không nghĩ họ phải biện minh trong bài viết của mình, và chúng thường không được phát biểu ra. Đây chính là chỗ tư duy của tác giả bắt đầu logic.)

7a) Nếu chúng ta chấp nhận (một phần hoặc tất cả) hướng lập luận này của tác giả, những **hàm ý** sẽ là ________________ (Những hệ quả nào có thể sẽ nảy sinh nếu người ta nghiêm túc đi theo hướng lập luận của tác giả? Ở đây bạn phải theo đuổi những hàm ý logic trong lập trường của tác giả. Bạn cần tính đến những hàm ý mà tác giả đã phát biểu, và cả những hàm ý mà tác giả không phát biểu.)

7b) Nếu chúng ta không chấp nhận hướng lập luận này, những **hàm ý** sẽ là ________________ (Những hệ quả nào có thể sẽ nảy sinh nếu người ta làm ngơ lập luận của tác giả?)

8) **(Những) góc nhìn** chính được trình bày trong bài báo là ________________ (Câu hỏi chính mà bạn đang ra sức trả lời ở đây là: Sử gia đang xem xét điều gì và xem xét nó như thế nào? Chẳng hạn, trong cẩm nang này, chúng ta đang xem xét "lịch sử" và xem nó như "một hệ thống tích hợp của các cách hiểu về quá khứ

vốn phải được lập luận bằng cách sử dụng các công cụ của tư duy phản biện".)

Nếu thật sự hiểu những cấu trúc này khi chúng quan hệ qua lại với nhau trong một bài báo, bài luận hay chương sách, bạn sẽ có khả năng phân tích đúng đắn và "tư duy ở vị trí sử gia" một cách cảm thông.

Lưu ý: Có thể sử dụng những cấu trúc cơ bản của tư duy để phân tích các bài báo, bài luận hay các chương sách. Phân tích này sẽ đào sâu nhận thức của bạn vào lập luận lịch sử của tác giả.

Bảng Liệt kê Lập luận Lịch sử

1. Mọi lập luận lịch sử đều có **MỤC ĐÍCH.**
   - Bạn có thể phát biểu mục đích một cách rõ ràng?
   - Đâu là mục tiêu cho lập luận lịch sử của bạn?
   - Lập luận của bạn có tập trung liên tục vào mục tiêu lịch sử của bạn không?
   - Mục tiêu của bạn có thực tế không?

2. Mọi lập luận lịch sử đều là một nỗ lực tìm ra điều gì đó, xử lý **CÂU HỎI** nào đó, giải quyết **VẤN ĐỀ** nào đó.
   - Bạn đang cố gắng trả lời câu hỏi lịch sử nào?
   - Có những cách khác nào để tư duy về câu hỏi này?
   - Bạn có thể bẻ câu hỏi ra thành nhiều câu hỏi nhỏ không?
   - Đây là câu hỏi thuộc loại chỉ có một câu trả lời đúng hay thuộc loại có nhiều câu trả lời hợp lý?
   - Câu hỏi này có đòi hỏi phán đoán lịch sử hơn là chỉ có các sự kiện đơn thuần không?

3. Mọi lập luận lịch sử đều dựa trên các **GIẢ ĐỊNH.**
   - Bạn đang đưa ra các giả định nào? Chúng có chính đáng không?
   - Các giả định của bạn định hình ra sao cho góc nhìn của bạn?

- Giả định nào của bạn có thể sẽ bị đặt thành vấn đề một cách hợp lý?

4. Mọi lập luận lịch sử đều được đưa ra từ một **GÓC NHÌN** nào đó.
    - Đâu là góc nhìn của bạn? Dựa trên đó bạn có những nhận thức gì? Điểm yếu của nó là gì?
    - Những góc nhìn khác có được xem xét trong lập luận về vấn đề này không? Đâu là những điểm mạnh cũng như những điểm yếu của các góc nhìn đó? Bạn có công bằng khi đánh giá các nhận thức nằm đằng sau những góc nhìn đó không?

5. Mọi lập luận lịch sử đều dựa trên **DỮ KIỆN, THÔNG TIN** và **BẰNG CHỨNG.**
    - Trong chừng mực nào những phát biểu của bạn được các dữ kiện có liên quan ủng hộ?
    - Có các dữ kiện gợi ra những sự giải thích khác với các giải thích của bạn không?
    - Mọi thông tin cho câu hỏi đang được đặt ra có rõ ràng, đúng và có liên quan không?
    - Bạn đã thu thập đủ thông tin để đạt đến kết luận có giá trị hiệu lực chưa?

6. Mọi lập luận lịch sử đều được thể hiện thông qua các **KHÁI NIỆM** và các **LÝ THUYẾT** và đều bị định hình bởi các **KHÁI NIỆM** và các **LÝ THUYẾT.**
    - Đâu là những khái niệm và lý thuyết cốt lõi đang dẫn dắt lập luận lịch sử của bạn?

- Với những khái niệm và lý thuyết đó, bạn còn có những khái niệm thay thế khác nào không?
- Bạn có rõ ràng và chính xác trong việc sử dụng các khái niệm và lý thuyết trong lập luận của mình chưa?
- Bạn có bóp méo các ý niệm để cho phù hợp với nghị trình của mình không?

7. Mọi lập luận lịch sử đều chứa đựng các **SUY LUẬN** hay các **DIỄN GIẢI** nhờ đó ta rút ra các **KẾT LUẬN** và mang lại ý nghĩa cho các dữ kiện.
   - Trong chừng mực nào các dữ kiện hỗ trợ cho các kết luận lịch sử của bạn?
   - Các suy luận của bạn có nhất quán với nhau không?
   - Còn có suy luận hợp lý nào khác cần xem xét không?

8. Mọi lập luận lịch sử đều dẫn đến chỗ nào đó hay có những **HÀM Ý** và **HỆ LUẬN**.
   - Những hàm ý và hệ quả nào sẽ nảy sinh từ suy luận của bạn?
   - Nếu chấp nhận hướng lập luận của bạn, thì sẽ có những hàm ý và hệ luận gì?
   - Còn có hàm ý và hệ luận nào khác nữa không?

Các Chiến lược Giảng dạy Nuôi dưỡng Tư duy Lịch sử

Sáu bài tập dưới đây đại diện cho 5 chiến lược giảng dạy sẽ nuôi dưỡng tư duy phản biện trong bộ môn lịch sử. Mỗi bài tập đưa ra một mục tiêu nhận diện các thành tố riêng của tư duy phản biện đã được đưa vào trong bài. Các bài tập này có thể được hiệu chỉnh theo nhiều cách cho các mục đích khác nhau và sử dụng được cho các nội dung khác nhau. Các bài tập cũng có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với các trình độ năng lực khác nhau của học viên. Vì thế, ý tưởng ở đây là minh họa các loại hoạt động có thể được dùng để nuôi dưỡng tư duy lịch sử. Trong mục này, mọi yếu tố của lập luận đều được in đậm, còn các chuẩn trí tuệ sẽ được in nghiêng.

Chiến lược giảng dạy 1: Ba Sách giáo khoa và một Cuộc chiến

Mục tiêu

Mục tiêu của bài tập này là cải thiện ý thức của học viên về sự thật rằng các chuyện kể lịch sử đều được viết ra với nhiều mục đích đa dạng và từ nhiều góc nhìn đa dạng. Nó cũng tập cho học viên quen với những câu hỏi then chốt được các sử gia đưa ra về các nguồn thông tin của họ nhằm đảm bảo tính đáng tin cậy và sự đúng đắn.

Kết quả

1. Học viên sẽ nhận diện được các biến số đang định hình chất lượng của một chuyện kể lịch sử nhờ tập trung đặc biệt vào các yếu tố của tư tưởng - **mục đích,**

góc nhìn, giả định và **thông tin**, cũng như vào các chuẩn trí tuệ - *đúng đắn, rõ ràng, chiều rộng, công bằng* và *chiều sâu*.

2. Học viên sẽ xét lại một chuyện kể lịch sử, nhận diện các ý tưởng chính và đánh giá giá trị của chuyện kể (bằng cách sử dụng các chuẩn trí tuệ).
3. Học viên sẽ so sánh và đặt tương phản các chuyện kể khác nhau, nhận diện những sự biến thiên giữa chúng, khảo sát và bàn luận về sự *đúng đắn, ý nghĩa*, nghĩa và **các hàm ý** *quan trọng* của mỗi chuyện kể.
4. Học viên sẽ phát triển một qui trình đánh giá *giá trị* và *tính xác thực* của các chuyện kể lịch sử vốn có thể được áp dụng để đọc các nguồn thông tin đa dạng khác.

Bài học

Giảng viên sẽ tạo ra ba chuyện kể khác nhau về một chủ đề lịch sử riêng lẻ và đưa các chuyện ấy ra cho học viên như những phần nằm trong các bài luận của ba tác giả khác nhau. Chủ đề trong ví dụ này là nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh. Mỗi học viên trong lớp sẽ nhận được một chuyện kể song lại được làm cho nghĩ rằng ai cũng nhận được cùng một chuyện kể giống nhau. Tuy nhiên, giảng viên phải cẩn thận sao cho cả ba chuyện kể khác nhau ấy đều được xáo trộn và các học viên sẽ không được đọc chuyện kể giống nhau. Giảng viên sẽ hướng dẫn học viên đọc chuyện kể mà không phát ra tiếng, rồi khi đã đọc xong, họ phải trả lời ba câu hỏi trên giấy để bắt đầu cuộc bàn luận:

- Chiến tranh Lạnh là gì và tại sao cuộc chiến này lại quan trọng?
- Đâu là các nguồn gốc hay nguyên nhân của Chiến tranh Lạnh?

- Ai là các chuyên gia mà tác giả đã trích dẫn để giúp các kết luận của mình đáng tin?

Sau khi học viên đã đọc xong, giảng viên sẽ yêu cầu một cách có hệ thống các học viên đưa ra các câu trả lời cho những câu hỏi ở trên. Khi học viên đang trả lời nhóm câu hỏi thứ hai, hẳn ta sẽ thấy rõ rằng họ không nhất trí với nhau. Khi giảng viên thúc giục học viên giải thích hay biện minh cho những nhận xét của họ, giảng viên sẽ hỏi học viên về các nguồn thông tin của tác giả. Hẳn lúc này ta lập tức sẽ thấy rõ rằng các học viên đã đọc các bài luận khác nhau về cùng một chủ đề riêng lẻ.

Bài tập tiếp tục bằng cách yêu cầu học viên khảo sát vấn đề đang tranh cãi, chẳng hạn như trong trường hợp này là nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh, yêu cầu họ so sánh và đối chiếu các chuyện kể. Hoạt động này sẽ dẫn đến một cuộc bàn luận tập trung vào những gì học viên cần biết về tác giả để hiểu góc nhìn, mục đích và các hàm ý của chuyện kể. Các học viên cũng phải đưa ra những câu hỏi về sự kiện không được đề cập đến trong chuyện kể, sao cho họ có thể bắt đầu nhìn thấy tính phức hợp của vấn đề đang tranh cãi và tạo ra một khung nghiên cứu sâu hơn. Điểm chính của bài học này không tập trung nhiều vào việc giới thiệu cho học viên vấn đề về nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh, mà chủ yếu nhằm giúp họ hiểu lý do tại sao điều quan trọng đối với các sử gia là phải tư duy xuyên suốt về các tài liệu họ đọc, cách đọc các tài liệu ấy một cách hiệu quả và làm thế nào và khi nào phải tìm kiếm các quan điểm đối lập.

Ba tài liệu dưới đây là ba chuyện kể cho bài tập này. Hãy lưu ý rằng tuy các nguồn này là xác thực, song các bài luận này không được trích ra từ các công trình học thuật đã được xuất bản.

Các nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh A

Chiến tranh Lạnh là một cuộc xung đột giữa Mỹ và Liên bang Xô Viết, kéo dài từ năm 1945 đến 1991. Trong suốt Chiến tranh Lạnh, sự cạnh tranh giữa Mỹ và Liên bang Xô Viết đã được thể hiện trong cuộc chạy đua vũ trang, chạy đua không gian và các cuộc chiến trong đó mỗi siêu cường đều đồng minh với một bên thứ ba để trực tiếp chiến đấu với nhau. Trong cuộc chiến đó, thế giới tự do, về mặt đạo đức, buộc phải bảo vệ các quốc gia dễ bị tổn thương trước chủ nghĩa toàn trị và sự tàn phá. (Halle, 1967).

Chiến tranh Lạnh bắt đầu như một phản ứng của các bên sau Chiến tranh thế giới thứ II. Mặc dù Mỹ và Liên bang Xô Viết từng là đồng minh trong cuộc chiến đó, Joseph Stalin đã phủ nhận các nguyên tắc chung của Hiến chương Đại Tây Dương, là các nguyên tắc đã định nghĩa các giới hạn và mục đích của cuộc chiến tranh Anh - Mỹ chống lại các cường quốc phe Trục, và đã khẳng định rằng cả Mỹ lẫn Vương quốc Anh đều không được dùng chiến tranh để bành trướng lãnh thổ. Tuy nhiên, quân đội Xô Viết đã đẩy nước Đức ra khỏi khối Đông Âu và thiết lập chủ nghĩa cộng sản ở Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary, Bulgaria và Đông Đức. Giữa năm 1945 và 1948, khi người Xô Viết tách rời các quốc gia khối Đông Âu hoàn toàn khỏi phần còn lại của thế giới, thì các đồng minh phương Tây đã thấy rõ rằng tiên đoán mà Stalin đưa ra vào năm 1927 trên thực tế đang trở thành hiện thực.

Các sự kiện năm 1947-1949 cho thấy rằng Chiến tranh Lạnh đã khởi nguồn từ ước mơ của nước Mỹ muốn "chứng minh rằng tự do không những tạo ra các tay súng mà còn tạo ra sự giàu có về tinh thần, trí tuệ và vật chất mà mọi con người đều mong muốn" (Dulles, 1954). Hai bài phát biểu chiến dịch của Stalin vào tháng 2 năm 1946 không có sự thay thế nào ngoài việc đi theo Học thuyết Truman. Vào tháng 6 năm 1947, Mỹ đã phát động Kế hoạch Marshall, một kế hoạch sẽ trao hàng tỷ đô la cho các đất nước đang phục hồi sau chiến tranh. Chương trình này đã giúp các quốc gia châu Âu khôi phục các nền công nghiệp nông thôn và đô thị.

Năm 1948, Chiến tranh Lạnh đã trở nên căng thẳng khi Liên bang Xô Viết cố ngăn không cho quân đồng minh châu Âu thống nhất và tái thiết nền công nghiệp Tây Đức. Người Xô Viết ra sức đẩy đồng minh châu Âu ra khỏi Tây Berlin bằng một sự phong tỏa, và quân đồng minh đã phản ứng bằng cách dùng máy bay thả hàng tấn thực phẩm, đồ dùng và xăng dầu cho người dân Tây Berlin. Người Xô Viết đã bỏ phong tỏa một năm sau đó, và để đảm bảo cho sự phòng vệ của mình, quân đồng minh đã tạo ra Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương năm 1949. Vào lúc ấy, Liên bang Xô Viết đã kìm kẹp chặt Đông Âu và đã phát triển vũ khí hạt nhân. Rõ ràng họ không có ý định hợp tác với những đồng minh lúc trước. (Nitze, 1990)

Dulles, John F. *Policy for security and peace*. Foreign Affairs, 32 (3), (tháng 4 năm 1954), tr. 353 - 364).
Halle Louis. *The Cold War as History,* NY: Harper and Row (1967).
Nitze, P. *America: An honest broker*. Foreign Affairs, quyển 69, số 4 (mùa Thu năm 1990), tr. 1 - 14.
Starobin, Joseph R. *Origins of the Cold War: The Communist dimension*. Foreign Affairs (tháng 7 năm 1969), tr. 47.

Các nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh B

Chiến tranh Lạnh là một cuộc xung đột giữa Mỹ và Liên bang Xô Viết, kéo dài từ năm 1945 đến 1991. Cuộc xung đột này được trình bày như một sự va chạm giữa hai ý thức hệ: chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản. Cuộc xung đột này đã khơi ra một cuộc chạy đua vũ trang, chạy đua không gian và một số cuộc chiến trong đó mỗi siêu cường đều ủng hộ các phe đối lập chứ hiếm khi đối mặt trực tiếp với nhau. Các nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh là phức hợp, vì những căng bức giữa Mỹ và Liên bang Xô Viết có thể được lần ngược đến những mối quan hệ trước chiến tranh giữa Nga và phương Tây vốn chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cô lập Nga, tình trạng thù địch của phương Tây với chủ nghĩa xã hội, và việc Nga mong muốn kéo dài tình trạng tự bảo vệ mình trước sự xâm lấn bằng cách bành trướng. (Kennan, 1947)

Mặc dù Mỹ và Liên bang Xô Viết từng là đồng minh trong cuộc chiến chống Đức trong Thế chiến thứ II, mối quan hệ giữa hai bên thường căng thẳng bởi những kinh nghiệm tiền chiến. Chẳng hạn, năm 1918, Mỹ đã cử quân đến Nga để chống lại quân đội Bolshevik và bảo vệ Nga hoàng. Sau đó, Mỹ đã từ chối công nhận Liên bang Xô Viết cho đến tận năm 1933. Người Xô Viết bắt đầu tin rằng các đồng minh phương Tây đã ủng hộ phát xít vì họ không làm gì để ngăn không cho Hitler bước vào Rhineland, sáp nhập Úc và chiếm Czechoslovakia. Vì nghĩ Hitler sẽ tôn trọng ước muốn của Stalin trong việc thu lấy lãnh thổ từ các quốc gia vùng Baltic như một vùng đệm, ông đã kết thúc Hiệp ước Xô-Đức vào tháng 8 năm 1939. Vào tháng 9 năm 1940, mọi thứ trở nên rõ ràng rằng Hitler sẽ không ủng hộ tầm nhìn của Stalin về những đường biên giới phương Tây mới và vào tháng 6 năm 1941, người Xô Viết đã bị cuộc xâm chiếm của quân phát xít Đức ép phải đồng minh với Anh, Pháp và Mỹ.

Stalin, Churchill và Roosevelt đã chiến đấu cuộc chiến này vì những lý do khác nhau. Mỹ và Anh đã nhất trí về Hiến chương Đại Tây Dương năm 1941, họ sẽ không chiến đấu để bành trướng. Song, Liên bang Xô Viết không đưa ra một tuyên bố như thế. Stalin chấp nhận quan niệm rằng các cường quốc lớn về tự nhiên đã kiểm soát các khu vực có tầm ảnh hưởng, vì thế đã bị áp chế bởi sự chống đối của Mỹ cho gói thầu giành các quốc gia vùng Baltic (Schlesinger, 1967). Liên bang Xô Viết cũng cảm thấy mình không được đối xử như một đối tác bình đẳng trong cuộc chiến chống Hitler, vì các đồng minh phương Tây đã hứa hẹn vào năm 1942 là sẽ tạo ra một mặt trận thứ hai ở phương Tây để giảm áp lực cho mặt trận phía Đông, song điều này đã không được thực hiện cho mãi đến tận tháng 6 năm 1944. Người Xô Viết cũng cảm thấy bị coi thường khi Anh và Mỹ đơn phương chấp nhận sự đầu hàng của Ý, nhưng về sau lại bị chỉ trích vì muốn tự mình xử lý việc Bulgaria đầu hàng trước quân đồng minh. (sđd)

Liên bang Xô Viết đã đẩy quân phát xít lùi trở lại thủ đô Đức trước khi quân đồng minh phương Tây đến, nghĩa là quân của họ đã chiếm đất từ Berlin đến Sophia, và mọi nỗ lực muốn xác

lập chính quyền bản địa tự trị trong các quốc gia Đông Âu đó hẳn sẽ phải tính đến họ. Tại Hội nghị Yalta năm 1945, Stalin hứa hẹn rằng các cuộc tuyển cử tự do sẽ phổ biến khắp Ba Lan, song giữa năm 1946 và 1948, người Xô Viết đã cài đặt các lãnh đạo vào các quốc gia Đông Âu đứng về phe Moscow - thường là bằng vũ lực. Lò lửa của Chiến tranh Lạnh chính là Berlin, vốn nằm ngay tại trung tâm của Đông Đức. Quân đồng minh châu Âu đã kêu gọi cho sự thống nhất ba khu bị chiếm đóng của Tây Đức và từ chối bỏ mặc Berlin bất chấp việc Xô Viết đòi ngược lại. Khi nước Đức hai lần xâm chiếm Nga trong thế kỷ XX, triển vọng cho một nước Đức thống nhất và tái quân sự là không thể khoan dung được đối với người Xô Viết. Song, quân đồng minh phương Tây đã vạch ra những kế hoạch thống nhất Tây Đức và giúp châu Âu xây dựng các nền dân chủ thị trường tự do bằng tiền từ Kế hoạch Marshall. Các nạn nhân chiến tranh đã được nhận số tiền bồi thường khá tốt. (Gaddis, 1997). Vào năm 1949, các mối quan hệ Mỹ - Xô bước vào một thời kỳ đóng băng sâu, khi Tổ chức Hiệp ước Bắc Mỹ được tạo ra nhằm bảo vệ các đồng minh phương Tây trước những kẻ thù ở phía Đông.

Gaddis, J. L. *We now know: Re-thinking Cold War history*. Oxford: Oxford University Press (1997).
Kennan, G. *The sources of Soviet conduct*. Foreign Affairs, quyển 26, số 2 (tháng 7 năm 1947), tr. 556 - 582.
Schlesinger, A. *Origins of the Cold War*. Foreign Affairs, quyển 46, số 1 (tháng 10 năm 1967), tr. 22 - 52.

Các nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh C

Chiến tranh Lạnh là một cuộc xung đột giữa Mỹ và Liên bang Xô Viết, kéo dài từ năm 1945 đến 1991. Sự kình địch này giữa các quốc gia phần lớn là một sự kình địch về ý thức hệ muốn thành lập nền dân chủ thị trường tự do chống lại chủ nghĩa cộng sản. Cuộc xung đột này đã dẫn đến cuộc chạy đua vũ trang và nhiều

cuộc chiến trong đó Mỹ và Liên bang Xô Viết đánh nhau thông qua các quân đội của phe thứ ba. Chiến tranh Lạnh có bắt rễ vào đầu thế kỷ XX, khi Mỹ cử quân đến giúp quân đội Nga hoàng chống lại phe Bolshevik vào năm 1918 và từ chối công nhận Liên bang Xô Viết cho mãi đến năm 1933. Chiến tranh Lạnh nổ ra từ những hoài nghi của mỗi siêu cường rằng phe kia đang có ý định giành lấy quyền bá chủ thế giới.

Dù Mỹ và Liên bang Xô Viết là đồng minh trong Thế chiến thứ II, họ vẫn không có chung một tầm nhìn về kết quả của cuộc chiến. Sau khi trong lịch sử đã nhiều lần bị các quốc gia phương Tây xâm chiếm, người Nga muốn tạo ra một vùng đệm giữa họ với nước Đức. Quân đồng minh phương Tây đã tìm cách đánh bại phát xít, khôi phục các biên giới châu Âu, đẩy mạnh nền dân chủ và làm mới lại kinh doanh và mậu dịch theo cách phương Tây.

Chiến tranh Lạnh xảy ra vào những tháng cuối của cuộc chiến và được định rõ trong các quan hệ quốc tế vào năm 1949. Mỹ đã làm rõ rằng mong ước của Mỹ là tác động đến sự định hình châu Âu hậu chiến bằng cách chấp nhận Ý đầu hàng vào năm 1945 mà không thông qua Xô Viết, và đã nhấn mạnh nhiệt tâm muốn kiểm soát này bằng việc cử CIA đến Ý năm 1948 nơi Mỹ đưa ra những tuyên truyền chống cộng sản và mua phiếu bầu cho các ứng viên Kitô giáo Cộng hòa (Del Pero, 2001). Hơn nữa, có rất nhiều lo lắng về các điều khoản hòa bình. Liên bang Xô Viết đã mất gần 27 triệu người trong cuộc chiến, chịu sự chiếm đóng trên 100 triệu dặm vuông trên toàn đất nước trong gần 3 năm, và mất hơn 700 thành phố. Trái lại, Mỹ không bị chiếm đóng và chỉ mất khoảng 350.000 lính trong chiến đấu. Người Xô Viết tin điều này không công bằng khi xác lập khối Đông Âu như một phương pháp phòng bị trước những sự xâm lấn trong tương lai. Phức tạp hơn, sau sự đầu hàng của phát xít Đức trước Xô Viết, người Xô Viết đã dự đoán họ sẽ phải gia nhập với Mỹ để đánh bại Nhật Bản. Tuy nhiên, sự kháng cự này là không cần thiết, vì Mỹ đã dùng bom hạt nhân để buộc Nhật đầu hàng. Sự thật là việc Mỹ giữ bom nguyên tử như một bí mật đã khiến người Xô Viết càng tin rằng Mỹ không đối xử bình đẳng với Xô Viết, mà lại xem

họ như đối thủ (Alperhovitz, 1965). Hơn nữa, sự thật là việc một số người Mỹ đã công khai kêu gọi quân đồng minh phương Tây quay sang chống lại Liên bang Xô Viết và đuổi họ ra khỏi Đông Âu đã giành được một ít thiện cảm của Nga (Hastings, 2010).

Trong chừng mực rộng, Chiến tranh Lạnh là không thể tránh được, vì Mỹ không thể hòa giải những yêu sách của Xô Viết với nghị trình riêng của mình. Mỹ đã theo đuổi một diễn trình ngoại giao quốc tế vốn đi kèm với sự tự quản và tự do trong khi vẫn ủng hộ các chế độ độc tài ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Khi Mỹ đổ tiền vào việc tái thiết nền công nghiệp Đức như một phần của Kế hoạch Marshall - và theo đuổi việc phát triển vũ khí hạt nhân - Liên bang Xô Viết đã kết luận rằng phương Tây không tôn trọng tính dễ bị tổn thương của họ, cũng như không thành thật về việc đền bù cho Nga vì những hi sinh vĩ đại mà Nga đã cống hiến để xóa sổ thế giới của chủ nghĩa phát xít.

Alperhovitz, G. *Atomic Diplomacy*. NY: Simon and Schuster (1965).
Del Pero, M. *The United States and "psychological warfare" in Italy,* 1948 - 1955. The Journal of American History, quyển 87, số 4 (tháng 3 năm 2001), tr. 1304 - 1334.
Hastings, M. *Winston's War*. NY: Alfred A, Knopf.
Williams, W. A. *The tragedy of American diplomacy*. NY: W.W. Norton & Co. Inc (1959).

Bước 1: Bài tập viết đầu tiên và Bàn luận về Ba sách giáo khoa và một cuộc chiến

Sau khi cho học viên đọc bài luận được giao, hãy dẫn dắt cuộc thảo luận dựa theo các câu hỏi trong phần "Bài học" (trang 118):

- Chiến tranh Lạnh là gì và tại sao cuộc chiến này lại quan trọng?
- Đâu là các nguồn gốc hay nguyên nhân của Chiến tranh Lạnh?
- Ai là các chuyên gia mà tác giả đã trích dẫn để giúp các kết luận của mình đáng tin?

Một khi học viên nhận ra được là có 3 bài luận khác nhau, bạn hãy bàn luận ngắn gọn về mục đích của phần bài tập này, rồi chuyển sang bước 2.

Bước 2: Bài tập viết cho Ba sách giáo khoa và một cuộc chiến

Hãy yêu cầu học viên viết ra cách hiểu của mình về lập luận nằm mặc nhiên trong mỗi bài luận. Khi làm điều này, hãy sử dụng mẫu ở trang 112 - 114. Với bài tập này, học viên phải viết ba bài riêng biệt (mỗi bài tập trung vào một bài luận).

Bước 3: Phản hồi trên giấy của học viên cho Ba sách giáo khoa và một cuộc chiến

Sau khi học viên đã viết ra logic của mỗi bài luận (tập trung vào các yếu tố lập luận), hãy nhóm học viên lại thành ba nhóm và yêu cầu họ đọc lớn và chậm bài của mình cho

các thành viên trong nhóm. Hai thành viên khác trong nhóm sẽ phản hồi lại học viên đang đọc. Học viên phải đưa ra phản hồi bằng cách sử dụng các chuẩn trí tuệ (xin xem mục về các chuẩn trí tuệ). Nói khác đi, họ phải tập trung vào *tính rõ ràng, sự đúng đắn, tính logic, sự liên quan, công bằng, ý nghĩa*, v.v.. khi đưa ra phản hồi. Sau khi tất cả học viên đã đọc bài của mình xong và nhận được phản hồi, họ phải chọn ra bài tốt nhất trong ba bài, lần này vẫn sử dụng các chuẩn trí tuệ để đánh giá bài nào là tốt nhất. Có thể điều này sẽ phải mất vài buổi học. Hãy yêu cầu học viên tập trung mỗi lần vào một bài, chứ không phải cùng lúc ba bài, để họ có thể thay phiên nhau đọc và đưa ra phản hồi.

Bước 4: Các câu hỏi bàn luận cho Ba sách giáo khoa và một cuộc chiến

Sau khi học viên đã viết ra logic của từng bài báo bằng cách tập trung vào các yếu tố của lập luận, hãy dẫn dắt một cuộc bàn luận theo kiểu Socartes tập trung vào các câu hỏi sau (lưu ý là những câu hỏi này chủ yếu dựa vào các yếu tố của lập luận, và nhấn mạnh vào các chuẩn trí tuệ).

1. Đâu là **mục đích** của mỗi bài luận và mỗi tác giả đang muốn thực hiện việc gì?
2. Mỗi bài luận đang tập trung trả lời **câu hỏi** trung tâm nào; câu hỏi trung tâm đó khơi ra những câu hỏi nào?
3. Mỗi tác giả sử dụng **thông tin** cốt lõi nào; đâu là mối quan hệ giữa thông tin và mục đích của từng bài luận?
4. **Thông tin** thêm nào có thể *có liên quan* và *hữu dụng*?
5. **Thông tin** *quan trọng* nào đã bị mất trong từng bài luận, và điều đó tác động ra sao đến cách hiểu của bạn đọc?

6. Đâu là **những suy luận** hay kết luận *quan trọng* của mỗi bài luận; có những kết luận hợp lý (khác với những kết luận của tác giả) nào nữa không?
7. **Những khái niệm** then chốt nào được sử dụng trong những bài luận này? Hay nói khác đi, trong mỗi bài luận, đâu là những ý tưởng chính?
8. Tác giả của mỗi bài luận đưa ra **những giả định** cốt lõi nào về các sự kiện quá khứ và những người có liên quan? Hay nói khác đi, tác giả đang xem điều gì là đương nhiên?
9. Đâu là **những hàm ý** *quan trọng* của mỗi bài luận? Mỗi bài luận có thể tác động ra sao đến những thái độ và niềm tin của người đọc?
10. Tác giả khảo sát chủ đề này từ **góc nhìn** nào? Còn có **những góc nhìn** *quan trọng* và *có liên quan* nào khác cần phải xem xét về vấn đề này không?
11. Bài tập này dạy ta biết gì về cách hiểu những gì người ta nói và những gì họ viết về quá khứ?

Một số điều cần nhớ cho việc bàn luận về Ba sách giáo khoa và một cuộc chiến

a. Tư duy của giới học giả về các nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh được thể hiện bởi ít nhất ba trường phái tư tưởng ở Mỹ. Trường phái truyền thống hay chính thống thắng thế ở Mỹ là trường phái bảo vệ cho nền hòa bình, phép tắc và nền dân chủ. Quan niệm này có khuynh hướng khiển trách Liên bang Xô Viết đã quá hiếu chiến và liệt kê những sự lạm dụng chủ nghĩa cộng sản mà không đánh giá khách quan những sự lạm dụng của chủ nghĩa tư bản, và không nỗ lực một cách công bằng để nhìn thế giới từ góc nhìn của người Nga. Các học giả hàng đầu trong trường phái này gồm

có nhiều người đang làm việc trong Bộ Ngoại giao hay các ban ngành chính phủ khác trong suốt Thế chiến thứ II và Chiến tranh Lạnh sau đó, như John Foster Dulles[1], Paul Nitze[2], Herbert Feis[3], Louis Halle[4] và Arthur Schlesinger, Jr[5].

b. Trường phái thứ hai - trường phái xét lại - đã thách thức những kết luận của trường phái chính thống rằng chính sách ngoại giao của Mỹ chỉ dựa trên chủ nghĩa vị tha, những tầm nhìn dân chủ và mậu dịch công bằng. Công trình của họ đã xuất hiện vào cuối thập niên 1950 song đã tạo được sự tin cậy và nhiều quan tâm đáng kể. Các học giả trường phái xét lại đã dẫn ra vai trò của Mỹ trong các hành động táo bạo trên chính trường quốc tế, như Guatemala và Iran, và dẫn ra cuộc chiến tranh ở Việt Nam như bằng chứng rằng Mỹ đã có một nghị trình Chiến tranh Lạnh vốn không phải lúc nào cũng trong suốt đối với thế giới, và không phải lúc nào cũng mang lại nền dân chủ hay sự thịnh vượng kinh tế cho quần chúng nhân dân. Các tác giả này gồm có Gar Alperhovitz[6], Gabriel và Joyce Kolko[7], Carl Marzani[8] và William Williams[9].

---

1. Dulles, J. F. (1950). *War or peace*. New York, NY: Macmillan.
2. Nitze, P., Reardon, S. L., & Smith, A. M. (1989). *From Hiroshima to glastnost: At the center of decision*. New York, NY: Weidfeld and Nicholson.
3. Feis, H. (1970). *From trust to terror: The onset of the cold war, 1945 - 1950.* New York, NY: W.W. Norton.
4. Halle, L. (1967). *The cold war as history*. New York, NY: Harper & Row.
5. Schlesinger, A. Origins of the cold war. *Foreign Affairs*, 46(1), 22-52.
6. Alperhovitz, G. (1965). *Atomic diplomacy: Hiroshima and Potsdam*. New York, NY: Simon & Schuster.
7. Kolko, J. & Kolko, G. (1972). *The limits of power: The world and the United States foreign policy 1945 - 1954*. New York, NY: Harper & Row.
8. Marzini, C. (1952). *We can be friends: Origins of the cold war.* New York, NY: Topical Press.
9. Williams, W. A. (1959). *The tragedy of American diplomacy*. New York, NY: W. W. Norton & Company.

c. Các nhà hậu xét lại đại diện cho một sự tổng hợp phái truyền thống và phái xét lại, hòa trộn các nhận thức sâu sắc và đề cập đến những mối quan tâm do cả hai góc nhìn khơi ra. Các nhà hậu xét lại bắt đầu viết trước khi xảy ra cuộc sụp đổ của Liên bang Xô Viết và chủ nghĩa cộng sản ở Đông Âu, và giống như những học giả của mọi trường phái, lúc này họ đã tiếp cận được những tài liệu tuyệt mật lúc trước từ cả Mỹ lẫn Liên bang Xô Viết để làm giàu thêm kiến thức về Chiến tranh Lạnh và các động cơ của những nhân vật đứng đằng sau những sự kiện then chốt. Các nhà hậu xét lại gồm có John Lewis Gaddis(1), Robert Pollard(2), Thomas Paterson(3), Daniel Yergin(4) và Melvyn Leffer(5).

d. Điểm cốt lõi cần nhớ là thậm chí ngay bên trong các trường phái tư tưởng đó cũng có nhiều sự khác biệt và tranh cãi. Chẳng hạn, quan điểm của phái truyền thống được Arthur Schlesinger và John Foster Dulles đi theo vì những lý do khác nhau; Schlesinger hoàn toàn trung thành với các nguyên tắc dân chủ, song ông lại không chia sẻ với Dulles niềm xác tín thần học rằng về mặt đạo đức, Mỹ phải thanh tẩy thế giới khỏi chủ nghĩa cộng sản. Và điều cũng đúng nữa là trong khi cả Williams và Marzani đều là những nhà xét lại,

---

1. Gaddis, J. L. (2005). *The cold war: a new history*. New York, NY: Penguin Books.
2. Pollard, R. (1985). *Economic security and the origins of the cold war, 1945 - 1950*. New York, NY: Columbia Press.
3. Paterson, T. G. (1973). *Soviet-American confrontation: Post-war construction and the origins of the cold war*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press.
4. Yergin, D. (1977). *The shattered peace: The origins of the cold war and the national security state*. Boston, MH: Houghton Mifflin.
5. Leffler, M. (1994). *The specter of communism: The United States and the origins of the cold war, 1917 - 1953.* New York, NY: Hill and Wang.

thì Williams lại không xem giai cấp vô sản như điềm báo lớn cho một trật tự thế giới xã hội chủ nghĩa mới, còn Marzani lại đi theo chủ nghĩa xã hội.

e. Khi kho thông tin được mở ra, và khi các hệ luận dài hạn của các sự kiện Chiến tranh Lạnh hiển lộ ra khắp toàn cầu, tư duy của giới học giả về chủ đề này buộc phải thay đổi. Vì thế, các sử gia tư duy phản biện sẽ thường xuyên điều tra những sự khẳng định và khảo sát chéo lời chứng của các học giả đã đưa ra lập trường cho những vấn đề tranh cãi mà họ quan tâm. Các sử gia tư duy phản biện sẽ hiểu rằng việc tường thuật công bằng về quá khứ sẽ hướng độc giả quan tâm đến những tính phức hợp trong các vấn đề lịch sử; họ hiểu rằng các chuyên gia thường xuyên không nhất trí với nhau về quá khứ, về những nguồn thông tin sơ cấp và về ý nghĩa của những phát hiện của họ.

Chiến lược Giảng dạy 2: Phát hiện Tư liệu có Nguồn Thông tin Sơ cấp

Mục tiêu

Mục đích của bài tập phát hiện tư liệu này là nhằm cải thiện việc học viên đọc hiểu và tư duy phản biện bằng cách phân tích nội dung tập trung vào những **giả định**, **góc nhìn** và cách sử dụng **thông tin** của tác giả, cũng như những **hàm ý** quan trọng trong các khẳng định của tác giả. Học viên cũng sẽ đào sâu cách hiểu của họ về các **khái niệm** và cách các khái niệm ấy tác động đến cách ta hiểu lịch sử.

Kết quả

1. Học viên sẽ nhận ra tác giả và nghiên cứu **mục đích** của tác giả khi họ viết bài luận. Học viên sẽ mô tả, thật chi tiết **góc nhìn** của tác giả trong bài. Học viên sẽ nhận ra các **giả định** chính của nguồn thông tin cũng như **bằng chứng** mà tác giả sử dụng để hỗ trợ cho những giả định ấy.
2. Học viên sẽ nhận ra và xác định các **khái niệm** cốt lõi được nhắc đến trong bài (gồm mậu dịch tự do, bành trướng thực dân, doanh nghiệp công nghiệp, tính chất dã man, các bộ lạc nguyên thủy, phép tắc cư xử và thanh danh của người da trắng).
3. Học viên sẽ nhận ra các khẳng quyết (**suy luận**) chính của bài và mô tả **thông tin** được tác giả sử dụng để biện minh cho các suy luận ấy.
4. Học viên sẽ nhận ra các **giả định** then chốt được tác giả đưa ra về xã hội của mình và các xã hội Đông Phi,

và bàn luận cách các giả định đó có thể được chấp nhận trong thế giới ngày nay và tại sao.

5. Học viên sẽ nhận ra một số **hàm ý** *quan trọng* trong mô tả của tác giả về thế giới khi dính đến quyền lực và chủng tộc.
6. Học viên sẽ khảo sát mức độ *hợp logic* và *công bằng* của những giả định (**suy luận**) chính trong văn bản.
7. Học viên sẽ kiểm tra cách thức **khái niệm** "phát triển" được dùng trong bài và các **giả định** mà cách dùng này dựa vào.
8. Học viên sẽ có khả năng phát biểu rõ các khẳng định (**suy luận**) và ý kiến của tác giả và quyết định xem chúng có **hợp logic** hay **đúng đắn** không.
9. Học viên sẽ có khả năng phát biểu rõ cách một sử gia có thể quyết định tác động mà các khẳng định hay **quan điểm** của tác giả đưa ra lên các sự kiện trong chính thời đại của họ.

Đoạn trích dưới đây được trích từ một bài diễn thuyết của Đại tá Hải quân F. D. Lugard, năm 1893, nói về tầm quan trọng của các nhà truyền giáo Kitô ở châu Phi. Lugard, một sĩ quan người Anh, đã đưa ra các nhận xét của mình trong suốt Thời Hoàng kim - một thời đại công nghiệp hóa và bành trướng thực dân của châu Âu ở châu Phi, Ấn Độ và Viễn Đông. Lúc đó, nước Mỹ cũng đang công nghiệp hóa nhanh chóng, sau khi đã "bình định phương Tây" bằng việc di dời hay giết chóc thổ dân châu Mỹ bản địa và biến khu đất phía tây sông Mississippi thành những nông trang, trại chăn nuôi, mỏ, cối xay gió gỗ và mạng lưới xe lửa. Mỹ cũng đảm bảo quyền bá chủ của mình lên châu Mỹ Latinh và Hawaii, và tìm cách mở rộng ảnh hưởng trong vùng Viễn Đông.

Các học viên phải đọc và phân tích đoạn trích này. Tự nhiên là họ sẽ không thể trả lời hết mọi câu hỏi mà không tiến hành nghiên cứu sâu hơn, nên phần nhiệm vụ của giảng viên là báo cho học viên biết việc này, rồi định hướng nghiên cứu cho học viên bằng một cuộc bàn luận phong phú.

Bước 1: Bài tập viết cho việc phát hiện tư liệu

Hãy yêu cầu học viên viết ra cách hiểu của họ về lập luận nằm mặc nhiên trong đoạn trích từ bài diễn thuyết của Lugard dưới đây. Khi viết, hãy dùng mẫu ở trang 112 - 114.

Đại tá Hải quân F. D. Lugard: Sự trỗi dậy của Đế chế Đông Phi của chúng ta, 1893

Ở đây đã đủ để nói rằng chừng nào chính sách của ta còn là chính sách về mậu dịch tự do, thì ta buộc phải tìm kiếm các thị trường mới; vì các thị trường cũ đã đóng sầm lại với chúng ta bởi các thuế xuất nhập khẩu bất lợi, và những bên trước đây thường phụ thuộc nhiều vào ta, vốn từng là khách hàng cho các hàng hóa của ta thì nay đã trở thành các đối thủ cạnh tranh trên trường thương mại. Về bản chất, một đế quốc thương mại và thực dân vĩ đại như chúng ta sẽ là một đế chế luôn phải đi tiến hoặc đi lùi. Cho phép các quốc gia khác phát triển các lĩnh vực mới và để chính ta không làm được như thế thì đó chính là đang đi lùi; và thật đáng hổ thẹn hơn khi thấy rằng chúng ta đã kiêu hãnh tự cho mình là có khả năng ứng phó các chủng tộc bản địa và phát triển các đất nước mới với phí tổn thấp hơn các quốc gia khác. Ta hàm ơn các bản năng bành trướng thực dân của tổ tiên mình vì đã khiến các nước phải phụ thuộc rất nhiều vào ta một cách đáng tự hào và đó cũng là niềm kiêu hãnh và là những lối ra cho thương mại của ta ngày nay; và chúng ta phải chịu trách nhiệm trước thế hệ mai sau rằng những cơ hội đã thể hiện ra ngày nay qua việc mở rộng lĩnh vực thương mại công nghiệp của ta sẽ không bị quên lãng, vì những cơ hội ấy đã được mang lại ấy sẽ không bao giờ lặp lại. Huân tước Rosebery trong bài phát

biểu tại Viện Thực dân Hoàng gia đã nói rõ điều này bằng một ngôn ngữ hết sức thống thiết: "Chúng ta đang "đóng dấu chấm hết những yêu sách" cho tương lai. Chúng ta phải xem xét, không phải thứ ta đang muốn lúc này, mà phải là thứ ta sẽ muốn trong tương lai. Ta phải xem xét những đất nước nào phải được phát triển hoặc bằng chính bản thân họ hoặc bằng quốc gia khác nào đó… Hãy nhớ rằng nhiệm vụ của chính khách không chỉ đơn thuần ở hiện tại mà còn ở cả tương lai. Chúng ta phải nhìn vượt ra khỏi sự huyên náo của các bục diễn thuyết, những đam mê của đảng phái, để hướng đến tương lai của chủng tộc mà ta hiện đang là những người được ủy thác, và theo tôi, chúng ta ắt sẽ thất bại lớn trong nhiệm vụ vốn đã đặt lên vai ta nếu ta rũ bỏ các trách nhiệm, và khước từ phần chia của ta trong một thế giới mà ta không những không tác động được gì mà còn bị tác động…".

Một thế giới có liên quan đến những sứ mệnh ở châu Phi. Không hoài nghi gì, tôi nghĩ những sứ mệnh hữu ích nhất chính là thuộc về y dược và công nghiệp, trong những giai đoạn đầu của sự phát triển. Một sự kết hợp cả hai thứ ấy, theo ý tôi, là một sứ mệnh lý tưởng. Ví dụ như công trình của Nhà thờ Tự do Scotch ở hồ Nyasa. Hội truyền giáo y khoa bắt đầu hoạt động hết sức thuận lợi. Trên khắp châu Phi, các ý tưởng về việc chữa lành cho cơ thể và linh hồn đều có liên quan mật thiết với nhau. "Thầy mo" rất được tin tưởng, không những nhờ vào kiến thức về các phương thuốc và cây thuốc đơn giản có thể đẩy lui hay chữa lành bệnh, mà còn nhờ vào sự mê tín của người dân, thầy mo cũng được cho là có kiến thức về bùa ngải và cách trị các bệnh nhẹ vốn phải nhờ đến sự trợ giúp của thần linh hay nhờ vào việc dỗ dành cơn thịnh nộ của thần, và có kiến thức về các ma thuật, ma lực giúp thắng trận, miễn trừ nguy hiểm hay tạo mưa. Khi kỹ năng y học phương Tây khẳng định sự ưu việt của mình so với các phương pháp thô sơ của thầy mo càng nhiều thì họ càng tạo được ảnh hưởng trong việc truyền dạy các chân lý vĩ đại của Kitô giáo. Họ rao giảng cho người dã man ở nơi nào không có kiến thức và nghệ thuật, những phương thuốc tự nhiên hữu hiệu biết bao nhiêu mà không cần những bùa ngải hay thế lực siêu nhiên nào, và ở nơi sức mạnh của thần linh ngự trị mọi nỗ lực của con người. Những biểu hiện như thế của thầy mo, những kỹ

năng của những người mà họ không thể nào không xem là ưu việt hơn của chính họ, tự nhiên sẽ nặng ký hơn mọi sự rao giảng đơn thuần. Một người rao giảng đơn thuần sẽ bị mất tín nhiệm và lòng nhiệt tình của họ sẽ không ai hiểu. Hơn nữa, nhà truyền giáo y dược được phép bước vào nhà của người bản địa nhờ vào tài khéo của họ, một điều mà người khác không dễ gì được chấp thuận. Họ trở thành người cố vấn và trọng tài, và những lời khuyên nhủ của họ đã thay thế ma lực và ma thuật vốn đang làm trì trệ sự phát triển.

Giá trị của sứ mệnh công nghiệp, mặt khác, dĩ nhiên phụ thuộc phần lớn vào bản tính của các bộ lạc mà nó đang có mặt. Giá trị của nó khó có thể được đánh giá cao giữa những người như người Waganda, cả vì năng khiếu tự nhiên của họ lẫn vì việc họ háo hức muốn học hỏi. Song, kể cả những bộ lạc nguyên thủy hơn và kém phát triển hơn cũng có thể có lợi tương tự, nếu không chỉ các kĩ thuật cơ khí và mỹ thuật như kỹ năng thợ mộc và thợ rèn, mà cả những phương pháp canh tác đơn giản hơn được giảng dạy. Đào giếng, hệ thống tưới tiêu, du nhập các cây trồng hữu ích, sử dụng phân bón, và các gia súc, gia cầm cho các mục đích nông nghiệp, sự cải thiện các phương tiện của họ bằng cách du nhập cày cho người Da đỏ nguyên thủy, v.v.. - tất cả những thứ đó, trong khi cải thiện địa vị của người bản địa, sẽ mang lại cho đất đai của họ mầu mỡ hơn, và qua đó, nhờ việc gia tăng sản phẩm thặng dư, sẽ cho phép họ mua vải từ các thương nhân để ăn mặc tươm tất hơn, và các đồ dùng gia đình để tạo ra các kết quả lớn hơn nhiều cho lao động của họ cũng như cho họ thoải mái hơn trong cuộc sống xã hội.

Ngoài ra, theo quan điểm của tôi, việc giảng dạy (tôn giáo hay thế tục) phần lớn đều lãng phí cho người lớn, những người đã ăn sâu phong tục tập quán và định kiến, chính thế hệ đang lớn lên mới cần được giáo dục cho đạt đến một bình diện cao hơn, bằng việc lập ra các trường học cho trẻ em. Để đổi lại, họ sẽ gửi con em họ đến học; và vì thế một sự phát triển tiến bộ sẽ được tạo ra vốn có thể sẽ thực sự tạo ra những kết quá lớn…

Đối với bản thân các nhóm truyền giáo, tôi chỉ xin nói một điều. Điểm then chốt trong việc ứng xử với người châu Phi là phải tạo ra một sự tôn trọng đối với người châu Âu. Ảnh hưởng -

thanh danh - và thường là chính sự tồn tại của người da trắng ở châu Phi là phụ thuộc vào việc này. Nếu bằng môi trường xung quanh, bằng sự khẳng định về tính ưu việt của mình, họ tỏ ra rằng họ vượt xa người bản địa, thì họ sẽ được tôn trọng, và ảnh hưởng của họ sẽ tương ứng với sự ưu việt mà họ có và thể hiện ra bằng những thành tựu và lối sống cao cấp hơn. Theo ý tôi - dù qui chiếu đến châu Phi - thì sẽ là sai lầm lớn nhất có thể có nếu cho rằng một người châu Âu có thể đạt được ảnh hưởng lớn hơn bằng cách noi theo lối sống của người bản địa. Thực tế, điều đó sẽ hạ thấp họ xuống bằng trình độ của người bản địa, chứ không nâng họ lên trên người bản địa. Sự hi sinh trong hành động đó sẽ hoàn toàn không được đánh giá đúng, và sẽ khiến người dã man cho rằng họ có địa vị xã hội thấp và nghèo trong đất nước của họ. Toàn bộ ảnh hưởng của người châu Âu ở châu Phi có được là nhờ việc khẳng định sự ưu việt vốn buộc người bản địa phải tôn trọng và kích thích họ ganh đua. Mất đi ưu thế này là mất đi tầm ảnh hưởng mãi mãi. Tôi xin nói thêm rằng sự mất đi thanh danh còn do điều mà tôi gọi là việc làm nhục người châu Âu không những tác động đến chính nhà truyền giáo mà còn hủy hoại mọi nỗ lực của chính quyền thế tục, và thậm chí có thể dẫn đến những vụ sỉ nhục vốn sẽ dẫn đến tai họa và đổ máu. Để duy trì nó, một nhà truyền giáo trên hết phải là một quý ông; bởi lẽ không ai mau mắn hơn người châu Phi khi nhận ra một quý ông thực thụ…

Tôi tin rằng việc áp dụng không phân biệt đối xử những qui tắc như thế này có đầy rẫy trên thế giới để đưa má ra cho người tát mình, và làm người đầy tớ cho tất cả con người là hoàn toàn bị hiểu sai và áp dụng sai lời giảng của Đấng Kitô. Người châu Phi có vị thế như một đứa trẻ sinh sau đẻ muộn trong gia đình các quốc gia, song vẫn phải đến trường để được nuôi dạy. Đứa trẻ này không phải là đứa trẻ thông minh cho mấy để biết khóc toáng lên đòi hướng dẫn, và có khả năng đánh giá được cái đẹp tinh tế của sự tiên báo và đức hi sinh của Kitô giáo mà một số văn liệu truyền giáo rõ nghĩa đã khiến họ tin, song mặt khác, nó cũng không phải là kẻ ăn thịt người quá khích, bị tiền định bởi Đấng Thiên hựu phải mang ách nô lệ và không hợp với bất kỳ điều gì tốt đẹp hơn, như tôi đã thấy một số người mô tả. Tôi thà tin vào những vần thơ đẹp của Longfellow còn hơn…

Trong mọi thời,
Trái tim con người nào cũng là trái tim con người;
đều biết khát khao, biết ngóng trông, biết phấn đấu
Cho cái hay, cái đẹp dẫu chưa hiểu trọn.
Và đều có những đôi tay run rẩy, bất lực,
Dọ dẫm trong bóng tối đêm đen,
Để chạm đến bàn tay Thượng đế.

Nghĩa là, nơi Ngài, giống như nơi tất thảy chúng ta, đều có cả tính thiện và tính ác, và cái thiện bẩm sinh có khả năng được phát triển bằng văn hóa.

Từ: F. D. Lugard. *The Rise of Our East African Empire,* (Edinburgh, 1893), I. 585 - 587, II. 69 - 75. Xin tìm đọc tại Modern Sourcebook. Fordham University: http://www.fordham.edu/halsall/mod/1893lugard.html

Bước 2: Phản hồi trên giấy của học viên cho việc phát hiện tư liệu

Sau khi học viên đã viết ra logic của bài diễn thuyết (hay ở đây là đoạn trích) bằng cách tập trung vào các yếu tố của lập luận (xem trang 60), hãy nhóm các học viên lại thành 3 nhóm và yêu cầu họ đọc lớn và chậm bài của mình cho các thành viên trong nhóm. Hai thành viên khác trong nhóm sẽ phản hồi lại học viên đang đọc. Học viên phải đưa ra phản hồi bằng cách sử dụng các chuẩn trí tuệ (xin xem mục về các chuẩn trí tuệ). Hay nói cách khác, họ phải tập trung vào *tính rõ ràng, sự đúng đắn, tính logic, sự liên quan, công bằng, ý nghĩa*, v.v.. khi đưa ra phản hồi. Sau khi tất cả học viên đã đọc bài của mình xong và nhận được phản hồi, họ phải chọn ra bài tốt nhất trong ba bài, lần này vẫn sử dụng các chuẩn trí tuệ để đánh giá bài nào là tốt nhất. Có thể điều này sẽ phải mất vài buổi học.

Bước 3: Các câu hỏi bàn luận cho việc phát hiện tư liệu

Hãy dẫn dắt một cuộc thảo luận kiểu Socartes tập trung vào các câu hỏi dưới đây (lưu ý rằng những câu hỏi này chủ yếu dựa vào các yếu tố của lập luận và nhấn mạnh vào các chuẩn trí tuệ):

1. Đâu là **mục đích** của bài diễn thuyết?
2. Tác giả đang gắng trả lời **câu hỏi** nào? Đang cố gắng giải quyết vấn đề gì?
3. Tác giả sử dụng **thông tin** gì? Bằng chứng nào được đưa ra để hỗ trợ cho các khẳng định (**suy luận**) của tác giả? Thông tin thêm nào có thể *có liên quan* và *hữu dụng*?
4. Tác giả đạt đến các kết luận (**suy luận**) như thế nào? Có những kết luận *hợp lý* nào nữa không?

5. Những **khái niệm** then chốt nào được sử dụng trong bài diễn thuyết này? Trong bài diễn thuyết, đâu là những ý tưởng chính?
6. Tác giả đưa ra những **giả định** nào? Những điều kiện hay thực tế nào có thể được tác giả cho là đương nhiên?
7. Đâu là những **hàm ý** *quan trọng* của bài diễn thuyết? Bài diễn thuyết này có thể dẫn đến những hệ luận gì?
8. **Góc nhìn** của tác giả là gì? Có góc nhìn *quan trọng* nào khác nữa không?

Thảo luận tiếp về việc phát hiện tư liệu

Bài tập này có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với nhiều trình độ năng lực khác nhau - và cho các môn học ở bậc đại học. Giảng viên sẽ phải xem xét mục đích của bài tập này, các trình độ nhận thức của học viên sẽ tiến hành phân tích, bối cảnh tài liệu được đưa ra, những tiêu chuẩn nào sẽ xác định mức độ giỏi, thời lượng cần thiết cho bài tập và việc bài tập này có phát sinh phiếu đánh giá học viên hay tổng điểm học viên về công trình của họ hay không. Điều quan trọng là cần nhớ rằng trong khi tài liệu có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh chủ nghĩa đế quốc thế kỷ XIX, thì mục đích của tư duy phản biện cho bài tập này là giúp học viên tư duy sâu chứ không phải xem nhẹ nó; nó phải mài dũa thật sắc các kỹ năng đọc một cách phản biện của học viên, không chỉ đào sâu cách học viên hiểu về lịch sử, mà phải biết tư duy nhất quán hơn như một sử gia.

Một khi học viên đã cho thấy rằng họ hiểu bối cảnh của tài liệu, mục đích của tài liệu và góc nhìn của tác giả, lúc đó ta có thể hướng dẫn học viên bằng một đánh giá về các ý tưởng của tác giả để khảo sát xem các ý đó có còn được sử dụng trong các xã hội hiện nay không (nếu có thì tại sao và nếu không thì tại sao).

Chiến lược giảng dạy 3:
Làm Bài luận và Khung tiêu chí

Mục tiêu

Học viên sẽ phát triển năng lực khái niệm hóa, sắp xếp và trình bày nghiên cứu lịch sử của mình; học viên sẽ học được cách sử dụng một khung tiêu chí để dẫn dắt các quyết định của mình với tư cách là nhà nghiên cứu và tác giả.

Kết quả

1. Học viên sẽ tiến hành nghiên cứu về một chủ đề được giao.
2. Học viên sẽ nộp bài nghiên cứu và bài luận theo các giai đoạn để giúp giảng viên đánh giá được tiến độ của họ. (Đánh giá các phần hoạt động sẽ tăng cường giá trị của quá trình nghiên cứu và giúp giảng viên điều chỉnh được mức độ am hiểu và kỹ năng).
3. Học viên sẽ nhận ra được các yếu tố của lập luận và các chuẩn trí tuệ trong một tiểu đoạn đánh giá; học viên sẽ cho thấy năng lực nối kết câu chữ của mình vào các yếu tố và các chuẩn đó; học viên sẽ cho thấy năng lực đánh giá công trình của mình bằng các khung tiêu chí.
4. Học viên sẽ nộp bản thảo bài luận cuối cùng cho điểm đánh giá tổng kết.

Thảo luận

Viết là một bài tập thuộc phương diện siêu-nhận thức vì tác giả phải đưa ra các quyết định then chốt trong quá trình nhận diện các điểm thảo luận chính, tổ chức thông tin, tích hợp và bình luận về chứng cứ cho những sự khẳng định của

mình, chọn lọc câu từ thích hợp và quyết định xem cần bao nhiêu chiều rộng và chiều sâu cho mục đích của mình. Học viên có thể được giới thiệu các khái niệm của tư duy phản biện thông qua các bài tập viết, và có thể thực hành các kỹ năng tư duy phản biện thông qua các mục nghiên cứu và bài luận theo một trình tự phù hợp để đánh giá tổng kết cũng như để phân tích. Học viên được giao các nhiệm vụ với nhiều cơ hội để đánh giá và phản tư về công trình của mình hẳn sẽ cải thiện được các năng lực tư duy phản biện qua việc cải thiện ý thức của mình về cách các yếu tố của tư tưởng và các chuẩn trí tuệ được mang vào trong các lựa chọn mà họ đưa ra khi viết như thế nào[(1),(2)].

Các khung tiêu chí là những công cụ hữu ích cho cả học viên và giảng viên, vì họ sẽ rõ ràng nhận ra các chuẩn sẽ được dùng để đánh giá chất lượng bài viết cũng như những tiêu chí đại diện cho những khác biệt giữa xuất sắc, tốt, trung bình và dở. Các khung tiêu chí cũng là công cụ giảng dạy phụ thêm vốn khi được giới thiệu cho học viên như bài tập được giao, sẽ có thể kích thích cuộc thảo luận đầy ý nghĩa về những kỳ vọng cho công trình của học viên[(3),(4)].

Mỗi tiêu chí cho khung tiêu chí sẽ đại diện cho một công việc đặc thù có thể được đánh giá một cách độc lập hoặc như một trong nhiều phần của bài tập. Trong khi nhiều khung tiêu chí khái quát có thể áp dụng được cho nhiều chủ đề, thì điều then chốt là học viên phải đảm bảo rằng khung

---

1 Condon, W. & Kelly-Riley, D. (2004). Assessing and teaching what we value: The relationship between college-level writing and critical thinking abilities. *Assessing Writing*, 9, 56-75.

2 Giroux, H. (1978). Writing and critical thinking in the social studies. *Curriculum History*, 8(4), 291-310.

3 Andrade, H. (2000). Using rubrics to promote thinking and learning. *Educational Leadership*, 57(5), 13-18.

4 Wiggins, G. (1998). *Educative assessment: Designing assessments to inform and improve student performance*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.

tiêu chí phải đi cùng với kết quả và kỳ vọng của bài tập được giao. Không khung tiêu chí nào là đúng hết cho mọi bài tập. Giảng viên thiết kế các khung tiêu chí phải bỏ nhiều thời gian để giảng về bài tập và cách dùng khung tiêu chí. Bài tập dưới đây được thiết kế cho lớp 10-12 và cấp đại học, và được theo kèm bằng một khung tiêu chí.

Chủ đề viết luận

Những thành tựu và vấn đề của Triều đại Tống.

Mô tả khung tiêu chí và các suy xét

Bài tập này đòi hỏi giảng viên giới thiệu bài luận cần viết bằng một nhóm kết quả và mục tiêu đầy đủ. Lời giới thiệu phải có khung tiêu chí đánh giá minh họa rõ các yếu tố của lập luận và các chuẩn trí tuệ cũng như cách hai nhóm đó đi cùng với các mục đích và kết quả được yêu cầu. Khi giới thiệu bài tập, giảng viên đưa ra một cơ sở hợp lý cho nhiệm vụ, những mô tả rõ ràng được đòi hỏi, một kế hoạch làm việc sẽ giúp học viên cấu trúc và sắp xếp thời gian và công việc của họ, một danh sách cho việc làm thế nào để có được sự trợ giúp và một chỉ tiêu thời gian định mức rõ ràng. Sự rõ ràng của bài tập và các kết quả mong đợi có thể sẽ được nâng cao bằng cách đưa ra cho học viên các mẫu bài luận từ các khóa trước, và/ hoặc dành thời gian trên lớn so sánh và đối chiếu các bài tập giống nhau để nhận ra các điểm mạnh và điểm yếu riêng trong các bài luận mẫu.

Khung tiêu chí được cấu trúc để trình bày các thành tố riêng của một bài luận nhưng chủ yếu tô đậm mức độ tuân thủ của học viên cho các chuẩn trí tuệ, trong khi cũng rõ ràng tập trung vào các yếu tố của tư tưởng. Khung tiêu chí có thể dễ dàng chuyển thành một hệ thống chấm điểm cho những đánh giá tổng kết hoặc đơn giản được dùng như một hướng dẫn cho các đánh giá tổng kết.

Khung tiêu chí có thể sẽ không mang tính giải thích. Vì thế, chúng tôi khuyên các giảng viên không những dành nhiều thời gian để khảo sát và giải thích khung tiêu chí cho học viên mà còn nên đầu tư thời gian luyện tập cho mình và cho người khác cách sử dụng nó thật hiệu quả. Bởi lẽ, phần đánh giá giảng viên và học viên rất mang tính cục bộ và về lý thuyết là sẽ bị thu gọn cho phù hợp với các mục đích riêng biệt của cộng đồng học viên, nên cách dùng khung tiêu chí sẽ hiệu quả nhất khi:

1. Các đồng nghiệp thảo luận về mục đích phát triển một khung tiêu chí cho một khóa học cụ thể.
2. Các đồng nghiệp nhận ra tầm quan trọng của việc phân tích và đánh giá tư tưởng xét như mang tính trung tâm cho tư duy tốt bên trong một bộ môn; tầm quan trọng này phải được truyền thông cho các cơ quan bên ngoài và các tổ chức chuyên nghiệp có liên quan đến bộ môn của mình.
3. Các đồng nghiệp tính đến các trình độ phát triển của học viên khi tạo ra khung tiêu chí.
4. Các đồng nghiệp đồng thuận với nhau về nội dung của khung tiêu chí và các ngưỡng tinh thông.
5. Các đồng nghiệp thực hành sử dụng khung tiêu chí để đạt đến sự nhất quán trong đánh giá bài luận.
6. Các đồng nghiệp chia sẻ các kinh nghiệm của học viên với các khung tiêu chí và xét lại khi cần.

Đánh giá các Bài viết Lịch sử: Các Khung tiêu chí cho Bài luận

Khung tiêu chí dưới đây sẽ được dùng để cho điểm những bài viết cuối cùng của học viên. Học viên phải được giao bản copy khung tiêu chí này ngay khi bắt đầu bài học này và phải thảo luận nhiều về ý nghĩa và cách cho điểm của khung qui chiếu này, để học viên biết rõ mình được mong đợi gì.

Thành tố	Xuất sắc	Giỏi	Trung bình	Kém
Mở bài	• Mục đích được phát biểu rõ ràng, vừa rõ ràng vừa chính xác cho bối cảnh của bài. • Đưa ra thông tin đầy đủ, đúng đắn và có liên quan giúp làm rõ được bối cảnh bàn luận. • Phát biểu rõ và chính xác ý nghĩa của chủ đề. • Nhận ra và xác định được mọi khái niệm quan trọng, cốt lõi đối với vấn đề. • Trình bày tóm lược rõ ràng và chính xác các phát hiện then chốt.	• Mục đích tuy rõ song vẫn chưa được phát biểu rõ ràng. • Đưa ra thông tin đúng đắn và có liên quan giúp làm rõ được bối cảnh bàn luận. • Phát biểu rõ ý nghĩa của chủ đề. • Nhận ra và xác định được hầu hết khái niệm quan trọng, cốt lõi đối với vấn đề. • Trình bày tóm lược rõ ràng các phát hiện then chốt.	• Mục đích được phát biểu rõ ràng • Đưa ra được một số thông tin đúng đắn và có liên quan giúp làm rõ bối cảnh bàn luận. • Đưa ra được những khẳng định tương đối rõ ràng về ý nghĩa của chủ đề. • Nhận ra và xác định được một số khái niệm cốt lõi đối với vấn đề. • Trình bày tóm lược tương đối rõ ràng các phát hiện then chốt.	• Mục đích cho bài viết không rõ ràng và có vẻ lan man. • Đưa ra rất ít hoặc không có thông tin nào để làm rõ được bối cảnh bàn luận. Một số thông tin được trình bày không đúng hay không liên quan. • Phát biểu mơ hồ hay không đúng về ý nghĩa của chủ đề. • Không nhận ra các khái niệm cốt lõi đối với vấn đề. • Trình bày tóm lược mơ hồ các phát hiện then chốt.

<table>
<tr>
<td>Thân bài</td>
<td>• Các câu chủ đề bám sát rõ ràng và chính xác với các ý chính của bài.
• Bằng chứng học thuật cho các khẳng định đều đúng và cực kỳ đầy đủ.
• Bình luận hợp logic với đủ chiều sâu và chiều rộng, nói lên được tính phức hợp của chủ đề.
• Bình luận phản ánh được mọi góc nhìn quan trọng, có liên quan.
• Bình luận đưa ra chi tiết rất đầy đủ để hỗ trợ cho (các) lập trường trong lập luận.
• Mọi diễn giải đều hợp logic, xuyên suốt và công bằng.</td>
<td>• Các câu chủ đề bám sát rõ ràng với các ý chính của bài.
• Bằng chứng học thuật cho các khẳng định đều đúng và đầy đủ.
• Bình luận hầu như hợp logic với chiều sâu và chiều rộng tương đối, nói lên được tính phức hợp của chủ đề.
• Bình luận phản ánh được hầu hết góc nhìn quan trọng, có liên quan.
• Bình luận đưa ra đủ chi tiết để hỗ trợ cho (các) lập trường trong lập luận.
• Mọi diễn giải đều hợp logic, xuyên suốt và công bằng.</td>
<td>• Các câu chủ đề phần lớn bám với các ý chính của bài.
• Một số bằng chứng cho các khẳng định là đúng và mang tính học thuật.
• Bình luận về cơ bản là hợp logic nhưng thiếu chiều sâu và chiều rộng nào đó để nói lên hết được tính phức hợp của chủ đề.
• Bình luận phản ánh được một số góc nhìn quan trọng, có liên quan.
• Bình luận đưa ra hầu hết chi tiết để hỗ trợ cho (các) lập trường trong lập luận.
• Mọi diễn giải đều hợp logic, xuyên suốt và công bằng.</td>
<td>• Các câu chủ đề đều mơ hồ và không bám sát các ý chính của bài.
• Bằng chứng cho các khẳng định đều thiếu và không mang tính học thuật.
• Bình luận không logic, thiếu chiều sâu và chiều rộng để nói lên được tính phức hợp của chủ đề.
• Bình luận không phản ánh được nhiều góc nhìn có liên quan với chủ đề.
• Bình luận tập trung ngẫu nhiên và vào các chi tiết không quan trọng.
• Có rất ít diễn giải về thông tin, hay diễn giải không logic.</td>
</tr>
</table>

Kết luận	• Tóm tắt được mọi điểm chính một cách đúng đắn, rõ ràng và chính xác. • Mọi kết luận chính đều hợp logic. Mọi góc nhìn có liên quan đều được xem xét và xử lý công bằng.	• Tóm tắt được hầu hết điểm chính một cách đúng đắn, rõ ràng và chính xác. • Hầu hết kết luận chính đều hợp logic. Hầu hết góc nhìn có liên quan đều được xem xét và xử lý công bằng.	• Tóm tắt được phần lớn điểm chính một cách đúng đắn, rõ ràng và chính xác. • Phần lớn kết luận chính đều hợp logic. Phần lớn góc nhìn có liên quan đều được xem xét và xử lý công bằng.	• Không tóm tắt được những điểm chính một cách đúng đắn, rõ ràng và chính xác. • Không đưa ra các kết luận logic hay không tư duy công bằng về các vấn đề tranh cãi.

Định hướng học viên:

Các học viên phải nghiên cứu và tường thuật các kết quả và vấn đề nằm mặc nhiên trong Triều đại Tống của Trung Quốc. Dưới đây là một số bước cho hoạt động này.

Bước 1: Chuẩn bị kế hoạch nghiên cứu

Đây là giai đoạn chuẩn bị. Trong giai đoạn này, học viên sẽ phân tích và đánh giá bài nghiên cứu khi chuẩn bị viết bài (xin xem phần Phân tích và Đánh giá Nghiên cứu Lịch sử trang 109 - 111).

Vì thế, ở giai đoạn chuẩn bị này, học viên phải hoàn tất những phần dưới đây:

1. **Mục đích** của nghiên cứu này là...

2. Những **câu hỏi** và vấn đề tranh cãi cốt lõi nằm ngay tâm điểm của dự án nghiên cứu này là…
3. Những **thông tin** cốt lõi cho lập luận thông qua các câu hỏi và vấn đề tranh cãi này là…
4. Những **kết luận** (**suy luận**) chính mà tôi sẽ đưa ra trong bài viết là…
5. (Những) **góc nhìn** tôi sẽ nhấn mạnh trong bài viết nghiên cứu này là…
6. Những niềm tin tôi đang xem là đương nhiên trong bài viết này là… Hay nói khác đi, những **giả định** cốt lõi của tôi là…
7. Những **khái niệm** then chốt tôi muốn đưa vào bài viết này là… Chúng có thể được phát biểu như sau…
8. Một số **hàm ý** quan trọng sẽ nảy sinh từ lập luận tôi đang phát triển trong bài viết này là như sau…

Bước 2: Phản hồi trên giấy của học viên cho bài viết chuẩn bị

Sau khi học viên đã hoàn thành bước 1 tập trung vào các yếu tố lập luận, hãy nhóm học viên lại thành ba nhóm và yêu cầu họ đọc lớn và chậm bài của mình cho các thành viên trong nhóm. Hai thành viên khác trong nhóm sẽ phản hồi lại học viên đang đọc. Học viên phải đưa ra phản hồi bằng cách sử dụng các chuẩn trí tuệ (xin xem mục về các chuẩn trí tuệ). Nói khác đi, họ phải tập trung vào *tính rõ ràng, sự đúng đắn, tính logic, sự liên quan, công bằng, ý nghĩa*, v.v.. khi đưa ra phản hồi. Sau khi tất cả học viên đã đọc bài của mình xong và nhận được phản hồi, họ phải chọn ra ba bài tốt nhất, lần này vẫn sử dụng các chuẩn trí tuệ để đánh giá bài nào là tốt nhất. Có thể điều này sẽ phải mất vài buổi học.

Bước 3: Viết bài nghiên cứu

Sau khi đã vạch ra logic nghiên cứu của mình trong bước 1, học viên sẽ viết một bài luận cuối cùng dài 10 đến 12 trang. Học viên phải sử dụng tối thiểu 5 nguồn thông tin sơ cấp và có thể sử dụng không giới hạn các nguồn thông tin thứ cấp. Các trang viết phải được đánh số thứ tự bắt đầu từ 1, canh lề trái, lề phải và phải cách dòng. Các tài liệu tham khảo phải định dạng theo kiểu APA. Bài luận được giao phải được hoàn tất theo từng giai đoạn.

Bước 4: Phản hồi của học viên về mỗi mục trong bài luận của họ

Học viên đưa ra phản hồi cho các bạn về mỗi mục trong bài viết mình được giao, sử dụng định dạng theo phần 2 của chiến lược giảng dạy này. Học viên có thể nộp một mục trong bài viết của mình, có kèm theo đánh giá, bình luận tự xét lại và của các bạn học viên khác, cho giảng viên để đánh giá mức độ tiến triển của bài viết.

Chiến lược giảng dạy 4: Xét lại Hàng ngày

Mục tiêu

Thực hành này sẽ cải thiện cách hiểu của học viên về các yếu tố của tư tưởng và các chuẩn trí tuệ bằng cách đưa học viên tham gia vào các thảo luận hàng ngày về việc đọc, thảo luận trên lớp và các nội dung truyền thông khác có liên quan đến lịch sử.

Kết quả

1. Học viên sẽ trả lời đúng các câu hỏi tập trung vào các nhiệm vụ tư duy phản biện.
2. Học viên sẽ đưa ra các câu hỏi gắn với các yếu tố của tư tưởng và các chuẩn trí tuệ.

Thảo luận

Nếu học viên muốn học cách tư duy một cách lịch sử, họ phải học mọi lúc, trong mọi lớp học và trong việc thực hiện mọi bài tập được giao. Một cách quan trọng để đưa học viên tham gia vào việc học có ý nghĩa là cấu trúc một khoảng thời gian xét lại ngắn ngay từ lúc bắt đầu và/ hoặc vào cuối mỗi lớp học để giúp học viên đào sâu cách hiểu của mình về nội dung lịch sử. Những khoảng thời gian xét lại này phải rõ ràng tập trung vào các yếu tố của lập luận và các chuẩn trí tuệ sao cho học viên sẽ xem lịch sử như một phương cách tư duy.

Một bài xét lại ngay từ lúc bắt đầu lớp học có thể gồm những câu hỏi dựa trên các yếu tố của tư tưởng như dưới đây:

1. **Mục đích** của tác giả khi viết bài này là gì?

2. Bài này đang gắng trả lời **những câu hỏi** nào? Trong những câu hỏi đã được nêu ra ấy, câu nào đã được trả lời và câu nào vẫn chưa được trả lời?
3. **Thông tin** nào đóng vai trò trung tâm cho bài này? Còn có những thông tin thêm nào có thể liên quan đến cách hiểu chủ đề hay vấn đề này?
4. Tác giả đưa ra những kết luận hay **suy luận** then chốt nào? Tác giả có chỉ ra những nhận thức sâu sắc, *quan trọng* cần xem xét thêm không?
5. Tác giả quan tâm chính đến **những khái niệm** nào? Những ý chính nào đang dẫn dắt hay xuyên suốt trong công trình của tác giả?
6. Tác giả đưa ra **những giả định** cốt lõi nào? Điều gì được tác giả xem là đương nhiên?
7. Đâu là một số **hàm ý** *quan trọng* trong các khẳng định của tác giả? Đâu là những hệ luận có thể nảy sinh nếu người đọc đồng ý với các kết luận của tác giả?
8. **Góc nhìn** của tác giả là gì? Tác giả có lập trường cá nhân trong các khẳng định của mình không? Còn có những góc nhìn *đáng tin cậy* khác về chủ đề này không? Tác giả đang trình bày những góc nhìn nào? Những quan điểm đó có được trình bày công bằng không?

Việc xét lại bài học vào khoảng thời gian sắp kết thúc bài học có thể được tổ chức dựa theo bảng kiểm kê tương tự như sau:

1. **Mục đích** của bài này là gì? Chúng ta đang gắng trả lời **những câu hỏi** nào?
2. Hôm nay, chúng ta đã biết được những **thông tin** nào và những thông tin đó đến từ đâu?

3. Điều gì đã làm cho nguồn **thông tin** này *đáng tin cậy*? Đó là gì?
4. Hôm nay chúng ta có thể đưa ra **những suy luận** nào và bằng chứng nào sẽ hỗ trợ cho chúng?
5. Hôm nay chúng đang xử lý **những khái niệm** nào và chúng được định nghĩa ra sao?
6. **Những góc nhìn** và diễn giải nào được đưa vào trong bài học hôm nay? Có cái nào cần khảo sát kỹ hơn không? Tại sao?
7. Cuộc thảo luận của chúng ta làm phát sinh **những câu hỏi** hay vấn đề gì để ta có thể khảo sát thêm trong bài học kế tiếp?

Những câu hỏi gợi ý trên là những ý thảo luận đáng chú ý và ta có thể chuyển chúng thành các bài tập viết hay bài tập cho bài học như bài kiểm tra 1 - 10 phút cho cách hiểu của học viên, hoặc như một phần phản tư trên giấy để kiểm tra các kỹ năng tư duy và viết của học viên.

Chiến lược giảng dạy 5: Bảng Đồ họa

Mục tiêu

Tuy viết sử là một chủ đề phức hợp, song nó lại mang tính cốt lõi cho việc ta hiểu về cách các chuyện kể lịch sử được tạo ra như thế nào và hoạt động chức năng ra sao. Vì có hàng tá trường phái viết sử, nên việc hiểu sâu sắc về các trường phái ấy đòi hỏi công việc giảng dạy phải tận tâm với chính việc viết sử. Bởi lẽ, điều này không dễ gì làm được trong một hoặc hai khóa học, và các khóa học tổng quan giảng dạy lịch sử ở cấp giáo dục cao hơn thường tiêu biểu không tập trung vào việc viết sử, nên việc giới thiệu cho học viên các trường phái tư tưởng lịch sử đa dạng là một việc làm hữu ích. Một giới thiệu như thế có thể sẽ gia tăng ý thức của học viên về sự thật là lịch sử có gắn kết chặt chẽ với sự diễn giải.

Mục đích của việc sử dụng bảng đồ họa là để giúp học viên hiểu các trường phái viết sử, các đặc điểm độc đáo và những điểm chung của họ. Bảng đồ họa được thiết kế để làm sáng tỏ thông tin bằng cách chỉ ra các niên đại và các mối quan hệ, nhận diện các mẫu tiêu biểu và minh họa các qui trình. Bảng đồ họa cũng có thể đơn giản như một biểu đồ thời gian theo chiều dọc hoặc cũng phức hợp như một bản đồ khái niệm; các biểu đồ có thể chứa đựng các nguyên tắc chung, các biểu đồ phát triển, những sự phân cấp, hình và biểu đồ.

Biểu đồ

Học biết được rằng có nhiều diễn giải về lịch sử và nhiều trường phái có góc nhìn lịch sử khác nhau đôi khi sẽ gây rối và nản lòng cho học viên. Các diễn giải phổ biến về lịch sử trên truyền thông dòng chủ lưu thường không được dẫn nhập nhiều gì về các góc nhìn nằm trong chuyện kể và góc nhìn đó khác với những quan điểm khác ra sao. Trong khi

một số học viên sẽ dần nhận ra những khác biệt ấy sau khi đọc các chuyện kể khác nhau về cùng chủ đề, số khác thì cần nhiều chuyện kể hơn nữa mới nắm được điều đó.

Dưới đây là một biểu đồ dựa theo chiến lược giảng dạy "Ba sách giáo khoa và một cuộc chiến" ở trên. Hãy nhớ lại rằng bài tập này chứa những góc nhìn và diễn giải khác nhau về cùng một sự kiện lịch sử. Để giúp học viên nhận ra rằng góc nhìn của họ thuộc về các trường phái tư tưởng đã được xác lập, và rằng các trường phái tư tưởng đó đã áp dụng các giá trị và giả định của họ vào mọi chủ đề lịch sử - chứ không chỉ vào Chiến tranh Lạnh - giảng viên có thể dùng một biểu đồ để biểu thị các trường phái, rồi gợi ý cho học viên hình dung cách các trường phái khác nhau đó sẽ nhìn các sự kiện khác như thế nào.

Trong Hình 1, ta có thể thấy một mẫu về các trường phái viết sử và cách biểu đồ không những làm rõ nội dung của các trường phái tư tưởng đó mà còn tạo điều kiện dễ dàng cho việc so sánh và đối chiếu các trường phái. Giảng viên sử dụng các biểu đồ như thế sẽ giúp học viên hiểu được rằng hai trường phái tư tưởng có thể chia sẻ chung các đặc điểm giống nhau và rằng một số sử gia sẽ không được xếp một cách ngay ngắn vào trường phái này hay trường phái kia được. Các sử gia có thể thay đổi các quan điểm của mình theo thời gian, hoặc họ có thể có nhiều sự cảm thông khác nhau. Giảng viên phải hỗ trợ học viên thực hiện nhiệm vụ khó khăn là phân biệt các trường phái tư tưởng cá biệt với các trường phái tư tưởng khác, chung hơn.

Chẳng hạn, thuyết xét lại là một lối tiếp cận do các nhà Marxist và phi Marxist đưa ra; hơn nữa, trong lối tiếp cận của mình, một số nhà xét lại còn đi theo thuyết nữ quyền, trong khi số khác lại quan tâm chính đến chủng tộc và các kinh nghiệm tộc người. Khi nắm bắt các kinh nghiệm của

các dân tộc thường bị lãng quên trong các chuyện kể chính thống, thuyết xét lại cũng được sử dụng để xóa đi ký ức về một số sự kiện nhất định - như đã được minh chứng bởi sự phủ nhận cuộc tàn sát người Do Thái và các mô tả kiểu Stalin về lịch sử Nga. Trong thuyết hậu xét lại, một số sử gia chấp nhận quan điểm rằng nước Mỹ là một đế quốc, còn một số khác lại không chấp nhận.

Hình 1: Các trường phái viết sử



Bản đồ khái niệm

Một bản đồ khái niệm sẽ minh họa mối quan hệ giữa các khái niệm, ý niệm, con người, sự kiện, công trình xuất bản và các nơi chốn. Ví dụ dưới đây được dựa trên một khóa học về Chiến tranh Lạnh và để cập đến khái niệm "chính sách ngăn chặn". Bản đồ này có thể được dùng như một công cụ xét lại để giúp học viên sắp xếp cách hiểu của mình về tư duy và các sự kiện của Chiến tranh Lạnh. Những mối quan hệ được minh họa trong Hình 2 có thể là cơ sở để thảo luận trên lớp dựa trên những câu hỏi sau[1]:

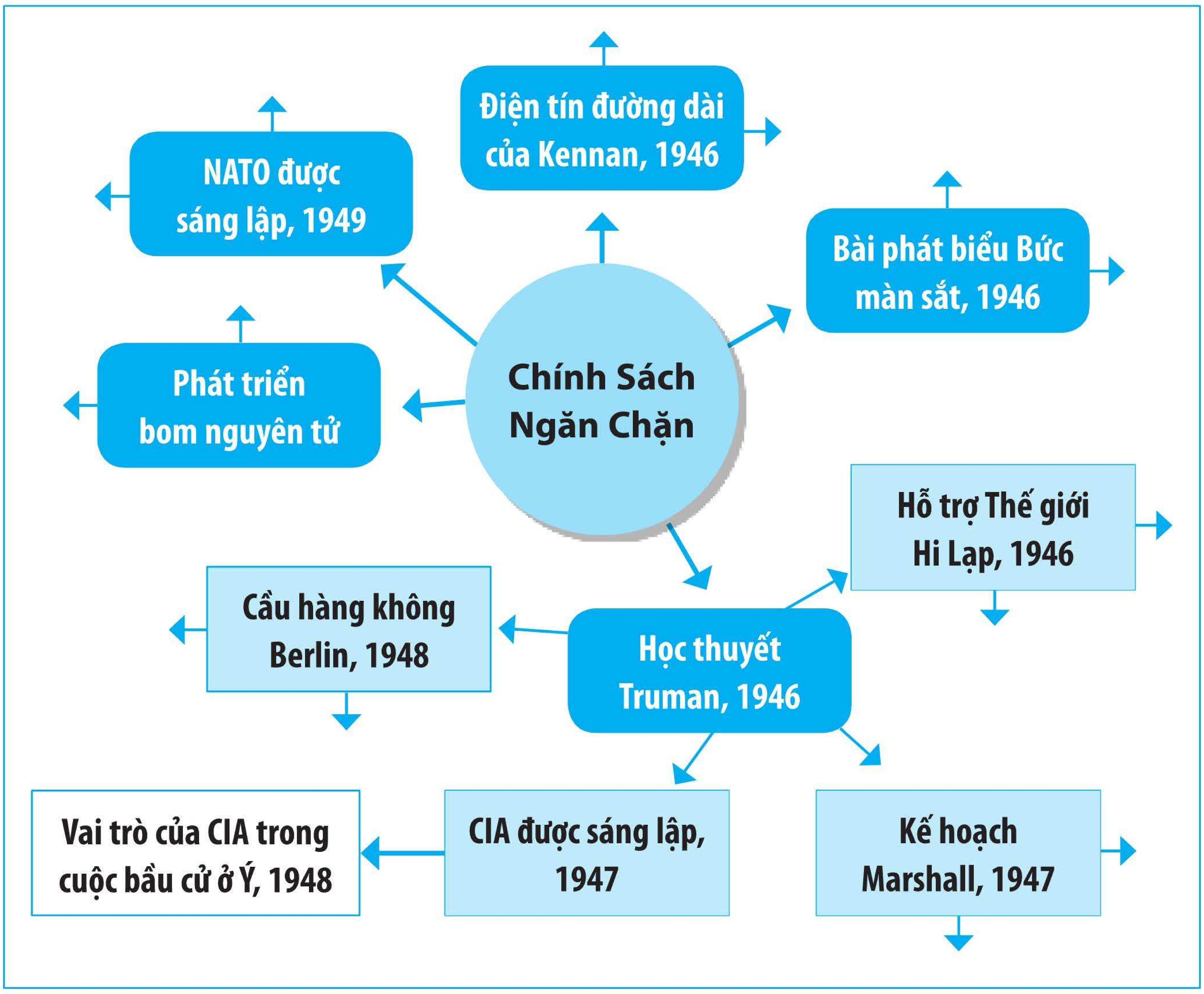
1. Đâu là mối quan hệ giữa Điện tín Đường dài của Kennan với chính sách ngăn chặn?
2. Bài phát biểu Bức màn sắt có liên quan như thế nào với việc tạo ra Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)?
3. Hoạt động của CIA trong cuộc bầu cử ở Ý năm 1948 phản ánh những nguyên tắc của Học thuyết Truman như thế nào?
4. Hãy nhận diện các sự kiện riêng đã trực tiếp dẫn đến Điện tín Đường dài của Kennan, Bài phát biểu Bức màn sắt, Kế hoạch Marshall và NATO.

Học viên cũng phải được khuyến khích tạo ra và bàn luận các bản đồ khái niệm của riêng mình khi xử lý các vấn đề phức hợp.

---

1 Chính sách ngăn chặn là khái niệm về việc ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản bằng nhiều biện pháp. Trong bản đồ này, học viên có thể thấy rằng khái niệm này là cơ sở trong các bài phát biểu, các liên minh, việc chế tạo vũ khí và Học thuyết Truman. Đến lượt chúng, những điều đó đã được dùng để hợp lý hóa cho việc tạo ra các phương thức ngăn chặn khác và các phản ứng trước chủ nghĩa cộng sản, như Kế hoạch Marshall, Cầu hàng không Berlin và CIA.

Hình 2: Chính sách ngăn chặn ở Mỹ: 1946 - 1949



Cân thăng bằng

Việc hiểu được các động cơ đằng sau các quyết định then chốt trong lịch sử không phải lúc nào cũng dễ dàng. Minh họa bằng đồ họa các lợi ích xung đột sẽ giúp học viên hiểu các vấn đề rõ hơn. Vì các bảng đồ họa chỉ có hai nhóm, nên khi gặp các vấn đề có tính phức hợp cao, ta nên cho thêm nhiều nhóm vào, giảng viên sẽ giúp học viên hiểu bằng cách thêm một khía cạnh khác nữa (hoặc các khía cạnh khác) vào hình minh họa và bằng cách phân biệt những sự khác biệt tinh tế giữa mỗi góc nhìn. Trong Hình 3, ta sẽ thấy các lợi ích xung đột và các cơ sở nền tảng ủng hộ và chống lại các cuộc cải cách Minh trị ở Nhật (1868)[1].

Hình 3: Sự chống đối và ủng hộ các cuộc cải cách Minh trị



1 Cải cách Minh Trị ở Nhật là do chính phủ khởi xướng để công nghiệp hóa Nhật Bản và cho phép nó mở rộng bá quyền ra châu Á giống cách mà các quốc gia châu Âu và Mỹ đã mở rộng bá quyền ra Ấn Độ, châu Phi và châu Mỹ Latinh. Trong suốt các cuộc cải cách Minh Trị, Nhật Bản đã đi theo các mô hình phương Tây về giáo dục công, ngân hàng, chế tạo vũ khí, cơ sở hạ tầng truyền thông và vận chuyển, và tổ chức quân sự. Những cải cách này đã tạo điều kiện cho cuộc cách mang công nghiệp ở Nhật và những cuộc bành trướng sau đó của Nhật ra Trung Quốc và Trân Châu cảng.

Cân thăng bằng có thể được dùng làm cơ sở cho thảo luận trên lớp vốn sẽ khuyến khích tư duy phản biện bằng cách đặt ra những câu hỏi sau:

1. Ai không muốn những cải cách Minh Trị ở Nhật? họ xác định và đánh giá sự ổn định xã hội và kinh tế như thế nào, và góc nhìn của họ khác ra sao với góc nhìn của những người ủng hộ cải cách?
2. Bối cảnh địa chính trị khi bắt đầu diễn ra các cuộc cải cách này là gì, và nó tác động ra sao đến tư duy của cả hai phía?
3. Những người ủng hộ cải cách đã *khái niệm hóa* "sự tiến bộ" như thế nào, và điều này khác ra sao với những người phản đối cải cách?
4. Những người chống đối cải cách đã dùng những thông tin gì để biện minh cho khẳng định của mình rằng cải cách có thể dẫn đến chiến tranh, suy đồi xã hội và tổn thất văn hóa?
5. Những người ủng hộ cải cách đã gắng giải quyết *những vấn đề* gì? Họ đưa ra *những giả định* nào về tác động của cải cách lên nước Nhật?
6. Những cuộc cải cách này có *những hàm ý* và *hệ luận* quan trọng trong ngắn hạn và dài hạn nào?

Bánh răng động cơ

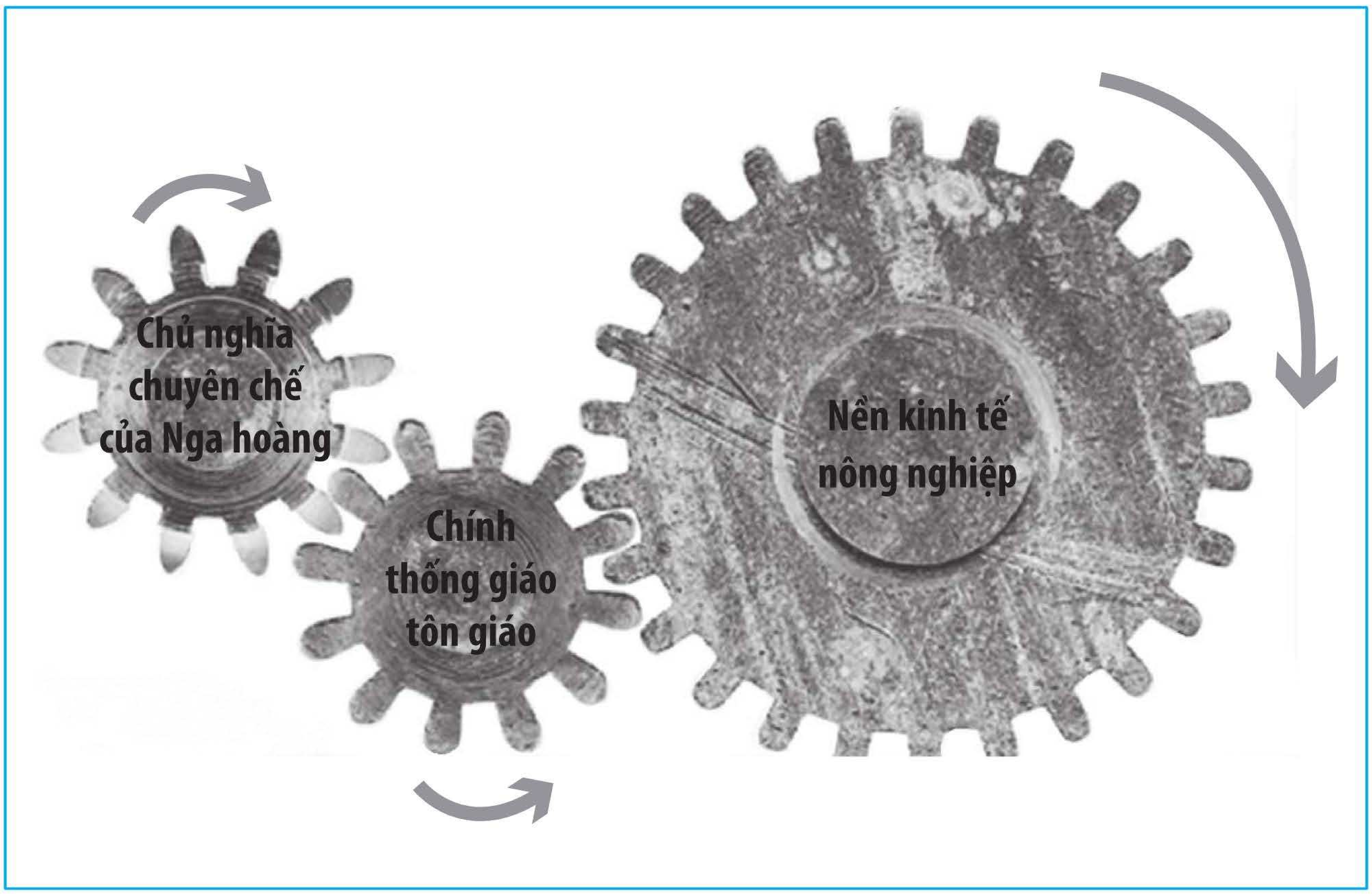
Đôi khi, việc giải thích lý do tại sao các điều kiện, hoàn cảnh lại chậm trễ cho sự thay đổi đòi hỏi một sự minh họa mô tả cách thức các yếu tố riêng biệt góp phần vào cho toàn bộ hiện tượng. Chẳng hạn, hoàn cảnh của giai cấp nông nô ở Nga đã tồn tại hàng trăm năm và vẫn còn nguyên vẹn hoàn toàn trong khi những thay đổi quyết liệt đã diễn ra ở châu Âu gồm cuộc cách mạng dân chủ và sự công nghiệp

hóa. Học viên có thể thấy qua các bánh răng động cơ rằng có ba nhân tố lớn góp phần cho sự tồn tại giai cấp nông nô ở Nga. Khi sử dụng bảng đồ họa này, giảng viên phải đảm bảo học viên hiểu được các khái niệm về chủ nghĩa chuyên chế, chính thống giáo tôn giáo và nền kinh tế nông nghiệp. Hình 4 có thể hữu ích để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc thảo luận dựa theo những câu hỏi sau[1]:

1. Chính thống giáo đã được sử dụng trên phương diện nào để giữ cho kinh tế tập trung vào việc sản xuất nông nghiệp? Trên phương diện nào nó đảm bảo quyền uy của Nga hoàng?
2. Trên phương diện nào Nga hoàng sử dụng quyền uy để giữ cho kinh tế tập trung vào nông nghiệp?
3. Điều gì có thể xảy ra với quyền uy của Nga hoàng hay với hoàn cảnh của giai cấp nông nô nếu chính thống giáo bị loại ra khỏi hộp động cơ?

1 Các động cơ sẽ cùng nhau hoạt động để đảm bảo chế độ nông nô vẫn được giữ nguyên vẹn. Vào thế kỷ XIX, trong khi các quốc gia phương Tây và Nhật Bản đã công nghiệp hóa nhanh chóng. Nước Nga vẫn duy trì một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Điều này có nghĩa là Nga không có giai cấp công nhân nhà máy và có rất ít giai cấp trung lưu. Xã hội đã bị phân cực, khi một phần nhỏ người giàu cai trị phần lớn giai cấp nông nô. Chính thống giáo tôn giáo đã giữ cho chế độ nông nô ở nguyên vị trí vì nó dạy rằng Thượng đế muốn con người tuân phục những nhà cai trị và phải chờ đợi phần thưởng cho công sức lao động khổ cực của mình ở đời sau; vì thế, chính thống giáo tôn giáo đã biện minh cho quyền uy của Nga hoàng cũng như cho vị trí của người nông dân trong trật tự tự nhiên của cuộc sống.

Hình 4: Các động cơ của chế độ nông nô



THINKER'S GUIDE LIBRARY

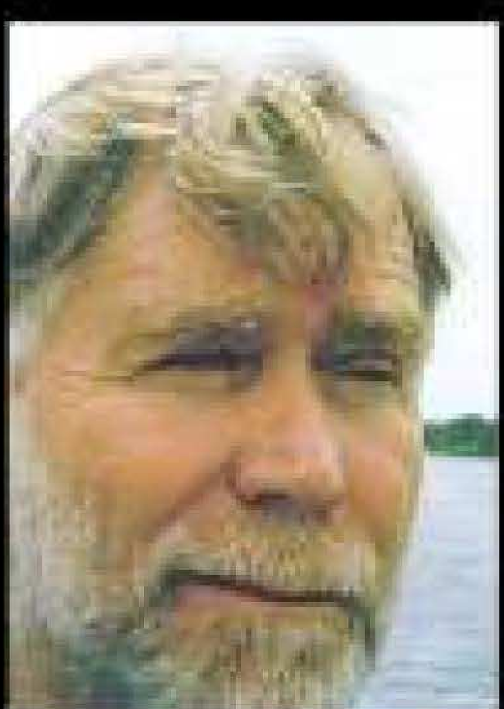
TỦ SÁCH CẨM NANG TƯ DUY



Tiến sĩ Meg Gorzycki là nhà tư vấn bộ môn tại Trung tâm giảng dạy và Khoa Phát triển Đại học San Francisco. Bà có 23 năm kinh nghiệm giảng dạy lịch sử, tâm lý học, đạo đức học và truyền thông ở cấp trung học phổ thông thuộc các trường cao đẳng cộng đồng; bà cũng dạy tiếng Nga và tiếng Ả Rập. Các quan tâm nghiên cứu của Tiến sĩ Gorzycki gồm văn liệu tộc người, sư phạm học cho giáo dục cấp cao và lịch sử Chiến tranh Lạnh.



Tiến sĩ Linda Elder là một nhà tâm lý học giáo dục đang dạy tâm lý học và tư duy phản biện ở đại học. Bà là Chủ tịch Quĩ Tư duy Phản biện (Foundation for Critical Thinking) và là Giám đốc Điều hành của Trung tâm Tư duy Phản biện. Tiến sĩ Elder đặc biệt quan tâm đến mối quan hệ giữa tư tưởng và cảm xúc, nhận thức và tình cảm. Bà đã phát triển một lý thuyết độc đáo về các giai đoạn phát triển của tư duy phản biện. Bà là đồng tác giả của 4 quyển sách về tư duy phản biện, cũng như 24 quyển sách cẩm nang tư duy. Bà còn là một nhà thuyết trình năng động, nhiều kinh nghiệm trong các buổi hội thảo về tư duy phản biện.



Tiến sĩ Richard Paul là người lãnh đạo chính của phong trào tư duy phản biện quốc tế. Ông là Giám đốc Nghiên cứu của Trung tâm Tư duy Phản biện, Chủ tịch Hội đồng Quốc gia về sự Ưu việt trong Tư duy Phản biện; là tác giả của hơn 200 bài báo và 7 quyển sách về tư duy phản biện. Tiến sĩ Paul đã tổ chức hàng trăm hội thảo về tư duy phản biện và tham gia vào loạt phim 8 tập về tư duy phản biện cho chương trình PBS. Những quan điểm của ông về tư duy phản biện đã được thảo luận trên New York Times, Education Week, The Chronicle of Higher Education, American Teacher, Educational Leadership, Newsweek, U.S. News and World Report và Reader Digest.

Cẩm nang Tư Duy Lịch Sử

ISBN: 978-604-58-5659-8

9786045856598

Giá: 50.000 đồng

www.sachweb.vn